BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TIẾNG VIỆT 3

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
ĐỖ HỒNG DƯƠNG – NGUYỄN THỊ KIM OANH – TRẦN KIM PHƯỢNG

TIẾNG VIỆT 3

TẬP MỘT

(Tái bản lần thứ tư)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Kí hiệu dùng trong sách

 Khởi động

 Đọc văn bản

 Trả lời câu hỏi

 Luyện từ và câu

 Luyện viết đoạn

 Vận dụng

M: Mẫu

G: Gợi ý

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Việc viết hoa trong sách ***Tiếng Việt 3*** được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư do Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2020.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Sách *Tiếng Việt 3* (hai tập) giúp các em rèn luyện và phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe theo chủ điểm:

– Tập một: *Những trải nghiệm thú vị, Cổng trường rộng mở, Mái nhà yêu thương, Cộng đồng gắn bó.*

– Tập hai: *Những sắc màu thiên nhiên, Bài học từ cuộc sống, Đất nước ngàn năm, Trái Đất của chúng mình.*

Ở mỗi chủ điểm, các em được đọc và nghe để tìm hiểu, khám phá những câu chuyện, bài thơ, bài văn,... thú vị, bổ ích; qua đó có thêm những hiểu biết về thiên nhiên, con người và cuộc sống xung quanh. Các em được viết và nói để chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc được gợi ra từ những gì đã đọc và nghe.

Tất cả các bài học đều có tranh minh hoạ đẹp mắt, sinh động. Hi vọng *Tiếng Việt 3* sẽ mang đến cho các em những giờ học bổ ích, đáng nhớ.

Chúc các em học tập thật vui!

CÁC TÁC GIẢ

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỤC LỤC

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
		NHỮNG TRẢI NGHIỆM THÚ VỊ	9
1	1	**Đọc:** *Ngày gặp lại* **Nói và nghe:** Mùa hè của em **Viết:** – Nghe – viết: *Em yêu mùa hè* – Phân biệt *c/k*	10 11 12
	2	**Đọc:** *Về thăm quê* **Viết:** Ôn chữ viết hoa: 𝒜, Ă, Â **Luyện tập:** – Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; Câu giới thiệu, câu nêu hoạt động – Viết tin nhắn	13 14 14
2	3	**Đọc:** *Cánh rừng trong nắng* **Nói và nghe:** Kể chuyện *Sự tích loài hoa của mùa hạ* **Viết:** – Nghe – viết: *Cánh rừng trong nắng* – Phân biệt *g/gh*	17 19 20
	4	**Đọc:** *Lần đầu ra biển* **Đọc mở rộng** **Luyện tập:** – Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm – Viết đoạn văn kể lại hoạt động đã làm cùng người thân	21 23 23
3	5	**Đọc:** *Nhật kí tập bơi* **Nói và nghe:** Một buổi tập luyện **Viết:** – Nghe – viết: *Mặt trời nhỏ* – Phân biệt *ng/ngh*	26 28 29
	6	**Đọc:** *Tập nấu ăn* **Viết:** Ôn chữ viết hoa: ℬ, 𝒞 **Luyện tập:** – Từ ngữ chỉ hoạt động; Câu nêu hoạt động – Viết đoạn văn nêu các bước làm một món ăn	30 32 32
4	7	**Đọc:** *Mùa hè lấp lánh* **Nói và nghe:** Kể chuyện *Chó đốm con và mặt trời* **Viết:** – Nghe – viết: *Mùa hè lấp lánh* – Phân biệt *ch/tr*, *v/d*	34 36 37

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
	8	**Đọc:** *Tạm biệt mùa hè* **Đọc mở rộng** **Luyện tập:** – Mở rộng vốn từ về mùa hè; Dấu chấm, dấu hai chấm – Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người bạn	38 40 40
CỔNG TRƯỜNG RỘNG MỞ			42
5	9	**Đọc:** *Đi học vui sao* **Nói và nghe:** Tới lớp, tới trường **Viết:** – Nhớ – viết: *Đi học vui sao* – Phân biệt *s/x*, *dấu hỏi/dấu ngã*	43 44 45
	10	**Đọc:** *Con đường đến trường* **Viết:** Ôn chữ viết hoa: 𝒟, 𝒟 **Luyện tập:** – Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu nêu đặc điểm – Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người mà em yêu quý	46 48 48
6	11	**Đọc:** *Lời giải toán đặc biệt* **Nói và nghe:** Kể chuyện *Đội viên tương lai* **Viết:** – Nghe – viết: *Lời giải toán đặc biệt* – Phân biệt *r/d/gi*, *an/ang*	50 52 53
	12	**Đọc:** *Bài tập làm văn* **Đọc mở rộng** **Luyện tập:** – Mở rộng vốn từ về nhà trường; Câu hỏi – Điền thông tin vào mẫu đơn xin vào Đội	54 56 57
7	13	**Đọc:** *Bàn tay cô giáo* **Nói và nghe:** Một giờ học thú vị **Viết:** – Nghe – viết: *Nghe thầy đọc thơ* – Phân biệt *l/n*, *ăn/ăng*	59 60 61
	14	**Đọc:** *Cuộc họp của chữ viết* **Viết:** Ôn chữ viết hoa: 𝒞, 𝒞 **Luyện tập:** – Câu kể; Các dấu kết thúc câu – Viết đoạn văn giới thiệu về bản thân	62 63 64

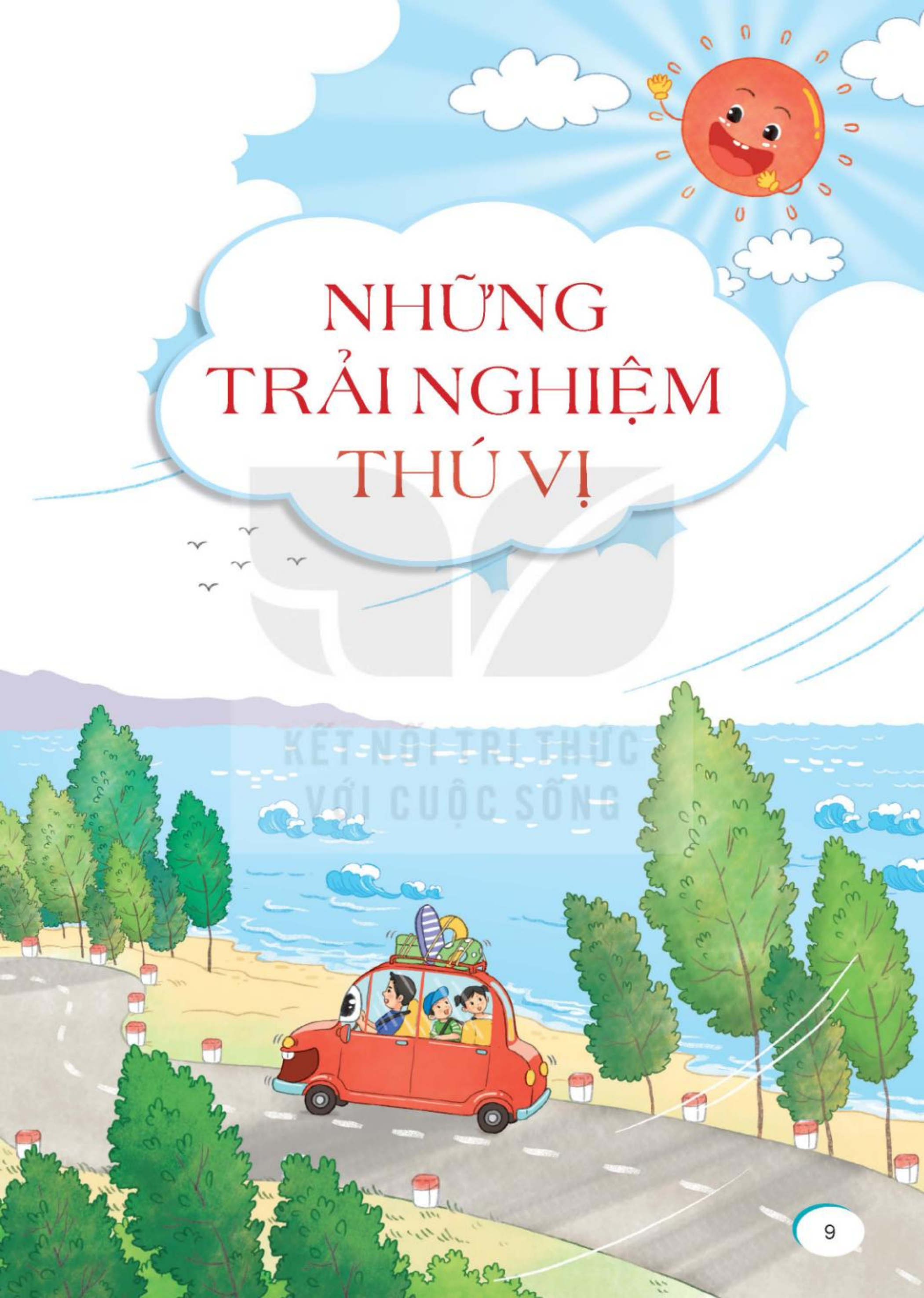
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
8	15	**Đọc:** *Thư viện* **Nói và nghe:** Kể chuyện *Mặt trời mọc ở đằng… tây!* **Viết:** – Nghe – viết: *Thư viện* – Phân biệt *ch/tr, ân/âng*	66 68 69
	16	**Đọc:** *Ngày em vào Đội* **Đọc mở rộng** **Luyện tập:** – Mở rộng vốn từ về thư viện; Câu cảm – Viết thông báo	70 71 72
9		**Ôn tập giữa học kì 1**	74
		MÁI NHÀ YÊU THƯƠNG	81
10	17	**Đọc:** *Ngưỡng cửa* **Nói và nghe:** Kể chuyện *Sự tích nhà sàn* **Viết:** – Nghe – viết: *Đồ đạc trong nhà* – Phân biệt *iêu/ươu, en/eng*	82 84 85
	18	**Đọc:** *Món quà đặc biệt* **Viết:** Ôn chữ viết hoa: *G, H* **Luyện tập:** – Từ ngữ chỉ đặc điểm; Câu khiến – Viết đoạn văn tả đồ vật	86 88 88
11	19	**Đọc:** *Khi cả nhà bé tí* **Nói và nghe:** Những người yêu thương **Viết:** – Nghe – viết: *Khi cả nhà bé tí* – Phân biệt *iu/ưu, iên/iêng*	90 91 92
	20	**Đọc:** *Trò chuyện cùng mẹ* **Đọc mở rộng** **Luyện tập:** – Mở rộng vốn từ về người thân; Dấu hai chấm – Viết đoạn văn tả ngôi nhà của mình	93 94 95
12	21	**Đọc:** *Tia nắng bé nhỏ* **Nói và nghe:** Kể chuyện *Tia nắng bé nhỏ* **Viết:** – Nghe – viết: *Kho sách của ông bà* – Phân biệt *s/x, uôn/uông*	97 98 99

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
	22	**Đọc:** *Để cháu nắm tay ông* **Viết:** Ôn chữ viết hoa: Ꭻ, Ꮶ **Luyện tập:** – Từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm; Câu kể – Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với người thân	100 101 102
13	23	**Đọc:** *Tôi yêu em tôi* **Nói và nghe:** Tình cảm anh chị em **Viết:** – Nghe – viết: *Tôi yêu em tôi* – Phân biệt *r/d/gi*, *ươn/ương*	104 105 106
	24	**Đọc:** *Bạn nhỏ trong nhà* **Đọc mở rộng** **Luyện tập:** – Mở rộng vốn từ về bạn trong nhà; Biện pháp so sánh – Viết đoạn văn tả đồ vật	107 108 109
CỘNG ĐỒNG GẦN BÓ			111
	25	**Đọc:** *Những bậc đá chạm mây* **Nói và nghe:** Kể chuyện *Những bậc đá chạm mây* **Viết:** – Nghe – viết: *Những bậc đá chạm mây* – Phân biệt *ch/tr*, *ăn/ăng*	112 114 114
14	26	**Đọc:** *Đi tìm mặt trời* **Viết:** Ôn chữ viết hoa: Ꮮ **Luyện tập:** – Từ có nghĩa trái ngược nhau; Câu khiến – Viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe	116 117 118
	27	**Đọc:** *Những chiếc áo ấm* **Nói và nghe:** Thêm sức thêm tài **Viết:** – Nghe – viết: *Trong vườn* – Phân biệt *l/n*, *dấu hỏi/dấu ngã*	120 122 122
15	28	**Đọc:** *Con đường của bé* **Đọc mở rộng** **Luyện tập:** – Mở rộng vốn từ về nghề nghiệp; Câu hỏi – Viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc	124 126 126

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
16	29	**Đọc:** *Ngôi nhà trong cỏ* **Nói và nghe:** Kể chuyện *Hàng xóm của tắc kè* **Viết:** – Nghe – viết: *Gió* – Phân biệt *s/x*, *ao/au*	129 131 132
	30	**Đọc:** *Những ngọn hải đăng* **Viết:** Ôn chữ viết hoa: *M*, *N* **Luyện tập:** – Từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động; Hỏi – đáp về sự vật, hoạt động – Viết thư	133 134 135
17	31	**Đọc:** *Người làm đồ chơi* **Nói và nghe:** Kể chuyện *Người làm đồ chơi* **Viết:** – Nghe – viết: *Người làm đồ chơi* – Viết phiếu mượn sách	137 139 139
	32	**Đọc:** *Cây bút thần* **Đọc mở rộng** **Luyện tập:** – Mở rộng vốn từ về thành thị, nông thôn; Biện pháp so sánh – Viết thư và phong bì thư	140 141 142
18	**Ôn tập và Đánh giá cuối học kì 1**		144

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG



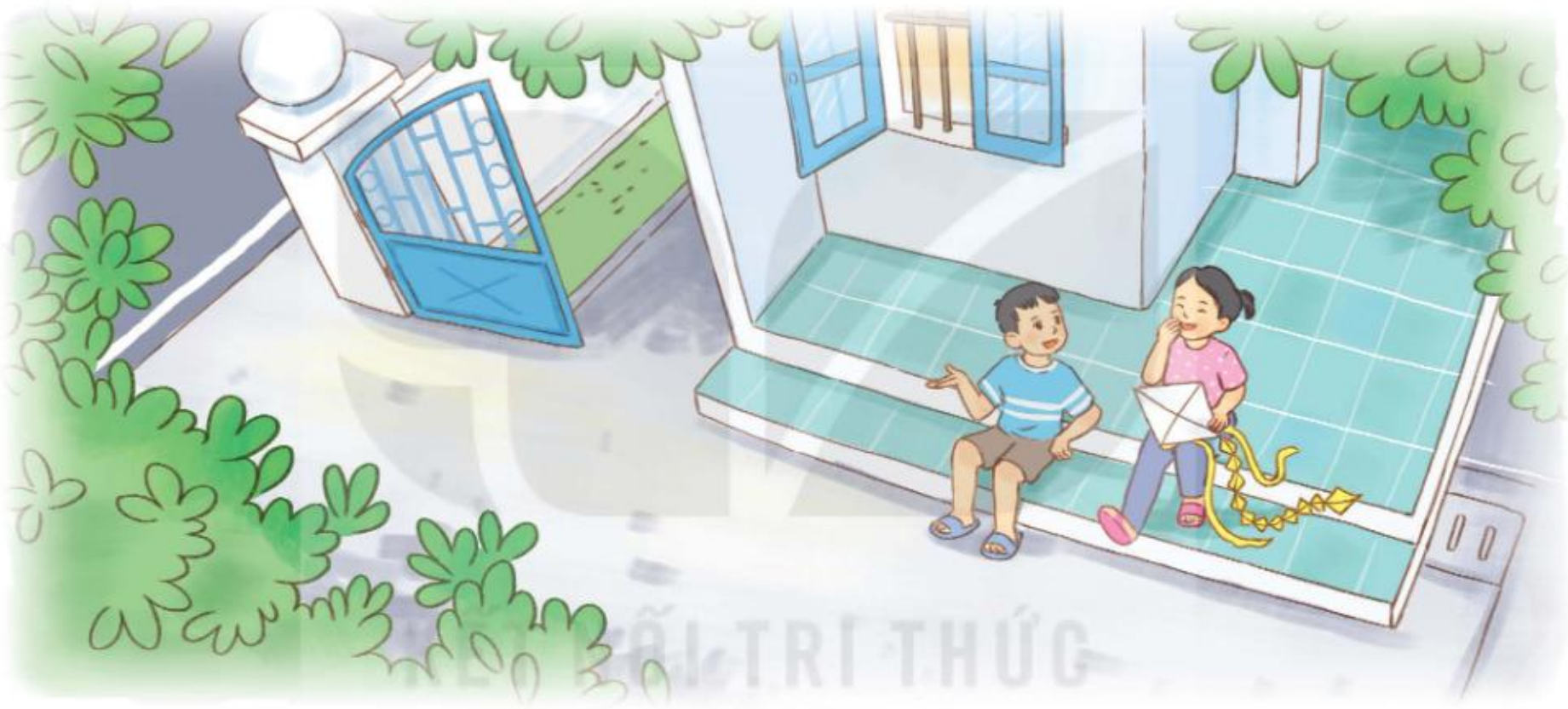
KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 1 NGÀY GẶP LẠI

ĐỌC



Tưởng tượng em gặp lại bạn sau một kì nghỉ dài, em sẽ nói gì với bạn?





NGÀY GẶP LẠI

Chi mở tung cửa sổ đón những tia nắng đầu thu. Thế là hết hè rồi. Ngày mai bắt đầu năm học mới.

Có tiếng gọi ngoài cổng. Chi nhìn ra, thấy Sơn giơ chiếc diều rất xinh, vẫy rối rít:

– Cho cậu này.

Chi mừng rỡ chạy ra. Sơn về quê từ đầu hè, giờ gặp lại, hai bạn có bao nhiêu chuyện. Sơn kể ở quê, cậu được theo ông bà đi trồng rau, câu cá. Chiều chiều, cậu thường cùng bạn thả diều. Khi diều lên cao, cậu nằm lăn ra bãi cỏ ngắm trời. Cánh diều đứng im như ngủ thiếp đi trên bầu trời xanh.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhìn Sơn đen nhẻm, mắt lấp lánh khi kể chuyện, Chi chợt thấy buồn:

– Tớ chẳng được đi đâu.

– Nhưng mẹ tớ bảo cậu biết đi xe đạp rồi.

– Ừ, tớ ở nhà tập xe thôi.

– Thế cậu được đạp xe đi khắp nơi mà.

Chi cười:

– Ừ nhỉ.

Thế là Chi kể bố dạy Chi đi xe đạp. Bây giờ, Chi đã đạp xe bon bon. Con đường quen thuộc bỗng trở nên mới mẻ.

Cứ như vậy, hai bạn thi nhau kể những trải nghiệm mùa hè.

Ngày mai đi học rồi, nhưng mùa hè chắc sẽ theo các bạn vào lớp học.

(Minh Dương)

1. Tìm những chi tiết thể hiện niềm vui khi gặp lại nhau của Chi và Sơn.

2. Sơn đã có những trải nghiệm gì trong mùa hè?

3. Trải nghiệm mùa hè của Chi có gì khác với Sơn?

4. Theo em, vì sao khi đi học, mùa hè sẽ theo các bạn vào lớp? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.

a. Vì các bạn vẫn nhớ những chuyện về mùa hè.

b. Vì các bạn sẽ kể cho nhau nghe những chuyện về mùa hè.

c. Vì các bạn sẽ mang những đồ vật kỉ niệm của mùa hè đến lớp.

NÓI VÀ NGHE

Mùa hè của em

1. Kể về điều em nhớ nhất trong kì nghỉ hè vừa qua.

2. Mùa hè năm nay của em có gì khác với mùa hè năm ngoái?

G:

– Trong mỗi mùa hè, em đã làm những gì?

– Em thích mùa hè nào hơn?



VIẾT

1. Nghe – viết:

Em yêu mùa hè

Em yêu mùa hè,
Có hoa sim tím
Mọc trên đồi quê
Rung rinh bướm lượn.

Thong thả dắt trâu
Trong chiều nắng xế,
Em hái sim ăn
Trời, sao ngọt thế!

Gió mát lưng đồi
Ve ngân ra rả
Trên cao lưng trời
Diều ai vừa thả.

Em yêu mùa hè
Có trái sim ngọt
Em yêu đồi quê
Có cơn gió mát.

(Nguyễn Thanh Toàn)



2. Tìm và viết tên sự vật bắt đầu bằng *c* hoặc *k* trong các hình dưới đây:



3. Tìm thêm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có tiếng bắt đầu bằng *c* hoặc *k*.

Trao đổi với người thân những mong muốn của em về kì nghỉ hè năm tới.

Bài 2

VỀ THĂM QUÊ

ĐỌC



Hỏi – đáp về những việc em đã làm cùng người thân trong kì nghỉ hè.



VỀ THĂM QUÊ

(Trích)

Nghỉ hè em thích nhất
Được theo mẹ về quê
Bà em cũng mừng ghê
Khi thấy em vào ngõ.

Mảnh vườn quê bé nhỏ
Bao nhiêu là thứ cây
Bà mỗi năm mỗi gầy
Chắc bà luôn vất vả.

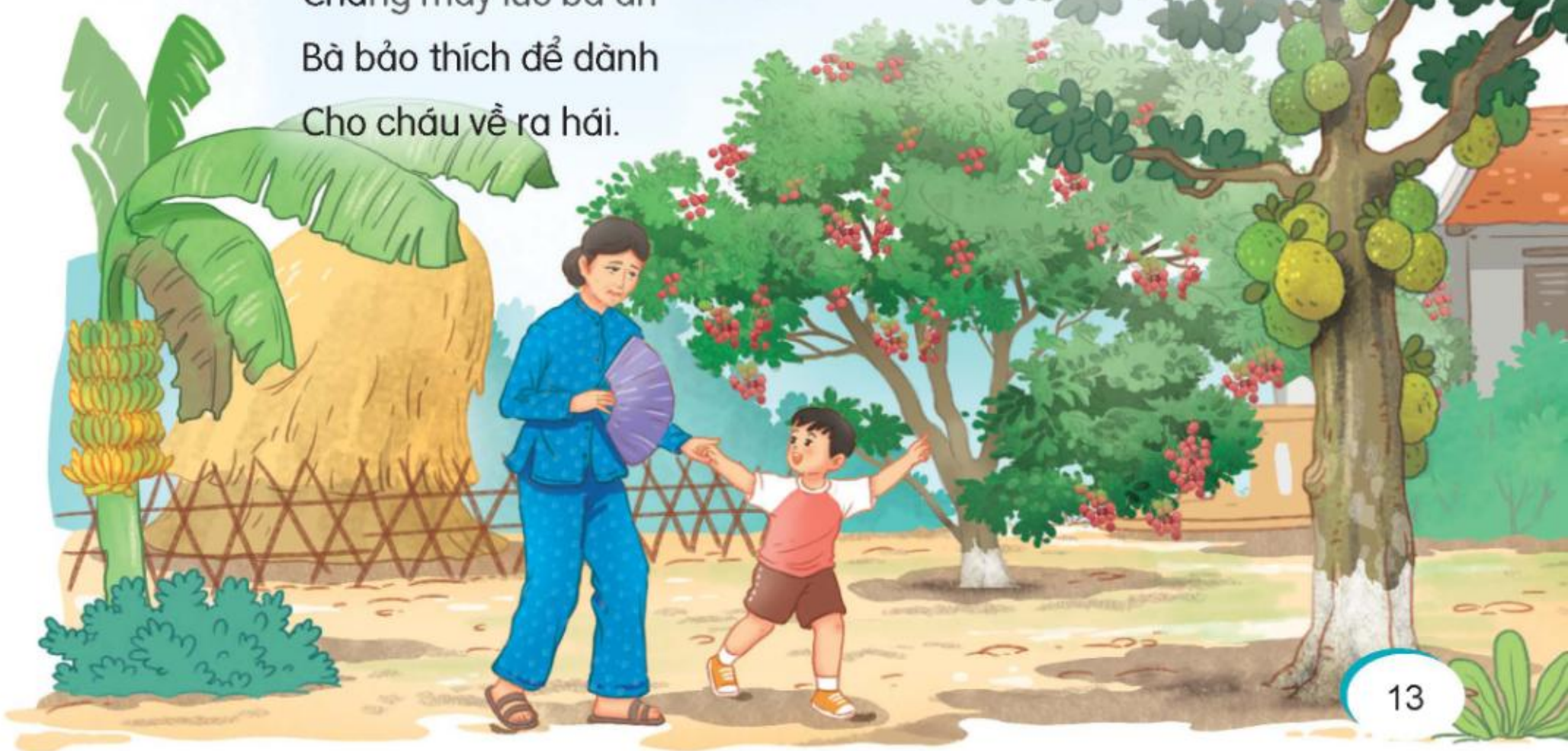
Vườn bà có nhiều quả
Chẳng mấy lúc bà ăn
Bà bảo thích để dành
Cho cháu về ra hái.

Em mồ hôi nhễ nhại
Bà theo quạt liền tay.
Từ tay bà gió đến
Thơm bao hương quả vườn
Thoáng nghe bà kể chuyện
Gió thơm say chập chờn.

(Xuân Hoài)

Từ ngữ

Chập chờn: ở trạng thái nửa ngủ nửa thức.



1. Bạn nhỏ thích nhất điều gì khi nghỉ hè?

2. Những câu thơ sau giúp em hiểu điều gì về bạn nhỏ?

Bà em cũng mừng ghê
Khi thấy em vào ngõ.

Bà mỗi năm mỗi gầy
Chắc bà luôn vất vả.

3. Kể những việc làm nói lên tình yêu thương của bà dành cho con cháu.

4. Theo em, vì sao bạn nhỏ thấy vui thích trong kì nghỉ hè ở quê?

* Học thuộc lòng 3 khổ thơ em thích.

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: A, Ă, Â

1. Viết tên riêng: Đông Anh

2. Viết câu: Ai về đến huyện Đông Anh
Ghé xem phong cảnh Loa Thành Thục Vương.
(*Ca dao*)

Huyện Đông Anh: trước đây là một đơn vị hành chính trực thuộc thành phố Hà Nội.

LUYỆN TẬP

1. Dựa vào tranh, tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động (theo mẫu).



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Từ ngữ chỉ sự vật		Từ ngữ chỉ hoạt động
Chỉ người	Chỉ con vật	
bác nông dân		gặt lúa
	con trâu	gặm cỏ
(...)	(...)	(...)

2. Dựa vào từ ngữ tìm được ở bài tập 1, đặt câu.

a. Câu giới thiệu

M: Các cô bác nông dân là những người làm ra lúa gạo.

b. Câu nêu hoạt động

M: Các cô bác nông dân đang gặt lúa.

3. Ghép từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo câu. Chép lại các câu đó.

A	B
Chim chóc	bay đi tìm hoa.
Bầy ong	đua nhau hót trong vòm cây.
Đàn cá	bơi dưới hồ nước.

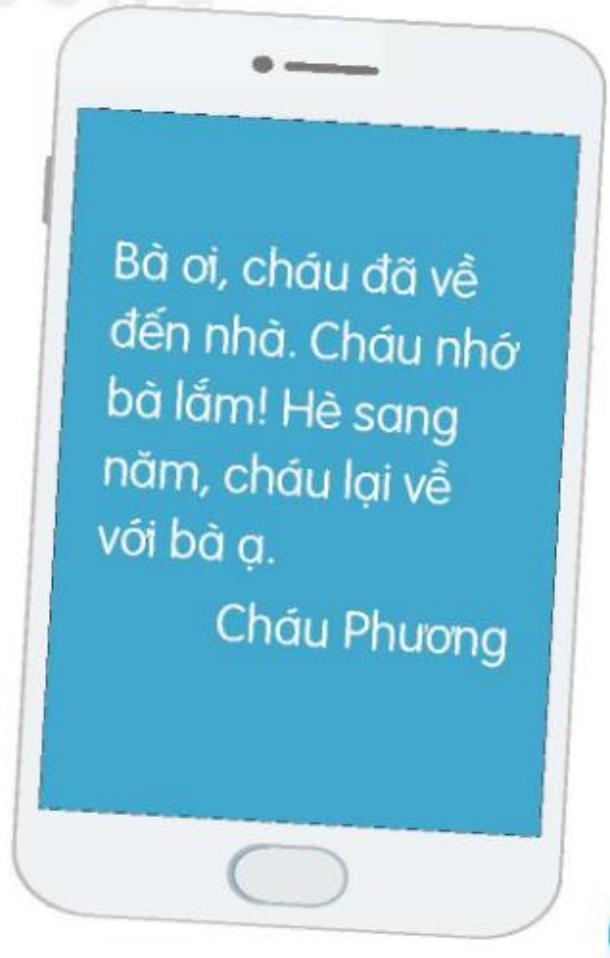
1. So sánh để tìm những điểm khác nhau giữa 2 tin nhắn dưới đây:

a. Người viết tin nhắn và người nhận tin nhắn

b. Nội dung tin nhắn

c. Phương tiện thực hiện





2. Em hãy soạn tin nhắn theo một trong các tình huống sau:

a. Em nhắn người thân mua cho mình một đồ dùng học tập.

b. Em nhắn bạn mang cho mình mượn cuốn truyện.

3. Đọc lại tin nhắn của em, phát hiện lỗi và sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý,...).



Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... viết về những hoạt động yêu thích của trẻ em.

Ví dụ:

Đi tàu Thống Nhất

Đi tàu Thống Nhất khoái cực kì! Đêm trước, tôi cùng bố mẹ lên tàu ở ga Hàng Cỏ – Hà Nội. Chẳng nhớ là tôi đã ngủ mấy đêm, mấy giấc, năm, mười, mười lăm, hai mươi,... mở mắt ra đã thấy Thành phố Hồ Chí Minh sáng bạch.

Đi tàu Thống Nhất, những lúc ngủ thì được lắc lư như đưa võng, tàu lại còn tấu nhạc "xình, xình xịch... xình, xình xịch..." ru mình nữa. Lúc thức thì như được nằm võng mà coi phim. Khung cửa sổ toa tàu mở ra như màn hình ti vi. Màn hình hiện lên khi thì núi cao, khi thì biển rộng. Lại có khi phim đang chiếu, màn hình bỗng phụt tắt, tối mò! Đấy là lúc tàu Thống Nhất chạy xuyên qua núi, thôi chiếu phim, chuyển qua diễn trò ảo thuật, biến ngày thành đêm. Rồi phim lại chiếu, màn hình cửa sổ lại hiện ra rừng xanh với cát trắng. Có những lúc phim chiếu chậm dần rồi dừng hẳn. Màn hình cửa sổ tàu Thống Nhất hiện ra đủ thứ quà cùng những lời mời ngọt ngào. Kẹo mè xửng, nho Mường Mán, củ đậu Tháp Chàm,... thứ gì cũng ngon.

Đi tàu Thống Nhất, đã được xem những "thước phim" đẹp mắt, được ăn ngon miệng, lại được nghe những âm thanh vui tai!

(Trần Quốc Toàn)



Tuần 2

Bài 3

CÁNH RỪNG TRONG NẮNG

ĐỌC

Quan sát tranh, cho biết em thích hình ảnh nào nhất.



CÁNH RỪNG TRONG NẮNG

Làng tôi ở lưng Trường Sơn, giữa vùng núi non trùng điệp. Một lần, tôi và mấy đứa bạn được ông tôi cho đi thăm rừng. Đứa nào cũng vui.

Hôm đó là một ngày nắng ráo. Ông đưa cho mỗi đứa một tàu lá cọ che nắng. Chưa hết mùa mưa, đâu đâu cũng thấy cây ra thêm chồi và cỏ mọc xanh um. Đi trong rừng, nghe rất rõ tiếng suối róc rách và tiếng chim hót líu lo.

Mặt trời chiếu những luồng sáng qua kẽ lá. Cây cối vươn ngọn lên cao tít đón nắng. Nhiều cây thân thẳng tắp, tán lá tròn xoe. Những con sóc nâu cong đuôi nhảy thoăn thoắt qua các cành cây. Thấy có người đi tới, chúng dừng cả lại, nhìn ngơ ngác.

Khi nắng đã nhạt màu trên những vòm cây, chúng tôi ra về trong tiếc nuối. Trên đường, ông kể về những cánh rừng thuở xưa. Biết bao cảnh sắc như hiện ra trước mắt chúng tôi: bầy vượn tinh nghịch đánh đu trên cành cao, đàn hươu nai xinh đẹp và hiền lành rủ nhau ra suối, những vạt cỏ đẫm sương long lanh trong nắng.

(Vũ Hùng)



Từ ngữ

Trùng điệp: nối nhau liên tiếp như không bao giờ hết.

1. Khi đi trong rừng, các bạn nhỏ nghe thấy những âm thanh gì?
2. Cây cối và con vật trong rừng được tả như thế nào?
3. Trên đường về, ông đã kể những gì cho các bạn nhỏ?
4. Theo em, các bạn nhỏ có thấy thú vị với chuyến đi thăm rừng cùng ông không? Vì sao?

NÓI VÀ NGHE

1. Đoán nội dung từng tranh.

Sự tích loài hoa của mùa hạ

(Theo *Truyện cổ tích nước ngoài*)



Các loài hoa nói gì về cây xương rồng?



Chuyện gì xảy ra khi mùa hè đến?



Xương rồng đã làm gì cho các loài hoa?



Xương rồng vui mừng vì điều gì?

2. Nghe kể chuyện.

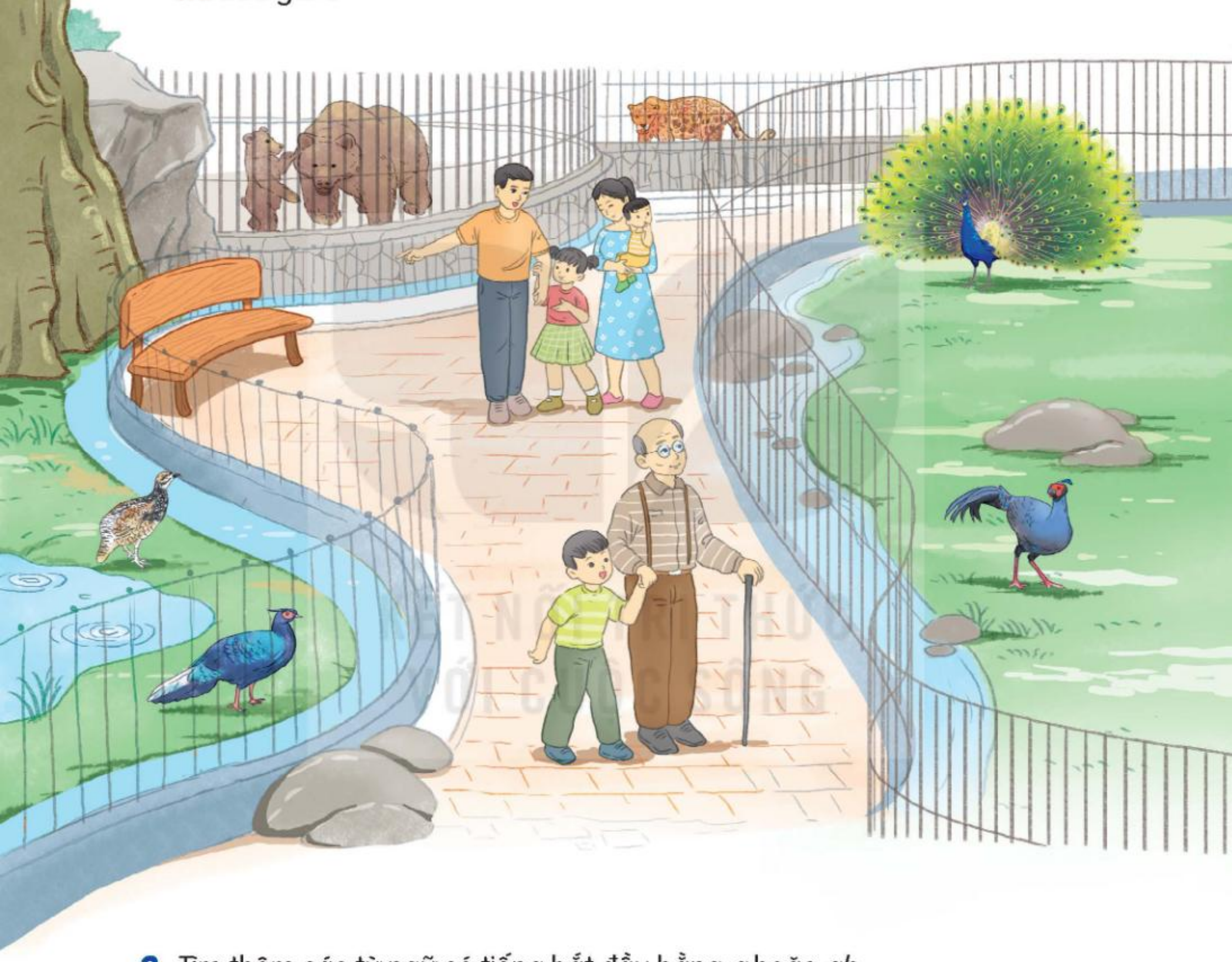
3. Kể lại từng đoạn của câu chuyện.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Cánh rừng trong nắng* (từ *Khi nắng đã nhạt màu* đến hết).

2. Nhìn tranh, tìm và viết tên sự vật có tiếng bắt đầu bằng *g* hoặc *gh*.

M: báo gấm



3. Tìm thêm các từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *g* hoặc *gh*.

Kể cho người thân nghe câu chuyện *Sự tích loài hoa của mùa hạ*.

Bài 4

LẦN ĐẦU RA BIỂN

ĐỌC



Nếu lớp em lên kế hoạch đi dã ngoại, em sẽ góp ý kiến nên đi chơi ở biển hay ở núi. Vì sao?



LẦN ĐẦU RA BIỂN

– A! Biển! Biển đây rồi. Thích quá!

Thắng reo toáng lên, vượt qua bố và anh Thái chạy ào ra bãi cát. Từ thuở bé đến giờ, Thắng đã được thấy biển bao giờ đâu. Cậu đứng ngây ra nhìn biển. Ôi! Biển rộng quá, xanh quá, chẳng nhìn thấy bờ bên kia đâu.

Thắng đi xuống gần mép nước. Ồ! Có con gì bé tẹo đang chạy trên cát. Thắng rón rén đến gần, nhưng vụt một cái, nó biến ngay vào hang.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

– Cậu có biết con gì đấy không?

Thắng giật mình ngẩng lên nhìn, thấy một bạn trai đang đứng cười. Thắng cũng cười làm quen:

– Con gì mà chạy nhanh thế nhỉ?

– Con còng gió, cậu không biết sao?

– Không, bây giờ tớ mới được ra biển. Thế tên cậu là gì?

– Tớ là Hải. Còn tên cậu?

– Tớ là Thắng. Nhà tớ ở Hà Nội. Nghỉ hè, tớ được bố cho vào Quy Nhơn thăm bác tớ.

– Ở Hà Nội không có biển à?

Thắng cười:

– Hà Nội chỉ có Hồ Gươm, Hồ Tây, sông Hồng thôi. Hồ Tây rộng lắm nhưng không rộng bằng biển thế này.

Hải dẫn Thắng đi dọc bờ biển, chỉ cho bạn Mũi Én, Ghềnh Ráng,... Lúc tạm biệt, hai đứa hẹn chiều mai lại gặp nhau.

(*Theo* Nguyễn Văn Chương)

Từ ngữ

- *Quy Nhơn*: một địa danh thuộc tỉnh Gia Lai.
- *Mũi Én, Ghềnh Ráng*: những cảnh đẹp ở vùng biển Quy Nhơn.
- *Còng gió*: loài vật sống ở biển, giống cua nhưng nhỏ hơn, chạy rất nhanh.

1. Tìm những câu thể hiện cảm xúc của Thắng khi lần đầu tiên thấy biển.
2. Biển hiện ra như thế nào trước mắt Thắng?
3. Thắng đã chú ý đến con vật gì trên bãi biển?
4. Đóng vai Thắng, giới thiệu về Hải.
5. Theo em, cuộc gặp gỡ giữa Thắng và Hải hứa hẹn những điều gì thú vị tiếp theo?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về những hoạt động yêu thích của trẻ em (xem phim, xem xiếc, tham quan, dã ngoại,...) và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc: (...) – Tên bài: (...) – Tác giả: (...)	
Hoạt động được nói đến trong bài đọc: (...)	Chi tiết em thích nhất trong bài: (...)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Chia sẻ với bạn về chi tiết em thích nhất trong bài.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ in đậm dưới đây vào nhóm thích hợp.

a. Ở bờ ao nhà tôi có một bụi kim ngân. Cứ vào dịp tháng Năm, từ các kẽ lá nảy ra từng chùm hoa hai bông, một bông màu **vàng**, một bông màu **trắng**, **nhỏ xíu**, **thơm ngát**.

(*Theo* Trần Hoài Dương)



b. Nai con có bộ lông màu **nâu nhạt**, mịn màng, bốn cẳng **cao nghều** như là đi trên những đôi cà kheo. Cái đầu **dài** và **nhỏ**, hai tai vểnh lên.

(Nguyệt Ánh)



Từ ngữ chỉ màu sắc	Từ ngữ chỉ hình dáng, kích thước	Từ ngữ chỉ hương vị

2. Tìm thêm từ ngữ chỉ đặc điểm theo ba nhóm nêu trên và đặt câu với 2 – 3 từ ngữ tìm được.

M: Hoa mướp vàng rực rỡ.

3. Dựa vào tranh, chọn từ thích hợp thay cho ô vuông.

Cô chổi rơm

bé, xinh xắn, vàng óng

Trong họ hàng nhà chổi thì cô bé chổi rơm vào loại ■ nhất. Cô có chiếc váy ■, không ai đẹp bằng. Áo của cô cũng bằng rơm thóc nếp vàng tươi, được tết săn lại, cuốn từng vòng quanh người, trông cứ như là áo len vậy.

Tuy ■ nhưng chổi rơm rất được việc. Ngày hai lần, chị Thuỳ Linh mang chổi ra quét nhà. Chỉ quét nhà thôi, còn sân, vườn đã có chổi khác cứng hơn.

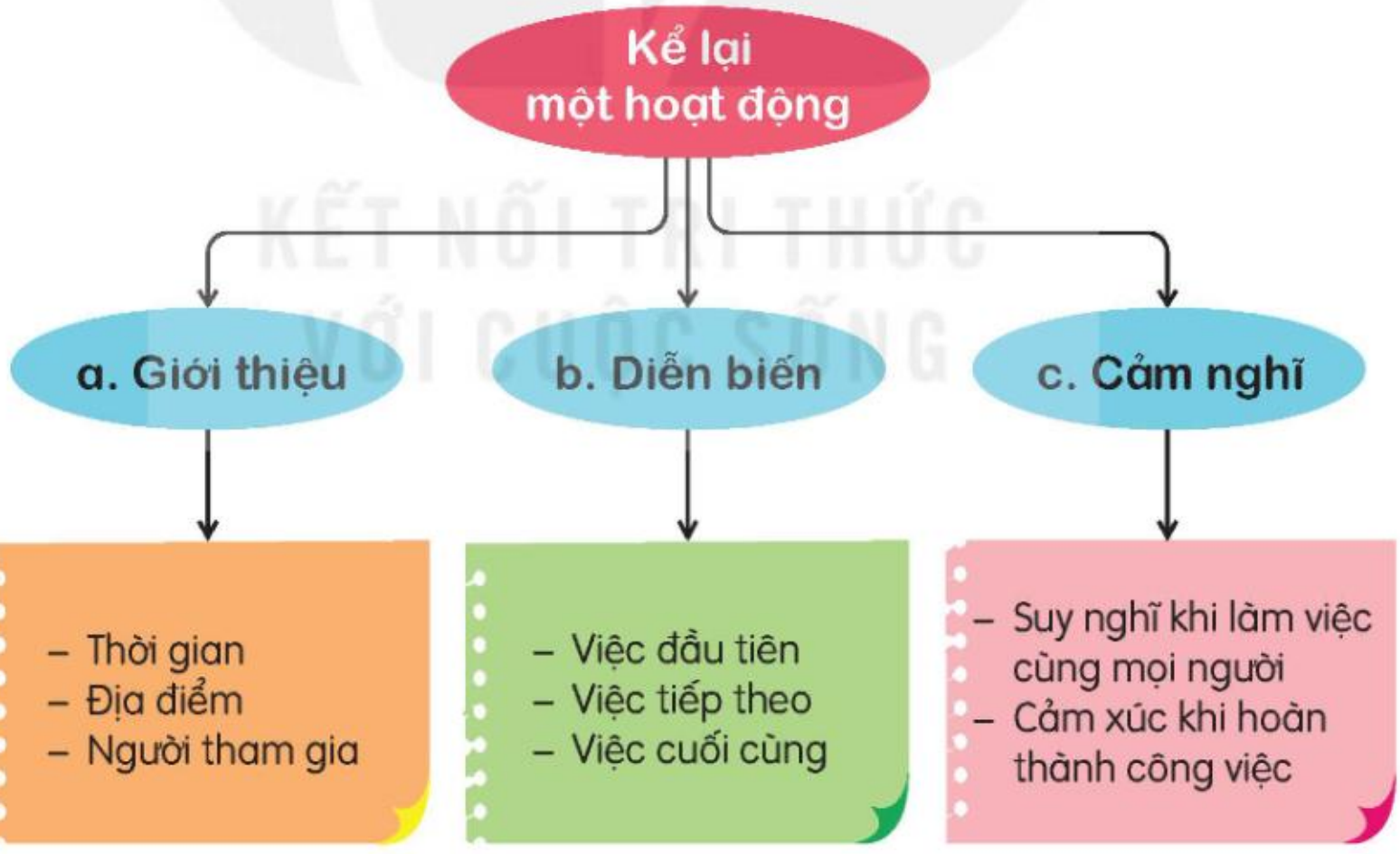
(*Theo* Vũ Duy Thông)



1. Quan sát tranh, kể lại các hoạt động trong từng tranh.



2. Kể lại một hoạt động em đã làm cùng những người thân trong gia đình.



3. Viết 3 – 4 câu về những điều em đã kể theo gợi ý a, b hoặc c ở bài tập 2.

Đọc lại đoạn văn của em, phát hiện lỗi và sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý,...).

Bài 5 NHẬT KÍ TẬP BƠI

ĐỌC



Trao đổi với bạn những lợi ích của việc biết bơi.



NHẬT KÍ TẬP BƠI

Ngày… tháng…

Hôm nay, mẹ đưa mình đi tập bơi. Mình rất phấn khích vì được mẹ chuẩn bị cho một chiếc mũ bơi cùng cặp kính bơi màu hồng rất đẹp. Cô giáo cũng khen đồ bơi của mình đáng yêu.

Đầu tiên, cô dạy mình tập thở. Nhưng khi thở dưới nước, mình toàn bị sặc. Mình sợ đến mức không dám xuống nước nữa. Mẹ bảo do mình chưa quen. Mẹ vỗ về, động viên mình mãi. Thế là mình tiếp tục tập luyện.

Cuối buổi, mình vẫn chưa thở dưới nước được. Mình thấy hơi buồn. Mình nghĩ lần sau, mình sẽ tập tốt hơn.



Ngày… tháng…

Hôm nay, mình đã có cảm giác thích đi bơi. Mình không còn bị sặc nữa. Mình đã quen thở dưới nước rồi.

Cô dạy mình động tác bơi ếch. Động tác đó thật lạ! Khi đạp chân, mình giống hệt như một con ếch ộp.



Ngày… tháng…

Học bơi chẳng dễ một chút nào. Thế mà mình đã biết bơi rồi. Mình như chú cá nhỏ tung tăng trong nước. Kể cũng lạ, hôm trước mình giống ếch, hôm nay mình lại giống cá. Chẳng sao, con nào cũng biết bơi mà. Giống như mình ấy.



(Nguyễn Ngọc Mai Chi)

Từ ngữ

Phấn khích: phấn khởi, hào hứng.

1. Bạn nhỏ đến bể bơi với ai? Bạn ấy được chuẩn bị những gì?

2. Bạn nhỏ cảm thấy thế nào trong ngày đầu đến bể bơi?

3. Kể lại việc học bơi của bạn ấy.



4. Bạn nhỏ nhận ra điều gì thú vị khi biết bơi?

5. Theo em, việc học bơi dễ hay khó? Vì sao?

NÓI VÀ NGHE

Một buổi tập luyện

1. Kể về một buổi tập luyện của em (ví dụ: tập hát, tập thể dục, tập vẽ,...).

G: – Nội dung tập luyện là gì?

– Em đã thực hiện các bước tập luyện như thế nào?

2. Em cảm thấy thế nào về buổi tập luyện đó?



VIẾT

1. Nghe – viết:

Mặt trời nhỏ

Chào mặt trời nhỏ
Thắp lửa trên cây
Má đỏ hây hây
Đung đưa trưa nắng.

Quả tròn cùi trắng
Hạt bé màu nâu
Áo đỏ mặt bầu
Rủ nhau gà gật.

Gọi ong ủ mật
Rủ ve chơi đàn
Tu hú kêu vang
Mùa hè rực rỡ.

Mặt trời hớn hở
Đếm bạn cùng chơi
Bối rối phì cười
"Ôi sao nhiều thế!".

(My Linh)

2. Chọn *ng* hoặc *ngh* thay cho ô vuông.

Vui sao đàn □é con
Miệng chúng cười mủm mỉm
Mắt chúng □ơ □ác tròn
Nhìn tay □ười giơ đếm.

(*Theo* Huy Cận)

3. Tìm và viết từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *ng* hoặc *ngh* chỉ hoạt động của các bạn nhỏ trong tranh.



Viết 2 – 3 câu ghi lại những việc em đã làm trong ngày hôm nay.

Bài 6

TẬP NẤU ĂN

ĐỌC

Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu.

a. Kể tên các dụng cụ nhà bếp.

b. Cho biết tên các loại thực phẩm.

c. Đoán xem hai mẹ con đang làm gì.



TẬP NẤU ĂN

Hôm nay, mình vào bếp cùng mẹ và học được công thức làm món trứng đúc thịt. Món này dễ làm mà lại ngon. Mình chia sẻ với các bạn. Các bạn thử tham khảo nhé!

CÁCH LÀM

Trứng đúc thịt

NGUYÊN LIỆU

- Trứng gà: 3 quả 
- Thịt nạc vai: 1 lạng 
- Dầu ăn, nước mắm, muối, hành khô 

CÁC BƯỚC THỰC HIỆN

1. Rửa sạch thịt, băm nhỏ hoặc xay nhuyễn. 

2. Đập trứng vào bát, cho thêm thịt xay, hành khô băm nhỏ, một chút muối, một chút nước mắm, đánh đều. 

3. Cho dầu ăn vào chảo, đun nóng. 

4. Cho hỗn hợp trứng và thịt vào dàn đều khắp chảo, rán vàng mặt dưới (từ 5 – 7 phút) với lửa nhỏ. Lật mặt còn lại, rán vàng. 

5. 

Bày ra đĩa.

(Trung Sơn)

1. Kể tên những nguyên liệu làm món trứng đúc thịt.

2. Khi làm món trứng đúc thịt, bước 1 cần làm những gì?

3. Tranh bên mô tả công việc ở bước mấy? Nói lại công việc đó. 

4. Sắp xếp các nội dung dưới đây theo thứ tự làm món trứng đúc thịt.

a. Bày ra đĩa.

b. Cho dầu ăn vào chảo, đun nóng.

c. Cho hỗn hợp trứng và thịt vào chảo, rán vàng mặt dưới.

d. Lật mặt còn lại, rán vàng.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: B, C

1. Viết tên riêng: Cao Bằng

2. Viết câu: Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày.

(Hồ Chí Minh)

LUYỆN TẬP

1. Tìm những từ ngữ chỉ hoạt động kết hợp được với mỗi từ chỉ sự vật sau:

rau **thịt** **cá**

M: rửa rau, nhặt rau, luộc rau,...

2. Xếp các từ chỉ hoạt động dưới đây vào 2 nhóm.

kho | xào | vào | lên | hầm
đi | ra | nướng | luộc | xuống

Từ chỉ hoạt động di chuyển	Từ chỉ hoạt động nấu ăn
M: đi	M: kho

3. Chọn từ ở bài tập 2 thay cho ô vuông để hoàn thành các câu nêu hoạt động trong đoạn văn.

Ngày Chủ nhật, mẹ ■ chợ mua thức ăn. Nam ■ bếp giúp mẹ. Nam nhặt rau, còn mẹ rửa cá và thái thịt. Sau đó, mẹ bắt đầu nấu nướng, mẹ ■ cá, ■ rau, ■ thịt. Chẳng mấy chốc, gian bếp đã thơm lừng mùi thức ăn.

(*Theo* Kim Ngân)

1. Đọc đoạn văn dưới đây và cho biết:

– Đoạn văn thuật lại việc gì?

– Các bước thực hiện việc đó.

Để làm món trứng đúc thịt, Nam đã chuẩn bị thực phẩm theo ba bước. Đầu tiên, Nam rửa sạch thịt rồi xay nhỏ. Sau đó, cậu đập trứng vào bát, cho thêm thịt xay, hành khô, nước mắm và muối. Cuối cùng, Nam đánh đều tất cả. Vậy là đã có thể sẵn sàng cho bước tiếp theo là bắc chảo rán trứng được rồi.

(Kim Ngân)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Dựa vào tranh dưới đây, trao đổi về các bước rang thịt.



Cho dầu ăn | Rán vàng thịt | Cho hành khô | Cho nước mắm, muối, hành lá,...

3. Viết lại các bước rang thịt ở bài tập 2.

Tìm đọc sách dạy nấu ăn hoặc những bài đọc liên quan đến công việc làm bếp.

Ví dụ:

Vào bếp thật vui

Ở trong nhà ta
Bếp là vui nhất:

Có một lọ mật
Biết nói ngọt ngào
Mẹ cất trên cao
Kiến không ăn vụng!

Có một cái thúng
Nói cười xôn xao
Bởi vì ở trong
Rất nhiều hạt gạo!

Có một cái chảo
Đen nhẻm đen nhèm
Ngọn lửa bùng lên
Chảo kêu: "Nóng! Nóng!"

Cái nồi nhôm bóng
Có thể soi gương
Hát khúc thân thương
"Bùng boong" vui nhộn



"Cốp, cốp" bận rộn
Là cái dao phay
Băm thịt mỏi tay
Thái rau loẹt xoẹt

Cái thớt nằm bẹp
Giúp việc cho dao
Ngoan ngoãn làm sao
Không lời than thở!

Trên bếp có lửa
Trên lửa có nồi
Bé đã thấy rồi
Bếp là vui nhất!

(Thuỵ Anh)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 4

Bài 7

MÙA HÈ LẤP LÁNH

ĐỌC



Trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi: Mùa hè có gì thú vị?



MÙA HÈ LẤP LÁNH

Sớm nay em thức dậy
Trời sáng tự bao giờ
Mùa hè kì lạ chưa
Mặt trời ưa dậy sớm.

Nắng cho cây chóng lớn
Cho hoa lá thêm màu
Cho mình chơi thật lâu
Ngày hè dài bất tận.

Buổi chiều trôi thật chậm
Mặt trời mải rong chơi
Đủng đỉnh mãi chân trời
Mà vẫn chưa lặn xuống.

Mùa hè thật sung sướng
Có nắng lại có kem
Có những cơn gió êm
Và ngày dài lấp lánh.

(Nguyễn Quỳnh Mai)

Từ ngữ

- *Bất tận*: (nghĩa trong bài) như thể không có kết thúc.
- *Đủng đỉnh*: thong thả, chậm rãi, không vội vã.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Mặt trời mùa hè có gì lạ?

2. Nắng mùa hè mang đến những ích lợi gì?

– Đối với cây

– Đối với hoa lá

– Đối với các bạn nhỏ

3. Ngày của mùa hè có gì đặc biệt?

4. Vì sao bạn nhỏ thấy "mùa hè thật sung sướng"?

5. Theo em, hình ảnh "ngày dài lấp lánh" chỉ điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.

a. Ngày có nhiều nắng.

b. Ngày có nhiều niềm vui.

c. Ngày mặt trời dậy sớm và đi ngủ muộn.



NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Chó đốm con và mặt trời

(Theo *108 truyện đồng thoại nhỏ, sáng tạo lớn*)



Chó đốm con nhìn thấy mặt trời mọc ở đâu?



Chó đốm con nhìn thấy mặt trời lặn ở đâu?



Chó đốm con nghĩ gì?



Điều gì làm chó đốm con ngạc nhiên?

2. Kể lại toàn bộ câu chuyện.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Mùa hè lấp lánh* (3 khổ thơ đầu).

2. Ghép các tiếng phù hợp với *chung* hoặc *trung* để tạo từ.



3. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

Chị mây vừa kéo đến
□ăng sao □ốn cả rồi
Đất nóng lòng □ờ đợi
Xuống đi nào, mưa ơi!

Chớp bỗng loè □ói mắt
Soi sáng khắp ruộng vườn
Ơ! Ông □ời bật lửa
Xem lúa vừa □ổ bông.

(*Theo* Đỗ Xuân Thanh)

b. Chọn *v* hoặc *d* thay cho ô vuông.

Con tàu □ào ga, vừa chạy □ừa "tu tu" một hồi □ài. Sân ga bỗng chốc nhộn nhịp □à náo nhiệt hẳn lên. Phía cửa ga, nhiều cánh tay giơ lên □ẫy gọi người thân.

(*Theo* Trung Nguyên)

Kể chuyện *Chó đốm con và mặt trời* cho người thân nghe. Hỏi thêm người thân về hiện tượng mặt trời mọc và lặn.

Bài 8

TẠM BIỆT MÙA HÈ

ĐỌC



Nói với bạn cảm nghĩ của em khi mùa hè kết thúc.



TẠM BIỆT MÙA HÈ



Đêm nay, Diệu nằm mãi mà không ngủ được vì háo hức chờ sớm mai đến lớp. Sau kì nghỉ hè, bạn bè gặp nhau sẽ có bao nhiêu chuyện vui để kể. Các bạn chắc chắn sẽ kể về những chuyến du lịch kì thú của mình: ra biển, lên núi, đến thăm những thành phố lớn,... Còn Diệu, Diệu sẽ kể với các bạn những gì nhỉ?



Mùa hè của Diệu đơn giản lắm. Chiều nào Diệu cũng theo mẹ đi các vườn thu hái quả. Hết chôm chôm lại đến bơ, sầu riêng,... Được đến nhiều mảnh vườn với vô vàn cây trái khác nhau thật là thích!

Mùa hè của Diệu là những lần đến chơi nhà bà cụ Khởi ở cuối làng. Bà bị mù nhưng vẫn có thể làm hết mọi việc trong nhà. Bà đi không cần gậy dò đường. Diệu thường tỉ tê trò chuyện với bà. Bà là cả một kho chuyện thú vị.

Mùa hè của Diệu là những buổi ra chợ cùng mẹ. Khu chợ quê nghèo ấy thật giản dị mà gần gũi, thân quen. Diệu yêu những người cô, người bác tảo tần bán từng giỏ cua, mớ tép; yêu cả những người bà sáng nào cũng dắt cháu đi mua một ít kẹo bột, vài chiếc bánh mì,...

Tạm biệt mùa hè, mai Diệu sẽ bước vào năm học mới...

(*Theo* Vũ Thị Huyền Trang)

Từ ngữ

- *Kì thú*: đặc biệt thú vị.
- *Tỉ tê*: nói nhỏ với giọng thân mật như tâm tình.
- *Tảo tần*: (chỉ người phụ nữ) đảm đang, chịu khó.

1. Vì sao đêm trước ngày khai giảng, Diệu nằm mãi mà không ngủ được?

2. Mùa hè, Diệu đã làm những gì?

đi du lịch	đi thu hái quả	ngắm núi non	đến chơi nhà bà cụ Khởi	cùng mẹ ra chợ

3. Nói về những trải nghiệm của Diệu trong mùa hè.

a. Khi ở nhà bà cụ Khởi

b. Khi ở góc chợ quê nghèo

4. Em thích nhất trải nghiệm nào của Diệu trong mùa hè vừa qua? Vì sao?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc sách dạy nấu ăn hoặc những bài đọc về công việc làm bếp. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc: (…) – Tên bài: (…) – Tác giả: (…)	
Món ăn hoặc hoạt động làm bếp được nói đến: (…)	Thông tin quan trọng hoặc thú vị đối với em: (…)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Chia sẻ những điều em đọc được.

LUYỆN TẬP



1. Tìm các từ ngữ nói về mùa hè theo gợi ý dưới đây:

Thời tiết	Đồ ăn thức uống	Đồ dùng	Trang phục	Hoạt động
M: nóng nực	kem	quạt	áo phông	bơi

2. *Dấu hai chấm* trong câu sau đây được dùng để làm gì?

Các bạn chắc chắn sẽ kể về những chuyến du lịch kì thú của mình: ra biển, lên núi, đến thăm những thành phố lớn,…

a. Để báo hiệu lời nói trực tiếp

b. Để báo hiệu phần liệt kê

c. Để báo hiệu phần giải thích

3. Chọn *dấu chấm* hoặc *dấu hai chấm* thay cho ô vuông.

a. Mùa hè có rất nhiều loài hoa ■ hoa hồng, hoa phượng, hoa mười giờ,… Hoa nào cũng đẹp, cũng rực rỡ sắc màu ■

b. Có nhiều hoạt động thú vị mà bạn có thể làm khi hè đến ■ đi cắm trại, đi tắm biển, tham gia các câu lạc bộ,…

1. Đọc lại câu chuyện *Tạm biệt mùa hè*. Trao đổi với bạn về những nội dung theo gợi ý trong bảng dưới đây:

Những việc làm của Diệu	Suy nghĩ, cảm xúc của Diệu	Suy nghĩ, cảm xúc của em về việc làm của Diệu
Diệu vào vườn hái quả cùng mẹ	Thích thú và hào hứng	– Diệu là cô bé chăm làm,… – Diệu biết quan tâm, giúp đỡ mẹ,… – Diệu thật tình cảm, thật đáng yêu!
Diệu đến thăm bà cụ Khởi và trò chuyện với bà		
Diệu ra chợ cùng mẹ và được gặp nhiều người		

2. Nói về tình cảm, cảm xúc của em đối với một người bạn mà em yêu quý.

Tình cảm, cảm xúc của em đối với một người bạn

a. Em muốn nói về tình cảm, cảm xúc của em đối với bạn nào?

b. Bạn đó có điểm gì khiến em yêu quý?

c. Em có tình cảm, cảm xúc như thế nào đối với bạn đó?

3. Viết 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em đối với bạn theo gợi ý c ở bài tập 2.

Đọc bài viết của em cho người thân và nghe người thân góp ý.

CỔNG TRƯỜNG RỘNG MỞ

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 5

Bài 9

ĐI HỌC VUI SAO

ĐỌC



Em thường kể với người thân những chuyện gì về trường lớp của em?







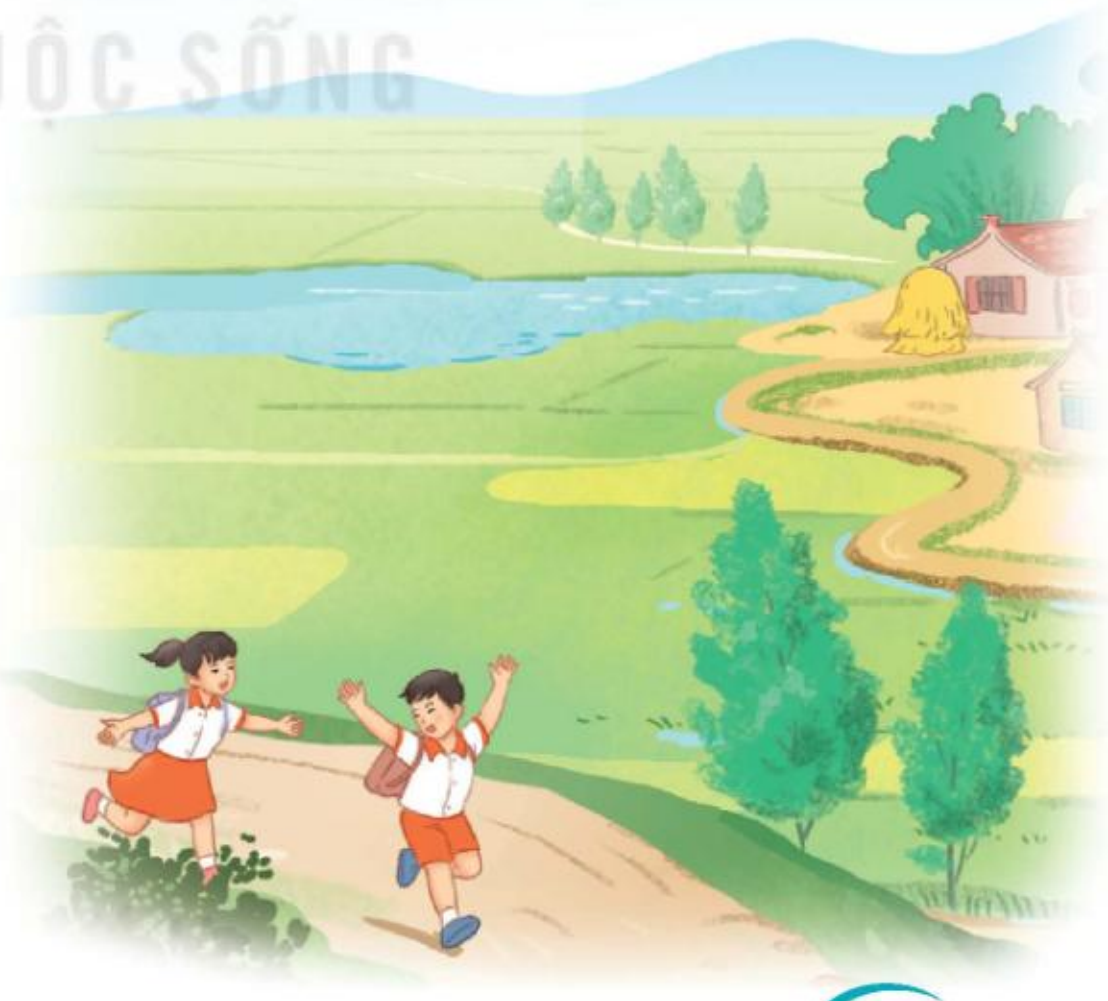


ĐI HỌC VUI SAO

Sáng nay em đi học
Bình minh nắng xôn xao
Trong lành làn gió mát
Mơn man đôi má đào.

Lật từng trang sách mới
Chao ôi là thơm tho
Này đây là nương lúa
Dập dờn những cánh cò.

Bao nhiêu chuyện cổ tích
Cũng có trong sách hay
Cô dạy múa, dạy hát
Làm đồ chơi khéo tay.



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Giờ ra chơi cùng bạn
Em náo nức nô đùa
Khi mệt lại túm tụm
Cùng vẽ tranh say sưa.

Tan học em ùa chạy
Đồng quê lúa chín vàng
Nhịp chân theo nhịp hát
Lòng em vui xốn xang.

(Phạm Anh Xuân)

Từ ngữ

- *Má đào*: má hồng.
- *Mơn man*: lướt nhẹ trên bề mặt, tạo cảm giác dễ chịu.
- *(Vui) xốn xang*: một cảm xúc vui rạo rực trong lòng.

1. Bạn nhỏ đi học trong khung cảnh như thế nào?
2. Những trang sách bạn nhỏ được học có gì thú vị?
3. Tìm những chi tiết thể hiện niềm vui của các bạn trong giờ ra chơi.





4. Nêu cảm xúc của bạn nhỏ khi tan học.
5. Em cảm thấy thế nào khi nghe tiếng trống tan trường?

* Học thuộc lòng 3 khổ thơ đầu.

NÓI VÀ NGHE

Tới lớp, tới trường

1. Kể về một ngày đi học của em.
   - Em đi đến trường cùng ai?
   - Thời tiết hôm đó thế nào?
   - Đường đến trường hôm đó có gì đặc biệt?
   - Buổi học hôm đó có gì đáng nhớ?
2. Nêu cảm nghĩ của em sau một tháng học tập.

Em nhớ:
- *Nói rõ ràng, đủ nghe.*
- *Nhìn vào người nghe.*

VIẾT

1. Nhớ – viết: *Đi học vui sao* (3 khổ thơ đầu).

2. Quan sát tranh, tìm và viết từ ngữ chỉ sự vật theo yêu cầu a hoặc b.

a. Từ ngữ chứa tiếng bắt đầu bằng *s* hoặc *x*.

M: dòng suối

b. Từ ngữ chứa tiếng có *dấu hỏi* hoặc *dấu ngã*.

M: cối giã gạo



3. Tìm thêm từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *s, x* (hoặc chứa tiếng có *dấu hỏi, dấu ngã*).



Viết 2 – 3 câu về điều em nhớ nhất trong buổi học hôm nay.

Bài 10

CON ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG

ĐỌC



Trao đổi với bạn: Em thích quan sát những gì trên đường đi học?





CON ĐƯỜNG ĐẾN TRƯỜNG

Con đường đưa tôi đến trường nằm vắt vẻo lưng chừng đồi. Mặt đường mấp mô. Hai bên đường lúp xúp những bụi cây cỏ dại, cây lạc tiên. Cây lạc tiên ra quả quanh năm. Vì thế, con đường luôn phảng phất mùi lạc tiên chín. Bọn con gái lớp tôi hay tranh thủ hái vài quả để vừa đi vừa nhấm nháp.

Có đoạn, con đường như buông mình xuống chân đồi. Ngày nắng, tôi và lũ bạn thường thi xem ai chạy nhanh hơn. Gió vù vù bên tai. Đất dưới chân xốp nhẹ như bông, thỉnh thoảng một viên đá dăm hoặc một viên sỏi nhói nhẹ vào gan bàn chân.

Vào mùa mưa, con đường lầy lội và trơn trượt. Để khỏi ngã, tôi thường tháo phăng đôi dép nhựa và bước đi bằng cách bấm mười đầu ngón chân xuống mặt đường. Đôi khi chúng tôi phải đi cắt qua cánh rừng vầu, rừng nứa vì nhiều khúc đường ngập trong nước lũ.



Cô giáo tôi là người vùng xuôi. Bàn chân cô lẫn vào bàn chân học trò trên con đường đến trường. Ấy là do nhiều hôm mưa rét, cô thường đứng đợi chúng tôi ở những đoạn đường khó đi để đưa chúng tôi đến lớp. Vì thế, tôi chẳng nghỉ buổi học nào.

(Đỗ Đăng Dương)

Từ ngữ

- *Vắt vẻo*: ở vị trí trên cao nhưng không có chỗ tựa vững chắc.
- *Lúp xúp*: ở liền nhau, thấp và sàn sàn như nhau.
- *Lạc tiên*: cây dây leo, mọc hoang, lá hình tim, hoa mọc ở kẽ lá, quả mọng.
- *Vầu*: cây cùng họ với tre, thân to, mình mỏng nhưng rắn, thường dùng làm nhà.

1. Ở đoạn 1, con đường đến trường của bạn nhỏ hiện lên như thế nào?

Hình dáng | Mặt đường | Hai bên đường

2. Con đường được miêu tả như thế nào?
   - Vào những ngày nắng
   - Vào mùa mưa

3. Vì sao bạn nhỏ không nghỉ một buổi học nào kể cả khi trời mưa rét?

4. Theo em, bạn nhỏ có tình cảm như thế nào với cô giáo?

5. Con đường đi học của các bạn nhỏ trong bài gợi cho em những suy nghĩ gì?

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: Đ, Đ

1. Viết tên riêng: Bình Dương

2. Viết câu: Dưới trăng quyên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông.

(Nguyễn Du)

LUYỆN TẬP

1. Tìm những từ ngữ chỉ đặc điểm của con đường.

M: mấp mô

2. Tìm thêm các từ ngữ chỉ đặc điểm cho mỗi nhóm dưới đây và mỗi nhóm đặt một câu với từ ngữ tìm được.



3. Chọn từ chỉ đặc điểm trong khung thay cho ô vuông.

xanh um, nhộn nhịp, đỏ rực, râm ran, sớm

Buổi sáng, Nam đạp xe tới trường trên con đường quen thuộc. Hè đã sang, mấy cành phượng vĩ nở hoa ■. Tiếng ve kêu ■ giữa những tán lá sấu ■. Gần đến trường, khung cảnh ■ hẳn lên. Mấy em bé lớp 1 chia tay mẹ vào lớp, vừa đi vừa ngoái lại: "Mẹ ơi, chiều mẹ đón con ■ nhé!".

(*Theo* Kim Ngân)

1. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc đối với một người mà em yêu quý.

G: – Giới thiệu về người mà em yêu quý.
– Nêu những điểm mà em thấy ấn tượng về người đó.
– Nêu cảm xúc của em khi nghĩ đến người đó.

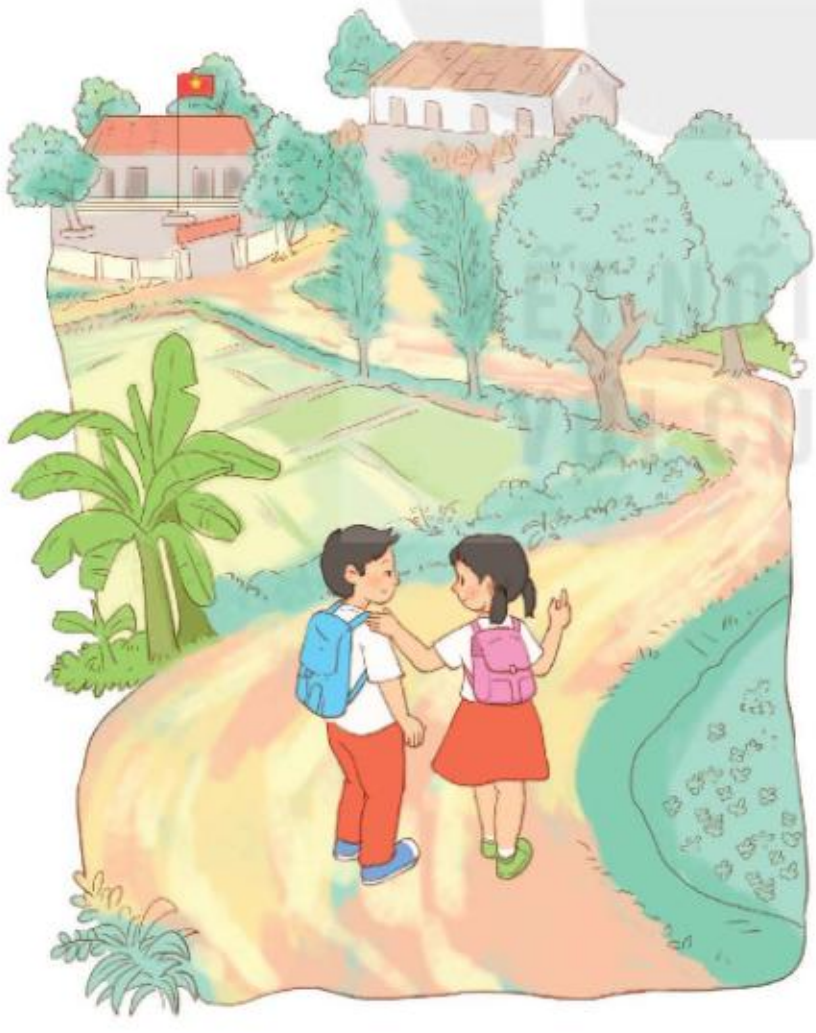
2. Trao đổi bài viết của em với bạn.

– Đọc bài viết của bạn và góp ý cho bạn.
– Nghe bạn góp ý cho bài viết của mình.
– Sửa lại bài cho hay hơn.

Tìm đọc những câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về nhà trường.

Ví dụ:

Ngôi trường mới



Trường mới của em xây trên nền ngôi trường cũ lợp lá. Nhìn từ xa, những mảng tường vàng, ngói đỏ như những cánh hoa lấp ló trong cây.

Em bước vào lớp, vừa bỡ ngỡ vừa thấy quen thân. Tường vôi trắng, cánh cửa xanh, bàn ghế gỗ xoan đào nổi vân như lụa. Em thấy tất cả đều sáng lên và thơm tho trong nắng mùa thu.

Dưới mái trường mới, sao tiếng trống rung động kéo dài! Tiếng cô giáo trang nghiêm mà ấm áp. Tiếng đọc bài của em cũng vang vang đến lạ! Em nhìn ai cũng thấy thân thương. Cả đến chiếc thước kẻ, chiếc bút chì sao cũng đáng yêu đến thế!

(*Theo* Ngô Quân Miện)

Bài 11 LỜI GIẢI TOÁN ĐẶC BIỆT

ĐỌC



Em thấy bài toán dưới đây có gì đặc biệt?

Vừa gà vừa chó
Tất cả 4 con
Bó lại cho tròn
10 chân vừa đủ.

Xin được hỏi nhỏ
Mỗi loại mấy con?



LỜI GIẢI TOÁN ĐẶC BIỆT



Vích-to Huy-gô bộc lộ tài năng thơ ca của mình từ rất sớm. Hồi còn là học sinh tiểu học, cậu học chăm, thông minh, giỏi đều các môn.

Một lần, vào giờ kiểm tra Toán cuối năm, trong khi các bạn khác mải miết làm bài thì không hiểu sao Huy-gô lại ngồi cắn bút từ đầu giờ. Thầy giáo cũng sốt ruột thay cho học trò của mình. Chỉ còn hai mươi phút

nữa là phải nộp bài. Các bạn xung quanh đã có người làm xong, thế mà Huy-gô vẫn ngồi cắn bút, hai tai đỏ nhừ. Thầy giáo lại giơ đồng hồ ra xem và nhìn Huy-gô. Còn mười lăm phút nữa. Lúc này, Huy-gô bắt đầu đặt bút viết. Thầy giáo thở phào. Nhưng liệu có kịp không nhỉ? Ông lo lắng thay cho Huy-gô.



Huy-gô mải miết viết và may thay, khi tiếng trống báo hết giờ vang lên thì cậu cũng viết xong đáp số và mang bài lên nộp. Thầy giáo liếc nhìn bài của Huy-gô. Đáp số đúng rồi! Chợt thầy reo lên:

– Lời giải bài toán được viết bằng thơ! À, ra thế!

Sau này, Vích-to Huy-gô đã trở thành nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch nổi tiếng thế giới.

(Theo *Kể chuyện danh nhân thế giới*)

Từ ngữ

Thở phào: thở ra một hơi dài vẻ khoan khoái, nhẹ nhõm vì đã trút được điều lo lắng trong lòng.

1. Vích-to Huy-gô đã bộc lộ năng khiếu gì từ rất sớm?
2. Trong giờ kiểm tra Toán, vì sao thầy giáo lại rất lo lắng cho Vích-to Huy-gô?
3. Vì sao thầy giáo lại reo lên khi xem bài của Vích-to Huy-gô?
   a. Vì Huy-gô nộp bài đúng giờ.
   b. Vì Huy-gô làm đúng đáp số.
   c. Vì lời giải toán được Huy-gô viết bằng thơ.
4. Qua giờ kiểm tra Toán, em thấy Huy-gô là người thế nào?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Đội viên tương lai

(Tuệ Nhi)



Chuyện gì đã xảy ra với tờ đơn xin vào Đội của Linh?



Linh đã làm gì để có tờ đơn sạch đẹp hơn?



Chuyện gì khiến Linh cảm thấy xấu hổ?



Vì sao Linh cảm thấy bất ngờ và vui vẻ?

2. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, kể lại câu chuyện *Đội viên tương lai*.

3. Nếu là Linh, khi phát hiện ra tờ đơn bị bẩn, em sẽ làm thế nào?

VIẾT

1. Nghe – viết: *Lời giải toán đặc biệt* (từ *Huy-gô mải miết viết* đến *À, ra thế!*).

2. Tìm từ ngữ được tạo bởi mỗi tiếng dưới đây:

giao　　dao　　rao

3. Làm bài tập a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động hoặc đặc điểm có tiếng bắt đầu bằng *r, d* hoặc *gi*.

b. Giúp thỏ vượt chướng ngại vật để về nhà bằng cách trả lời các câu đố, biết rằng đáp án của mỗi câu đố đều có tiếng chứa *an* hoặc *ang*.



Tìm hiểu thông tin về Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Bài 12

BÀI TẬP LÀM VĂN

ĐỌC



Em thích đề văn nào dưới đây? Vì sao?

1. Kể về một việc em đã từng làm ở nhà.
2. Kể về một việc theo tưởng tượng của em.





Có lần, cô giáo ra cho chúng tôi một đề văn ở lớp: "Em đã làm gì để giúp đỡ mẹ?".

Tôi loay hoay mất một lúc, rồi cầm bút và bắt đầu viết: "Em đã nhiều lần giúp đỡ mẹ. Em quét nhà và rửa bát đĩa. Đôi khi, em giặt khăn mùi soa.".

Đến đây, tôi bỗng thấy bí. Quả thật, ở nhà, mẹ thường làm mọi việc. Thỉnh thoảng, mẹ bận, định bảo tôi giúp việc này việc kia, nhưng thấy tôi đang học, mẹ lại thôi.

Tôi nhìn sang Liu-xi-a, thấy bạn ấy đang viết lia lịa. Thế là tôi bỗng nhớ có lần tôi giặt bít tất của mình, bèn viết thêm: "Em còn giặt bít tất.".

Nhưng chẳng lẽ lại nộp một bài văn ngắn ngủn như thế này? Tôi nhìn xung quanh, mọi người vẫn viết. Lạ thật, các bạn viết gì mà nhiều thế? Tôi cố nghĩ, rồi viết tiếp: "Em giặt cả áo lót, áo sơ mi và quần.". Cuối cùng, tôi kết thúc bài văn của mình: "Em muốn giúp mẹ nhiều việc hơn, để mẹ đỡ vất vả.".



Mấy hôm sau, sáng Chủ nhật, mẹ bảo tôi:

– Cô-li-a này! Hôm nay con giặt áo sơ mi và quần áo lót đi nhé!

Tôi tròn xoe mắt. Nhưng rồi tôi vui vẻ nhận lời, vì đó là việc làm mà tôi đã nói trong bài tập làm văn.

(*Theo* Pi-vô-va-rô-va)

Từ ngữ

– *Khăn mùi soa*: khăn nhỏ và mỏng, thường bỏ túi, dùng để lau mặt, lau tay.

– *Lia lịa*: nhanh và liên tiếp, không ngừng trong một thời gian ngắn.

1. Nhắc lại đề văn mà cô giáo đã giao cho lớp.

2. Vì sao Cô-li-a gặp khó khăn với đề văn này?

   a. Vì bạn ấy viết văn không tốt.

   b. Vì bạn ấy không nhớ những việc mình đã làm.

   c. Vì bạn ấy ít khi giúp mẹ.

3. Để bài văn dài hơn, Cô-li-a đã làm gì?

4. Em hãy giải thích vì sao Cô-li-a vui vẻ nhận lời mẹ làm việc nhà.

5. Em có nhận xét gì về Cô-li-a?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về nhà trường và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc: (...) – Tên bài: (...) – Tác giả: (...)	
Cách em tìm được bài đọc: (...)	Chi tiết, câu văn, câu thơ em thích nhất: (...)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Trao đổi với bạn về bài em đã đọc và chia sẻ cách em đã làm để tìm được câu chuyện, bài văn, bài thơ đó.



LUYỆN TẬP

1. Tìm tiếp các từ ngữ về nhà trường trong từng nhóm sau:

Người	học sinh,...
Địa điểm	cổng trường,...
Đồ vật	bàn,...
Hoạt động	viết,...

2. Câu nào dưới đây là câu hỏi? Dựa vào đâu em biết điều đó?

a. Em đã làm gì để giúp đỡ mẹ?

b. Em đã nhiều lần giúp đỡ mẹ.

c. Hôm nay con giặt áo sơ mi và quần áo lót đi nhé!

3. Đọc câu chuyện dưới đây và thực hiện yêu cầu.

Hộp bút của Na

Trong hộp bút bé nhỏ có tiếng lao xao. Na ghé tai nghe, có tiếng bút chì:

– Tớ được dùng nhiều nhất nên tớ chỉ còn một mẩu.

Có tiếng tẩy đáp lại:

– Tớ toàn vụn tẩy vì chữa cho cậu. Tớ quan trọng nhất.

Thước kẻ lên tiếng:

– Tớ mới quan trọng. Tớ được dùng nhiều đến mức mờ hết cả số.

Na bối rối mở hộp bút. Cô bé thầm thì:

– Ai cũng quan trọng vì đều là bạn thân của tớ.

(*Theo* An Hạnh)

a. Hỏi – đáp về các nhân vật trong câu chuyện trên.

M: – Trong hộp bút, ai được dùng nhiều đến mức mờ hết cả số?

– Thước kẻ được dùng nhiều đến mức mờ hết cả số.

b. Ghi lại 1 – 2 câu hỏi của em và bạn.

1. Đọc *Đơn xin vào Đội* dưới đây và trả lời câu hỏi.

ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH

Lào Cai, ngày 22 tháng 10 năm 2022

ĐƠN XIN VÀO ĐỘI

Kính gửi: – Ban phụ trách Đội Trường Tiểu học Nguyễn Thái Học

– Ban chỉ huy Liên đội

Em tên là Nguyễn Ngọc Bích

Sinh ngày 22 tháng 12 năm 2014

Học sinh lớp 3C Trường Tiểu học Nguyễn Thái Học.

Sau khi được học Điều lệ và lịch sử Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, em thấy Đội là tổ chức tốt nhất để rèn luyện thiếu niên trở thành những người có ích cho đất nước.

Em làm đơn này xin được vào Đội và xin hứa:

– Thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy.

– Tuân theo Điều lệ Đội.

– Giữ gìn danh dự Đội.

Người làm đơn

Bích

Nguyễn Ngọc Bích

– Bạn Nguyễn Ngọc Bích viết đơn trên để làm gì?

– Đơn được gửi cho ai?

– Người viết đơn đã hứa những gì khi vào Đội?

2. Điền thông tin vào mẫu đơn xin vào Đội và đối chiếu bài với bạn.

Đọc cho người thân nghe đơn xin vào Đội của em.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 13 BÀN TAY CÔ GIÁO

ĐỌC



Nói với bạn những điều em nhớ nhất về thầy cô giáo cũ của mình.



BÀN TAY CÔ GIÁO



Một tờ giấy trắng
Cô gấp cong cong
Thoắt cái đã xong
Chiếc thuyền xinh quá!

Một tờ giấy đỏ
Mềm mại tay cô
Mặt trời đã phô
Nhiều tia nắng toả.

Thêm tờ xanh nữa
Cô cắt rất nhanh
Mặt nước dập dềnh
Quanh thuyền sóng lượn.

Như phép mầu nhiệm
Hiện trước mắt em:
Biển biếc bình minh
Rì rào sóng vỗ...

Biết bao điều lạ
Từ bàn tay cô.

(Nguyễn Trọng Hoàn)

1. Chọn lời giải thích phù hợp với mỗi từ dưới đây:

phô | dập dềnh | rì rào

a. Mặt nước chuyển động lên xuống nhịp nhàng

b. Tiếng sóng vỗ nhỏ, êm nhẹ, phát ra đều đều liên tiếp

c. Để lộ ra, bày ra

2. Từ các tờ giấy, cô giáo đã làm ra những gì? (ghép từ ngữ ở cột A với từ ngữ phù hợp ở cột B)

A	B
tờ giấy trắng	mặt trời toả nắng
tờ giấy đỏ	mặt nước dập dềnh
tờ giấy xanh	chiếc thuyền

3. Theo em, 2 dòng thơ "Biết bao điều lạ/ Từ bàn tay cô" muốn nói điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.

a. Cô có phép màu.

b. Cô rất khéo tay.

c. Cô được học sinh rất yêu quý.

4. Tìm những câu thơ nói về sự khéo léo của cô giáo khi hướng dẫn học sinh làm thủ công.

5. Dựa vào bài thơ, em hãy giới thiệu bức tranh mà cô giáo đã tạo ra.

NÓI VÀ NGHE

Một giờ học thú vị

1. Kể về một giờ học em thấy thú vị.

G:

– Đó là giờ học môn nào?

– Trong giờ học, em được tham gia vào những hoạt động nào?

2. Em cảm nhận thế nào về giờ học đó?

VIẾT



1. Nghe – viết:

Nghe thầy đọc thơ

Em nghe thầy đọc bao ngày
Tiếng thơ đỏ nắng, xanh cây quanh nhà
Mái chèo nghiêng mặt sông xa
Bâng khuâng nghe vọng tiếng bà năm xưa
Nghe trăng thở động tàu dừa
Rào rào nghe chuyển cơn mưa giữa trời...
Thêm yêu tiếng hát nụ cười
Nghe thơ em thấy đất trời đẹp ra.

(Trần Đăng Khoa)

2. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *l* hoặc *n* thay cho ô vuông.



Tớ là chiếc xe lu
Người tớ to ■ù ■ù.

Con đường ■ào mới đắp
Tớ san bằng tăm tắp.

Con đường ■ào rải nhựa
Tớ là phẳng như lụa.

Trời ■óng như ■ửa thiêu
Tớ vẫn ■ăn đều đều.

Trời ■ạnh như ướp đá
Tớ càng ■ăn vội vã.

(*Theo* Trần Nguyên Đào)

b. Tìm tiếng chứa *ăn* hoặc *ăng* thay cho ô vuông.

Đêm đã về khuya, cảnh vật ■ vẻ, yên tĩnh. Mặt ■ đã lên cao, tròn vành vạnh. Ánh ■ sáng ■ vặc, chiếu xuống mặt hồ. Những gợn sóng lăn ■ phản chiếu ánh sáng lóng lánh như ánh bạc.

(*Theo* Bảo Khuê)



Kể với người thân về một giờ học em thấy vui vẻ, thú vị.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 14

CUỘC HỌP CỦA CHỮ VIẾT

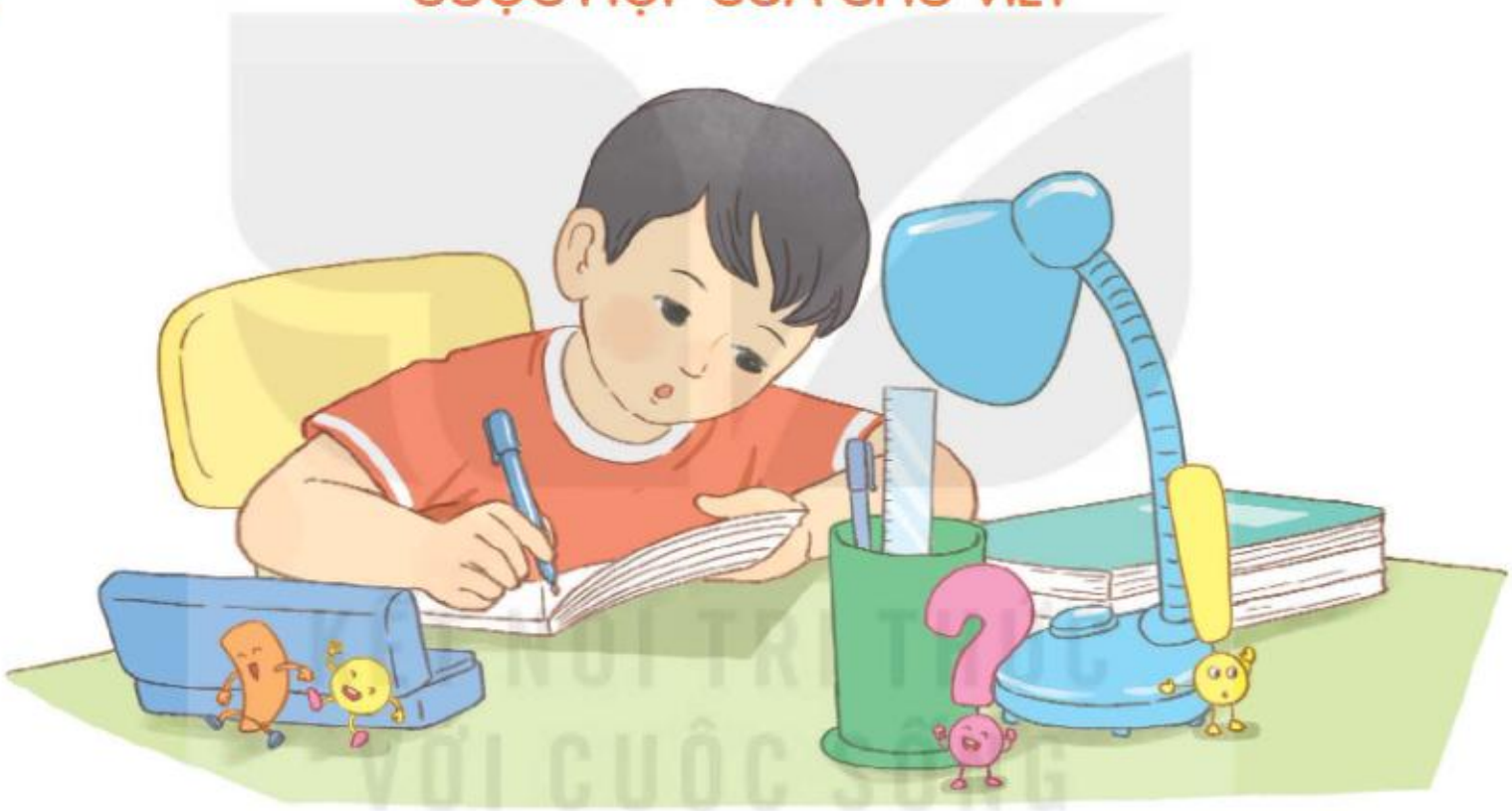
ĐỌC



Trao đổi với bạn: Điều gì sẽ xảy ra nếu không có dấu câu khi viết?



CUỘC HỌP CỦA CHỮ VIẾT



Vừa tan học, các chữ cái và dấu câu đã ngồi lại họp. Bác chữ A dõng dạc mở đầu:

– Thưa các bạn! Hôm nay, chúng ta họp để tìm cách giúp đỡ em Hoàng. Hoàng hoàn toàn không biết chấm câu. Có đoạn văn em viết thế này: "Chú lính bước vào đầu chú. Đội chiếc mũ sắt dưới chân. Đi đôi giày da trên trán lấm tấm mồ hôi.".

Có tiếng xì xào:

– Thế nghĩa là gì nhỉ?

– Nghĩa là thế này: "Chú lính bước vào. Đầu chú đội chiếc mũ sắt. Dưới chân đi đôi giày da. Trên trán lấm tấm mồ hôi.".

Tiếng cười rộ lên. Dấu chấm nói:

– Theo tôi, tất cả là do cậu này chẳng bao giờ để ý đến dấu câu. Mỏi tay chỗ nào, cậu ta chấm chỗ ấy.



Cả mấy dấu câu đều lắc đầu:

– Ẩu thế nhỉ!

Bác chữ A đề nghị:

– Từ nay, mỗi khi em Hoàng định chấm câu, anh dấu chấm cần yêu cầu Hoàng đọc lại nội dung câu văn một lần nữa đã. Được không nào?

(*Phỏng theo* Trần Ninh Hồ)

Từ ngữ

– *Dõng dạc*: mạnh mẽ, rõ ràng và chững chạc.

– *Lấm tấm*: có nhiều hạt nhỏ trên bề mặt.

1. Câu chuyện kể về cuộc họp của những ai?
2. Cuộc họp đó bàn về chuyện gì?
3. Vì sao không ai hiểu những điều bạn Hoàng đã viết?
4. Dựa vào lời đề nghị của bác chữ A, sắp xếp các bước mà Hoàng cần thực hiện.

   a. Đọc lại câu b. Chấm câu c. Viết câu
5. Em hãy góp thêm ý kiến để giúp bạn Hoàng viết đúng.

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: Ê, Ê

1. Viết tên riêng: Ê-đê
2. Viết câu: Ước gì em hoá thành mây
   Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm.

(Thanh Hào)

LUYỆN TẬP

1. Các câu trong đoạn văn dưới đây được gọi là câu kể. Hãy xếp các câu đó vào nhóm thích hợp.

Câu giới thiệu

Câu nêu đặc điểm

Câu nêu hoạt động

(1) Tớ là bút nâu. (2) Tớ cao nhất hộp bút vì hiếm khi được gọt. (3) Đây là bút đỏ, bạn của tớ. (4) Bút đỏ thì thấp một mẩu vì được gọt quá nhiều. (5) Tớ dùng keo gắn bút đỏ vào bên cạnh tớ để bạn nhìn được ra ngoài hộp bút.

(*Theo* Nguyễn Trà)

2. Chọn thông tin đúng về câu kể.

dùng để kể, tả, giới thiệu

dùng để hỏi

kết thúc bằng dấu chấm

kết thúc bằng dấu chấm than

3. Xếp các câu dưới đây vào nhóm thích hợp và giải thích vì sao em xếp như vậy.

Câu kể

Câu hỏi

a. Bút nâu trông như thế nào?

b. Bút nâu là một người bạn tốt.

c. Bút nâu nhảy với bút vàng, lắng nghe ước mơ của bút tím.

d. Bút nâu gắn bút đỏ vào bên cạnh mình để làm gì?



4. Tìm dấu câu (*dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than*) thay cho ô vuông.

Minh là thành viên mới của lớp 3A Minh vừa chuyển từ trường khác đến Bạn ấy vui vẻ giới thiệu:

– Tớ tên là Tuệ Minh Tớ thích chơi cờ vua và múa ba lê

Các bạn xôn xao:

– Tên của cậu đẹp quá.

– Tớ cũng thích chơi cờ vua lắm.

– Cậu có muốn tham gia câu lạc bộ cờ vua cùng chúng tớ không.

(*Theo* Việt Phương)

1. Quan sát tranh và đóng vai bạn nhỏ để giới thiệu về bạn ấy.



2. Viết một đoạn văn giới thiệu bản thân vào một tấm thẻ rồi trang trí thật đẹp.

3. Đọc lại đoạn văn em viết, phát hiện lỗi và sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý,…).

Tìm đọc một số câu đố về đồ dùng học tập hoặc những đồ vật khác ở trường.

Ví dụ:

Ngăn nhỏ rồi lại ngăn to
Đựng vở, đựng bút, đựng kho sách đầy.

(*Là cái gì?*)

Bài 15 THƯ VIỆN

ĐỌC



Giới thiệu với bạn về nơi đọc sách mà em yêu thích.









THƯ VIỆN



Khi quay trở lại trường sau kì nghỉ, các bạn hò reo vui sướng vì phát hiện ra một điều tuyệt vời. Đối diện với dãy lớp học, một căn phòng mới đã biến thành thư viện. Bên trong căn phòng có rất nhiều giá chất đầy những quyển sách đủ màu sắc. Trong phòng còn có cả bàn và ghế để các bạn có thể ngồi đọc ngay tại đó nữa.

Thầy hiệu trưởng nói:

– Đây là thư viện của các em. Các em có thể đọc bất kì quyển sách nào có ở đây. Cứ thoải mái vào thư viện khi nào thấy thích. Nếu muốn, các em có thể mượn sách về nhà đọc. Nhưng đọc xong thì phải trả lại nhé.

Nếu ở nhà có sách gì các em muốn bạn khác cùng đọc, hãy mang đến đây. Bây giờ thì đọc thật nhiều sách vào.

Thế là tất cả học sinh có mặt ở đó đều cùng vào thư viện. Các bạn sôi nổi chọn sách cho mình rồi mang ra bàn đọc. Nhưng bàn ghế chỉ đủ cho một nửa số học sinh. Những bạn còn lại đành phải đứng đọc. Quang cảnh thư viện lúc này hệt như một toa tàu điện đông đúc với những hành khách đứng ngồi để đọc sách, trông đến là ngộ.

Từ hôm đó, bạn nào đến trường cũng háo hức ghé vào thư viện. Ai cũng vui lắm.

(Theo *Tốt-tô-chan, cô bé bên cửa sổ*)

Từ ngữ

Tàu điện: một phương tiện giao thông công cộng, chạy bằng điện, chia thành nhiều toa.

1. Đến trường sau kì nghỉ, các bạn học sinh đã phát hiện ra điều gì tuyệt vời?
2. Thầy hiệu trưởng đã dặn các bạn học sinh làm những việc gì?

đọc sách theo lớp

thoải mái vào thư viện

mượn sách về đọc và trả lại

mang sách của mình đến thư viện

phải ngồi ghế khi đọc sách

có thể đọc bất kì quyển sách nào

3. Vì sao bạn nhỏ thấy quang cảnh thư viện trông giống như một toa tàu điện đông đúc?
4. Các bạn học sinh cảm thấy thế nào khi có thư viện mới?
5. Nói về thư viện mà em mơ ước.

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

Mặt trời mọc ở đằng... tây!

(Theo *Chuyện làng văn*)



Thầy giáo yêu cầu học sinh điều gì?



Cậu học trò này đã đọc câu thơ như thế nào?



Thầy giáo yêu cầu Pu-skin điều gì?



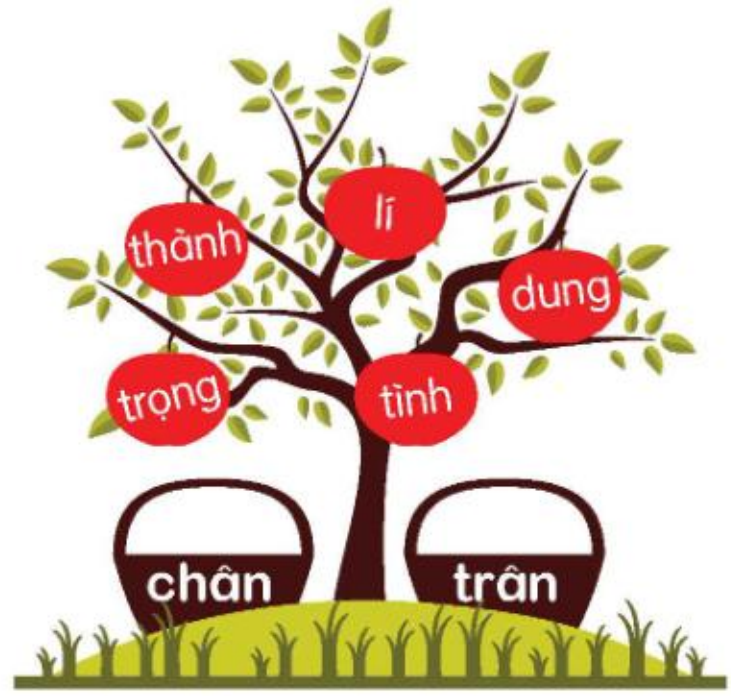
Em hãy đọc 3 câu thơ của Pu-skin.

2. Kể lại câu chuyện.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Thư viện* (từ *Đây là thư viện của các em* đến *hãy mang đến đây*).

2. Ghép các tiếng phù hợp với *chân* hoặc *trân* để tạo từ.



3. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

Bài hát tới trường

(Trích)

Bố mẹ đi làm
Ta đi học nhé
Áo quần sạch sẽ
Bầu □ời trong xanh.

Giữ gìn bàn □ân
Đừng quên đôi dép.
Giữ gương mặt đẹp
Nhớ đừng giận nhau.

Con đường thì dài
Đôi □ân thì ngắn
Thời giờ nghiêm lắm
□ẳng thích rong □ơi.

Nhưng mà bạn ơi
Xin đừng □ạy vội
Có đoàn có đội
Tới □ường cùng nhau.

(*Theo* Nguyễn Trọng Tạo)

b. Ghép các tiếng phù hợp với *dân* hoặc *dâng* để tạo từ.





Kể lại cho người thân nghe câu chuyện *Mặt trời mọc ở đằng… tây*. Nếu có thể, em hãy thử làm một số câu thơ về mặt trời.

Bài 16

NGÀY EM VÀO ĐỘI

ĐỌC



Cùng bạn trao đổi để trả lời câu hỏi: Theo em, các bạn học sinh cần phấn đấu như thế nào để được kết nạp vào Đội?



NGÀY EM VÀO ĐỘI



Chị đã qua tuổi Đoàn
Em hôm nay vào Đội
Màu khăn đỏ dắt em
Bước qua thời thơ dại.

Màu khăn tuổi thiếu niên
Suốt đời tươi thắm mãi
Như lời ru vời vợi
Chẳng bao giờ cách xa.

Này em, mở cửa ra
Một trời xanh vẫn đợi
Cánh buồm là tiếng gọi
Mặt biển và dòng sông.

Nắng vườn trưa mênh mông
Bướm bay như lời hát
Con tàu là đất nước
Đưa ta tới bến xa.

Những ngày chị đi qua
Những ngày em đang tới
Khao khát lại bắt đầu
Từ màu khăn đỏ chói.

(Xuân Quỳnh)

Từ ngữ

- *Đoàn*: chỉ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- *Đội*: chỉ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.
- *Khao khát*: mong muốn tha thiết.

1. Người chị muốn nói gì với em của mình qua 2 dòng thơ "Màu khăn đỏ dắt em/ Bước qua thời thơ dại."? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.

a. Đeo khăn quàng đỏ sẽ giúp em khôn lớn.

b. Em sẽ trưởng thành hơn khi được kết nạp vào Đội.

c. Chiếc khăn quàng đỏ đưa em tới những thành công.

2. Chi tiết nào cho thấy chiếc khăn quàng đỏ gắn bó thân thương với người đội viên?

3. Người chị đã chia sẻ với em niềm vui, mơ ước của người đội viên qua những hình ảnh nào?

4. Theo em, bạn nhỏ cảm nhận được điều gì qua lời nhắn nhủ của chị ở khổ thơ cuối?

* Học thuộc lòng khổ thơ 2, 3, 4.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc các câu đố về đồ dùng học tập hoặc những đồ vật khác ở trường, viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc: (…) – Số câu đố đã đọc: (…) – Các đồ vật được nói đến: (…)	
Câu đố em thấy dễ đoán nhất: (…)	Câu đố em thấy khó đoán nhất: (…)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Chia sẻ với bạn các câu đố em tìm được và cùng bạn giải các câu đố đó.



LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.

tìm sách | thẻ thư viện | phiếu mượn sách | sách | mượn | giá sách | người mượn | người đọc | báo | thủ thư | đọc | trả

Người	Đồ vật	Hoạt động

2. Câu nói của mỗi bạn ở tranh A và tranh B có gì khác nhau?



3. Những từ in đậm ở bài tập 2 bổ sung điều gì cho câu?

Cảm xúc của người nói	Mong muốn của người nói	Nội dung kể, tả, giới thiệu

4. Chuyển các câu dưới đây thành câu cảm (theo mẫu).

M: Quyển từ điển này hữu ích. → Quyển từ điển này hữu ích quá!

a. Bạn ấy đọc nhiều sách.

b. Thư viện trường mình rộng.

c. Thư viện đóng cửa muộn.

1. Đọc thông báo dưới đây và thực hiện các yêu cầu.

THÔNG BÁO THÀNH LẬP CÂU LẠC BỘ

Ngày 15/10/2022, nhà trường thành lập Câu lạc bộ Cờ vua cho học sinh. Thông tin chi tiết được đăng trên trang mạng của trường.

Mời học sinh đăng kí tham gia câu lạc bộ tại văn phòng nhà trường.

Thời hạn đăng kí: từ 01/10/2022 đến 10/10/2022.



Tổng phụ trách
Nguyễn Linh Lan

a. Sắp xếp các phần sau theo thứ tự của bản thông báo.

Nội dung | Tiêu đề | Người viết

b. Nêu rõ những thông tin được thể hiện trong nội dung của thông báo.



2. Viết một thông báo của lớp về việc đăng kí tham gia một cuộc thi cấp trường (thi cờ vua, thi bơi lội,...). Trong nội dung thông báo, chú ý những thông tin sau:
   - Cuộc thi được tổ chức vào thời gian nào? Ở đâu?
   - Ai được đăng kí tham gia?
   - Thời hạn và cách đăng kí tham gia.

3. Đọc lại thông báo em viết, phát hiện lỗi và sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý,...).

Tìm đọc thêm một số thông báo khác ở trường hoặc ở địa phương em.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 9

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1

TIẾT 1 – 2

1. Đoán tên bài đọc.



a. Mùa hè thật sung sướng, có nắng, có kem.



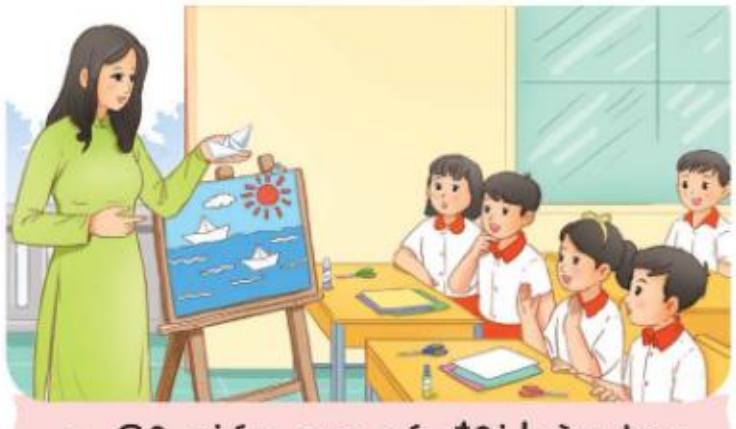
b. Bạn nhỏ chia sẻ cách làm món trứng đúc thịt.



c. Các bạn nhỏ đến trường sau kì nghỉ hè.



d. Có người thích giải toán bằng thơ.



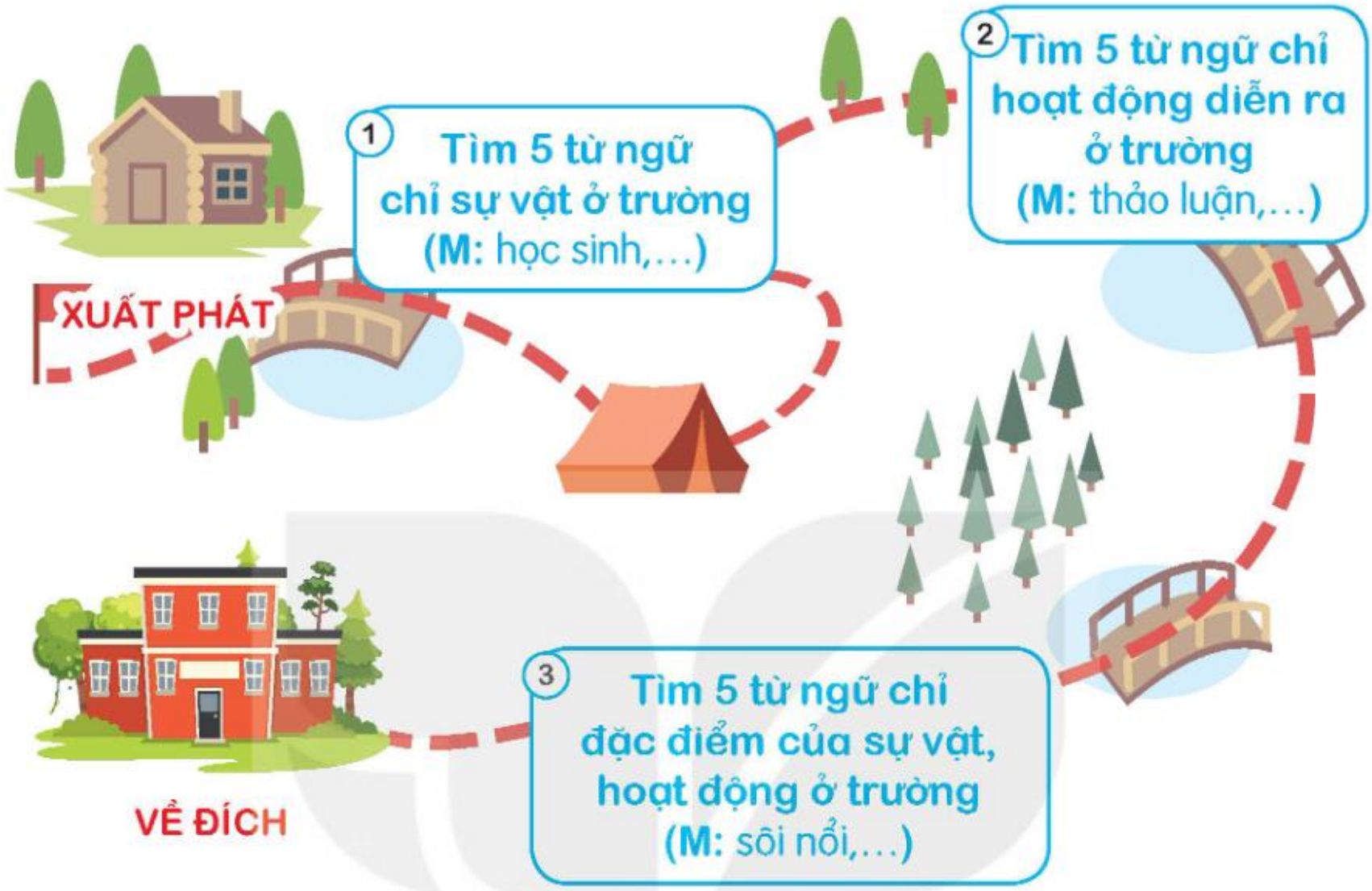
e. Cô giáo em có đôi bàn tay khéo léo.



g. Bạn Hoàng không biết cách chấm câu.

2. Chọn đọc một trong những bài trên và chia sẻ điều em thích nhất ở bài đọc đó.

3. Đường từ nhà đến trường của Nam phải vượt qua 3 cây cầu. Hãy giúp Nam đến trường bằng cách tìm từ ngữ theo yêu cầu.



4. Đặt câu với 2 – 3 từ em tìm được ở bài tập 3.

M: Các bạn học sinh lớp 3A đang thảo luận sôi nổi.

5. Chọn dấu câu phù hợp thay cho ô vuông.

Sửa chuông gọi cửa

Một thanh niên gọi cho thợ điện phàn nàn:

– Sáng hôm qua, tôi đã gọi anh đến sửa chuông nhà tôi. Sao giờ vẫn chưa thấy đến ☐ Các anh thật chậm quá ☐

Người thợ điện phân trần:

– Hôm qua, tôi có tới nhà anh, bấm chuông nhưng không thấy ai mở cửa ☐ Tôi đoán là mọi người đi vắng hết rồi nên tôi đi về ☐

(Trung Nguyên *sưu tầm*)

TIẾT 3 – 4

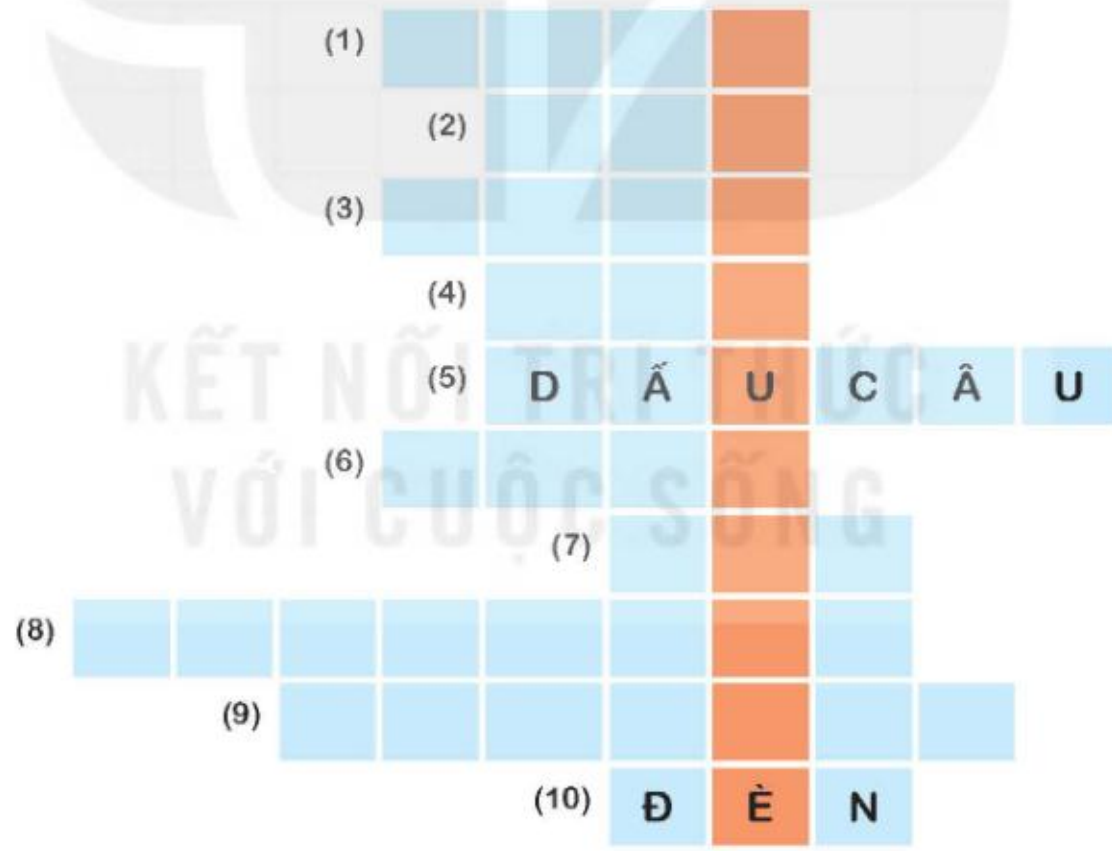
1. Trò chơi: Tìm điểm đến của các bạn nhỏ trong các bài đọc dưới đây:

1 Bạn Sơn trong bài *Ngày gặp lại*	a Thăm rừng Trường Sơn
2 Bạn nhỏ trong bài *Cánh rừng trong nắng*	b Ra biển Quy Nhơn
3 Bạn nhỏ trong bài *Tập nấu ăn*	c Về quê với ông bà
4 Bạn nhỏ trong bài *Nhật kí tập bơi*	d Vào bếp cùng mẹ
5 Bạn Thắng trong bài *Lần đầu ra biển*	e Ra vườn hái quả và đi chợ cùng mẹ
6 Bạn Diệu trong bài *Tạm biệt mùa hè*	g Đến bể bơi học bơi

2. Trong các bài đọc trên, em thích trải nghiệm của bạn nhỏ nào nhất? Vì sao?

3. Giải ô chữ.

a. Tìm ô chữ hàng ngang.



(1) Môn Tiếng Việt rèn cho em các kĩ năng: đọc, viết, nói và (…).

(2) Kiểu câu dùng để bộc lộ cảm xúc là câu (…).

(3) Để tách các bộ phận có cùng chức năng, cần dùng dấu (…).

(4) Từ có nghĩa trái ngược với *khen* là (…).

(5) Khi viết, để ngắt câu hoặc kết thúc câu phải dùng (…).

(6) Để kết thúc câu kể, ta dùng dấu (…).

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

(7) Từ có nghĩa trái ngược với *sắc* (thường đi với từ chỉ đồ vật như *dao, kéo*) là (…).

(8) Để kết thúc câu cảm, ta dùng dấu (…).

(9) Để kết thúc câu hỏi, ta dùng dấu (…).

(10) Gần mực thì đen, gần (…) thì sáng.

b. Đọc câu xuất hiện ở hàng dọc màu cam.

4. Mỗi câu trong mẩu chuyện dưới đây thuộc kiểu câu nào?

(1) Hai cậu bé nói chuyện với nhau:

– (2) Đố cậu, bệnh sốt xuất huyết lây qua đường nào?

– (3) Theo tớ, qua đường hàng không, cậu ạ.

– (4) Ôi trời! (5) Sao lại qua đường đó?

– (6) Vì muỗi vằn sau khi hút máu xong sẽ bay đi truyền bệnh từ người này sang người khác mà.

(*Sưu tầm*)



TIẾT 5

1. Nói về ngôi trường của em hoặc ngôi trường mà em mơ ước.



2. Viết đoạn văn về một người trong trường mà em yêu quý.

TIẾT 6 – 7

BÀI LUYỆN TẬP

A. ĐỌC

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

CÔ GIÁO TÍ HON

Bé nói với các em:

– Bây giờ chơi trò đi học, nghen! Đứa nào học giỏi, mai mốt má cho đi học thiệt.



Đàn em tranh nhau ngồi vào một chỗ. Bé kẹp lại tóc, thả ống quần xuống, lấy cái nón của má đội lên đầu. Nó cố bắt chước cái dáng đi khoan thai của cô giáo khi cô bước vào lớp. Đàn em cũng làm y hệt đám học trò, đứng cả dậy, cười khúc khích chào cô.

Bé treo nón lên, mặt tỉnh khô, lấy một nhánh trâm bầu làm thước. Mấy đứa em chống hai tay ngồi dòm chị. Giống như cô giáo, Bé đưa mắt nhìn đám học trò. Đôi mắt Bé ánh lên vẻ tự hào. Bé nhón chân lên, bàn tay tròn trịa cầm nhánh trâm bầu nhịp nhịp trên tấm bảng một cách chăm chú. Đàn em há miệng dòm theo tay chị. Bé đánh vần từng tiếng. Đàn em ríu rít đánh vần theo. Thằng Hiển ngọng líu, nói không kịp hai đứa lớn. Cái Anh bao giờ cũng giành phần đọc xong trước. Nó ngồi giữa cái Thanh và thằng Hiển, gọn tròn như một củ khoai, hai má núng nính ửng hồng. Cái Thanh ngồi đó, hiền dịu, mở to đôi mắt nhìn tấm bảng, vừa đọc vừa mân mê mái tóc mai. Thằng em nhỏ nhìn vào miệng ba đứa lớn rồi cũng bi bô la lên rối rít.

(*Theo* Nguyễn Thi)

Từ ngữ

– *Khoan thai*: thong thả, nhẹ nhàng.
– *Tỉnh khô*: (vẻ mặt) không để lộ tình cảm, thái độ gì.
– *Trâm bầu*: cây cùng họ với bàng, mọc nhiều ở Nam Bộ.

a. Mấy chị em chơi trò chơi gì?

b. Trong câu chuyện trên, em thích bạn nào nhất?

2. Đọc – hiểu

VẼ QUÊ HƯƠNG

Bút chì xanh đỏ
Em gọt hai đầu
Em thử hai màu
Xanh tươi, đỏ thắm.

Em vẽ làng xóm
Tre xanh, lúa xanh
Sông máng lượn quanh
Một dòng xanh mát
Trời mây bát ngát
Xanh ngắt mùa thu
Xanh màu ước mơ...

Em quay đầu đỏ
Vẽ nhà em ở
Ngói mới đỏ tươi
Trường học trên đồi
Em tô đỏ thắm
Cây gạo đầu xóm
Hoa nở chói ngời
A, nắng lên rồi
Mặt trời đỏ chót
Lá cờ Tổ quốc
Bay giữa trời xanh...

Chị ơi bức tranh
Quê ta đẹp quá!

(Định Hải)



Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

a. Chiếc bút chì của bạn nhỏ được tả như thế nào?

b. Kể tiếp các từ chỉ màu sắc được nói đến trong bài:

– xanh, xanh tươi,…

– đỏ, đỏ thắm,…

c. Theo em, vì sao bạn nhỏ thấy bức tranh quê mình rất đẹp? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.

- Vì quê hương mình đẹp.
- Vì bạn nhỏ vẽ giỏi.
- Vì bạn nhỏ yêu quê hương mình.

d. Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp.



Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ hoạt động

e. Điền dấu câu thích hợp vào ô trống.

Bức tranh của bạn nhỏ có nhiều cảnh vật làng xóm sông máng trường học trời mây,...

B. VIẾT

1. Nghe – viết: *Vẽ quê hương* (từ đầu đến *Em tô đỏ thắm*).

2. Lựa chọn một trong hai đề dưới đây, viết đoạn văn (4 – 5 câu) theo yêu cầu.

a. Kể về một ngày ở trường của em

G:

- Ngày đó bắt đầu bằng việc gì?
- Những việc gì diễn ra tiếp theo?
- Em nghĩ gì về ngày đó?

b. Cảm nghĩ của em về một người bạn

G:

- Người bạn đó là ai?
- Điều gì ở bạn khiến em nhớ nhất?
- Em có tình cảm thế nào với bạn?

MÁI NHÀ YÊU THƯƠNG



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 17 NGƯỠNG CỬA

ĐỌC



Trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi: Em cảm thấy thế nào nếu phải xa ngôi nhà của mình nhiều ngày?



NGƯỠNG CỬA

(Trích)

Nơi ấy ai cũng quen
Ngay từ thời tấm bé
Khi tay bà, tay mẹ
Còn dắt vòng đi men.

Nơi bố mẹ ngày đêm
Lúc nào qua cũng vội
Nơi bạn bè chạy tới
Thường lúc nào cũng vui.

Nơi ấy đã đưa tôi
Buổi đầu tiên đến lớp
Nay con đường xa tắp
Vẫn đang chờ tôi đi.



Nơi ấy ngôi sao khuya
Soi vào trong giấc ngủ
Ngọn đèn khuya bóng mẹ
Sáng một vầng trên sân.

(Vũ Quần Phương)

Từ ngữ

- *Ngưỡng cửa*: thanh dưới của khung cửa ra vào, thường chỉ có ở nhà gỗ hoặc nhà tranh.
- *Đi men*: bám vào vật gì đó để đi cho vững.

1. "Nơi ấy" trong bài thơ chỉ cái gì?

2. "Nơi ấy" đã chứng kiến những điều gì trong cuộc sống của bạn nhỏ?



3. Theo em, hình ảnh "con đường xa tắp" muốn nói đến điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.

   a. Hành trình học tập còn dài lâu.

   b. Nhiều điều mới mẻ chờ đón em ở phía trước.

   c. Đường đến tương lai còn xa.

4. Ngưỡng cửa đã nhắc bạn nhỏ nhớ tới những ai, giúp bạn nhỏ cảm nhận điều gì về những người đó?

   * Học thuộc lòng 3 khổ thơ đầu.

NÓI VÀ NGHE

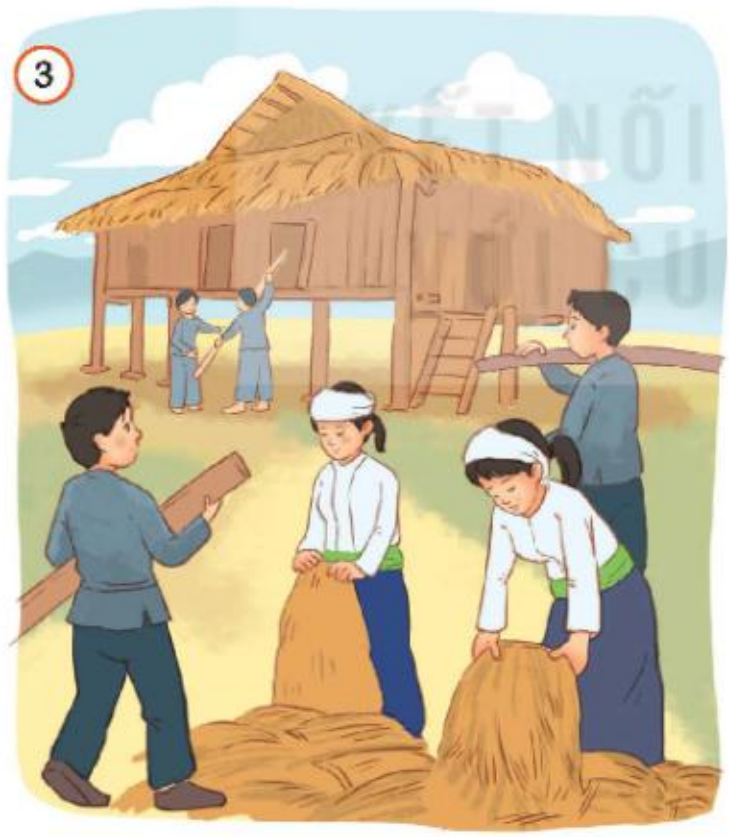
1. Dựa vào tranh, đoán nội dung câu chuyện.

Sự tích nhà sàn

(Theo *Truyện cổ dân tộc Mường*)









2. Nghe kể chuyện.

3. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

VIẾT

1. Nghe – viết:

Đồ đạc trong nhà

(Trích)

Em yêu đồ đạc trong nhà
Cùng em trò chuyện như là bạn thân.
Cái bàn kể chuyện rừng xanh
Quạt nan mang đến gió lành trời xa.
Đồng hồ giọng nói thiết tha
Nhắc em ngày tháng thường là trôi mau.
Ngọn đèn sáng giữa trời khuya
Như ngôi sao nhỏ gọi về niềm vui.

(Phan Thị Thanh Nhàn)

2. Làm bài tập a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động có tiếng chứa *iêu* hoặc *ươu*.



b. Chọn *en* hoặc *eng* thay cho ô vuông.

hoa loa k□ bác thợ r□ giấy kh□ tiếng k□ kêu r□ r□

hứa h□ nguyên v□ dế m□ ch□ chúc v□ sông



Kể câu chuyện hoặc đọc bài thơ nói về mái ấm gia đình cho người thân nghe.

Bài 18

MÓN QUÀ ĐẶC BIỆT

ĐỌC

Cùng bạn nêu những việc làm thể hiện tình cảm yêu thương đối với người thân.

MÓN QUÀ ĐẶC BIỆT



Cả chiều, hai chị em hì hụi chuẩn bị quà sinh nhật cho bố. Tấm thiệp đặc biệt được chị nắn nót viết:

Bố:

- *Tính rất hiền*
- *Nói rất to*
- *Ngủ rất nhanh*
- *Ghét nói dối*
- *Nấu ăn không ngon*
- *Yêu mẹ*

Ngắm nghía tấm thiệp, em băn khoăn:

– Có khi chỉ viết điều tốt thôi. Chị xoá dòng "Nấu ăn không ngon" đi chị!

– Ừ. Em thấy viết thế có ít quá không?

– A, bố rất đẹp trai nữa ạ!

Chị cắm cúi viết thêm vào tấm thiệp. Quà "bí mật" tặng bố đã xong.

Bố đang ngồi trước máy tính, mặt đăm chiêu.

– Bố ơi...

Bố nhìn hai chị em.

– Hai chị em sao thế?

– Chúng con...

– Chúc mừng sinh nhật bố!

Hai chị em hồi hộp nhìn bố. Bố ngạc nhiên mở quà, đọc chăm chú. Rồi bố cười giòn giã:

– Ngạc nhiên chưa? Hai chị em tặng bố. Còn tiết lộ bí mật bố nấu ăn không ngon nữa.

Chị nhìn em. Em nhìn chị. Cả hai nhìn tấm thiệp. Thôi, quên xoá dòng "Nấu ăn không ngon" rồi. Mắt chị rơm rớm. Nhưng bố đã choàng tay ôm hai chị em vào lòng:

– Cảm ơn hai con. Đây là món quà đặc biệt nhất bố được nhận đấy. Bố muốn thêm một ý nữa là: Bố rất yêu các con.

Ừ nhỉ, sao cả hai chị em đều quên. Ba bố con cười vang cả nhà.

(Phong Điệp)

Từ ngữ

– *Hì hụi*: gợi tả dáng vẻ làm một việc gì đó một cách khó nhọc, kiên nhẫn.

– *Đăm chiêu*: có vẻ mặt suy nghĩ, băn khoăn về một điều gì đó.

– *Rơm rớm*: ứa nước mắt như sắp khóc.

1. Hai chị em đã viết gì trong tấm thiệp tặng bố?

2. Từ nào dưới đây thể hiện cảm xúc của bố khi nhận quà của hai chị em?

a. băn khoăn | b. đăm chiêu

c. hồi hộp | d. ngạc nhiên

3. Vì sao bố rất vui khi nhận quà mà người chị lại rơm rớm nước mắt?

4. Bố đã làm gì để hai chị em cảm thấy rất vui?

5. Em thích nhất chi tiết nào trong câu chuyện trên? Vì sao?

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: G, H

1. Viết tên riêng: Hà Giang

2. Viết câu: Kìa Hà Giang đó sương giăng trắng
Hoa gạo bừng lên, sông hiện ra.
(Nguyễn Đức Mậu)

Hà Giang: nay thuộc tỉnh Tuyên Quang.

LUYỆN TẬP

1. Tìm từ chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ dưới đây:

Có một giờ Văn như thế
Lớp em im phắc lặng nghe
Bài "Mẹ vắng nhà ngày bão"
Cô giảng miệt mài say mê.

Ai cũng nghĩ đến mẹ mình
Dịu dàng, đảm đang, tần tảo
Ai cũng thương thương bố mình
Vụng về chăm con ngày bão.

(Nguyễn Thị Mai)

2. Ghép mỗi câu sau với kiểu câu thích hợp.

– Chị xoá dòng "Nấu ăn không ngon" đi chị!
– A, bố rất đẹp trai nữa ạ!
– Chị cắm cúi viết thêm vào tấm thiệp.

Câu kể **Câu cảm** **Câu khiến**

3. Nêu dấu hiệu nhận biết câu khiến.

4. Sử dụng các từ *hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, nhé* để đặt câu khiến trong mỗi tình huống dưới đây:

a. Nhờ người thân hướng dẫn làm bưu thiếp
b. Muốn các em nhỏ trật tự khi xem phim trong rạp
c. Muốn bố mẹ cho về thăm quê
d. Muốn bố mua cho cuốn truyện mình thích

M: Chị hướng dẫn em làm bưu thiếp đi!

1. Quan sát một đồ vật trong tranh, ghi lại những điều quan sát được về đặc điểm của đồ vật.



G:

a. Đặc điểm về màu sắc

Tên đồ vật

b. Đặc điểm về hình dáng, kích thước

c. Đặc điểm về hoạt động, công dụng

2. Quan sát một đồ vật có trong nhà hoặc ở lớp. Viết 3 – 4 câu tả đồ vật đó.

G: – Viết câu tả màu sắc

M: Chiếc cặp sách màu xanh da trời trông thật mát mắt.

– Viết câu tả hình dáng, kích thước

M: Quai cặp to bản, hơi cong cong để khi xách không bị đau tay.

– Viết câu tả hoạt động, công dụng

M: Mỗi khi đóng, mở nắp cặp, tiếng "tách tách" của ổ khoá nghe thật vui tai.

3. Chia sẻ đoạn văn của em với bạn, chỉnh sửa và bổ sung ý hay.

Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về hoạt động của người thân trong gia đình.

Ví dụ:

Bà em

Bà là kho cổ tích
Kể mãi mà không vơi
Chuyện thần tiên trên trời
Chuyện cỏ hoa dưới đất.

Con ong chăm làm mật
Con kiến khéo tha mồi
Đàn bướm mải rong chơi
Ve sầu tài tấu nhạc.

Có chuyện chú mèo nhác
Chẳng rửa mặt bao giờ
Chuyện chú gà làm thơ
Cứ gật gù "thích thích".

Bay vào miền cổ tích
Em níu chặt tay bà
Bầu trời rộng bao la
Bà cho em đôi cánh.



(Ninh Đức Hậu)

Bài 19 KHI CẢ NHÀ BÉ TÍ

ĐỌC



Chia sẻ với bạn một câu chuyện về em khi còn bé qua lời kể của người thân.



KHI CẢ NHÀ BÉ TÍ

Khi bà còn bé tí
Bà có nghịch lắm không
Dáng đi có hơi còng
Chăm quét nhà dọn dẹp?

Khi ông còn bé tí
Có nghiêm như bây giờ,
Có chau mặt chơi cờ
Có uống trà buổi sáng?

Khi bố còn bé tí
Có thích lái ô tô
Có say mê sửa đồ
Có hay xem bóng đá?

Khi mẹ còn bé tí
Có mải ngồi cắm hoa
Thích ra chợ gần nhà
Tối khuya ôm cuốn sách?

Khi con còn bé tí
Chẳng đọc sách, chơi cờ
Chẳng dọn dẹp, chữa đồ
Cả ngày con đùa nghịch.

(Huỳnh Mai Liên)



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Bạn nhỏ đã hỏi về những ai?

2. Bạn nhỏ thắc mắc điều gì?

   a. Bạn ấy thế nào khi còn bé?

   b. Mọi người như thế nào khi còn bé?

   c. Mọi người khi còn bé có giống bạn ấy không?

3. Hình ảnh của mỗi người trong gia đình hiện ra như thế nào trong suy nghĩ của bạn nhỏ?

4. Em thích hình ảnh của ai nhất?

   * Học thuộc lòng những khổ thơ em thích.

NÓI VÀ NGHE

Những người yêu thương

1. Đóng vai, hỏi – đáp về công việc yêu thích của những người thân trong gia đình.



M: – Hằng ngày, bà của bạn thích làm gì?

– Bà tớ rất thích đọc báo. Bà thường đọc báo *Sức khoẻ và Đời sống*.

2. Kể về những việc em thích làm cùng người thân.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Khi cả nhà bé tí* (3 khổ thơ cuối).

2. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn tiếng trong ngoặc đơn thay cho ô vuông.

– Trong vườn, cây ■ (*lịu/ lựu*) sai ■ (*trĩu/ trũu*) quả.

– Mẹ ■ (*địu/ đựu*) bé lên nương.

– Đàn chim sà xuống cây bằng lăng, hót ■ (*líu/ lứu*) lo.

b. Chọn tiếng trong bông hoa thay cho mỗi ô vuông.

biến biếng

– Bàn tay khéo léo của bố đã ■ những mảnh gỗ vụn thành máy bay, ô tô, con vịt,…

– Mẹ bảo Duy không nên lười ■, phải chăm tập thể dục hằng ngày.

tiến tiếng

– Anh Dũng giả làm ■ kêu của các con vật rất giỏi.

– Ở lớp, Mai và Hà là đôi bạn cùng ■.

3. Viết vào vở 1 – 2 câu đã hoàn thành ở bài tập 2.



Đọc bài thơ *Khi cả nhà bé tí* cho người thân nghe. Hỏi về những công việc yêu thích của người thân khi còn bé.

Bài 20

TRÒ CHUYỆN CÙNG MẸ

ĐỌC

Kể về một hoạt động chung của gia đình em vào buổi tối.

TRÒ CHUYỆN CÙNG MẸ



Thời gian vui nhất trong buổi tối của Thư và Hân là trước khi đi ngủ. Đã thành thói quen, ba mẹ con sẽ đọc sách, rồi thủ thỉ chuyện trò. Những câu chuyện của ba mẹ con thường nối vào nhau không dứt. Vì thế, sắp đến giờ ngủ, mẹ phải nói rành rọt từng chữ: Năm phút nữa thôi nhé. Nhưng đôi khi chính mẹ nấn ná nghe chuyện của con, làm năm phút cứ được cộng thêm mãi.

Ba mẹ con có nhiều điều để nói với nhau lắm. Hôm thì ba mẹ con bàn luận về các nhân vật trong quyển sách vừa đọc. Hôm thì mẹ kể cho hai chị em về công việc của mẹ. Có hôm, mẹ lại kể về ngày mẹ còn bé. Thỉnh thoảng mẹ pha trò khiến hai chị em cười như nắc nẻ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



Hai chị em cũng líu lo kể chuyện cho mẹ nghe. Em Hân bao giờ cũng tranh kể trước. Em hay kể về các bạn ở lớp mẫu giáo, về những trò chơi em được cô dạy, hay những món quà chiều mà em ăn rồi lại muốn ăn thêm nữa. Thư thì kể cho mẹ nghe chuyện được cô giáo mời đọc bài văn trước cả lớp, về những bài toán thử trí thông minh mà các bạn thường đố nhau trong giờ ra chơi,...

Ba mẹ con rúc rích mãi không chán. Chỉ là đến giờ ngủ thì phải ngủ thôi.

(Diệu Thuỷ)

1. Chi tiết nào cho thấy ba mẹ con Thư rất thích trò chuyện với nhau trước khi đi ngủ?
2. Vì sao thời gian trò chuyện của ba mẹ con cứ được cộng thêm mãi?
3. Mẹ đã kể cho chị em Thư những chuyện gì?
4. Đóng vai Thư hoặc Hân nhắc lại những chuyện mình đã kể cho mẹ nghe.
5. Nêu cảm nghĩ của em sau khi đọc câu chuyện.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về hoạt động của người thân trong gia đình và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc: (...) – Tên bài: (...) – Tác giả: (...)	
Nhân vật em thích nhất: (...)	Lí do em thích nhân vật đó: (...)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Chia sẻ với bạn về nhân vật em yêu thích nhất: Nhân vật đó làm gì? Nhân vật đó có gì thú vị? Em học hỏi được điều gì ở nhân vật đó?

LUYỆN TẬP

1. Tìm các từ chỉ người thân trong đoạn văn dưới đây:

Bà nội của tôi là bà ngoại em Đốm. Hai chị em tôi đều rất quý bà vì cả hai đều được bà chăm sóc từ khi mới sinh. Không phải chỉ đối với tôi và Đốm, mà sau này, em My, em Chấm ra đời, bà đều nâng niu bế ẵm từ lúc lọt lòng.

(*Theo* Vũ Tú Nam)

2. Tìm thêm từ ngữ chỉ những người thân bên nội và bên ngoại.

3. *Dấu hai chấm* trong câu sau dùng để làm gì?

Cảnh vật xung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

(*Theo* Thanh Tịnh)

a. Để báo hiệu lời nói trực tiếp

b. Để báo hiệu phần giải thích

c. Để báo hiệu phần liệt kê

4. Xác định công dụng của *dấu hai chấm* trong mỗi câu văn dưới đây:

Báo hiệu phần giải thích **Báo hiệu phần liệt kê**

a. Trong cái túi vải thô của bà có đủ thứ quà, mùa nào thức nấy: nhãn tháng Sáu, na tháng Bảy, roi mùa hạ, gương sen mùa thu.

(*Theo* Ma Văn Kháng)

b. Hoa giấy có một đặc điểm khác với nhiều loài hoa: hoa rụng mà vẫn còn tươi nguyên.

(*Theo* Trần Hoài Dương)

c. Chú sóc có bộ lông khá đẹp: lưng xám nhưng bụng và chóp đuôi lại đỏ rực.

(*Theo* Ngô Quân Miện)

1. Quan sát tranh, nêu đặc điểm của sự vật trong mỗi tranh.



G:

– Ngôi nhà trong tranh thuộc loại nhà gì?
– Ngôi nhà đó có những đặc điểm gì nổi bật? (hình dáng, màu sắc,...)
– Cảnh vật xung quanh như thế nào?
– Em có cảm nghĩ gì khi quan sát ngôi nhà đó?

2. Viết đoạn văn tả ngôi nhà của em.

G:

a. Giới thiệu về ngôi nhà
– Nhà em ở đâu?
– Gia đình em ở đó từ khi nào?

b. Tả bao quát về ngôi nhà
– Hình dáng
– Cảnh vật xung quanh

c. Đặc điểm nổi bật của ngôi nhà
– Bên ngoài (mái, tường, vách, cửa sổ, cửa ra vào,...)
– Bên trong (phòng bếp, phòng khách, đồ đạc,...)

d. Nêu tình cảm của em với ngôi nhà.

3. Trao đổi đoạn văn của em với bạn, chỉnh sửa và bổ sung ý hay.



Vẽ ngôi nhà em yêu thích. Viết 2 – 3 câu giới thiệu bức tranh của em.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 21 TIA NẮNG BÉ NHỎ

ĐỌC

Quan sát tranh, đoán xem bạn nhỏ đang làm gì.



TIA NẮNG BÉ NHỎ

Bà nội của Na đã già yếu. Bà đi lại rất khó khăn.

Nhà của Na nằm trên một ngọn đồi. Hằng ngày, nắng xuyên qua những tán lá trong khu vườn trước nhà tạo thành những vệt sáng lóng lánh rất đẹp. Nhưng phòng ngủ của tất cả mọi người trong gia đình lại ở phía không có nắng. Bà nội rất thích nắng nhưng nắng không lọt vào phòng bà. Na chưa biết làm cách nào để đem nắng cho bà.

Một buổi sáng, khi đang dạo chơi trên đồng cỏ, Na cảm thấy nắng sưởi ấm mái tóc mình và nhảy nhót trên vạt áo. Cô bé vui mừng reo lên:

– Mình sẽ bắt nắng trên vạt áo mang về cho bà.

Nghĩ vậy, cô bé chạy ùa vào phòng bà:

– Bà ơi! Bà nhìn này! Cháu mang ít nắng về cho bà đây! – Cô bé reo lên và xổ vạt áo ra nhưng chẳng có tia nắng nào ở đó cả.

– Kìa, nắng long lanh trong ánh mắt cháu và rực lên trên mái tóc của cháu đây này. – Bà nội trìu mến nhìn cô bé.

Na không hiểu được tại sao nắng lại chiếu từ mắt mình nhưng cô bé rất mừng vì làm cho bà vui. Mỗi sáng, Na dạo chơi trong vườn rồi chạy vào phòng để đem nắng cho bà.

(*Theo* Hà Yên)

Từ ngữ

– *Xổ*: mở tung ra, tháo tung ra.

– *Mắt long lanh*: mắt có ánh sáng chiếu vào, trông sinh động.

1. Vì sao bà nội của Na khó thấy được nắng?
2. Na nghĩ ra cách nào để mang nắng cho bà?
3. Na có mang được nắng cho bà không? Vì sao?
4. Câu nói của bà cho em biết điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.

   a. Bà hiểu tình cảm của Na.

   b. Bà không muốn Na buồn.

   c. Bà rất yêu Na.

5. Nếu là Na, em sẽ làm gì để giúp bà nhìn thấy nắng?

NÓI VÀ NGHE

1. Nêu nội dung từng tranh.

Tia nắng bé nhỏ



Bà nội của Na (...)



Một buổi sáng (...)



Na chạy ùa vào (...)



Mỗi sáng, (...)

2. Kể lại câu chuyện.

3. Em nghĩ gì về cô bé Na?

VIẾT

1. Nghe – viết:

Kho sách của ông bà

Ông tôi có rất nhiều sách. Bà thì không có những giá sách đầy ắp như ông, nhưng bà có cả một kho sách trong trí nhớ. Tôi rất thích về nhà ông bà. Ban ngày, tôi mải miết đọc sách với ông. Buổi tối, tôi say sưa nghe kho sách của bà. Kho sách nào cũng thật kì diệu.

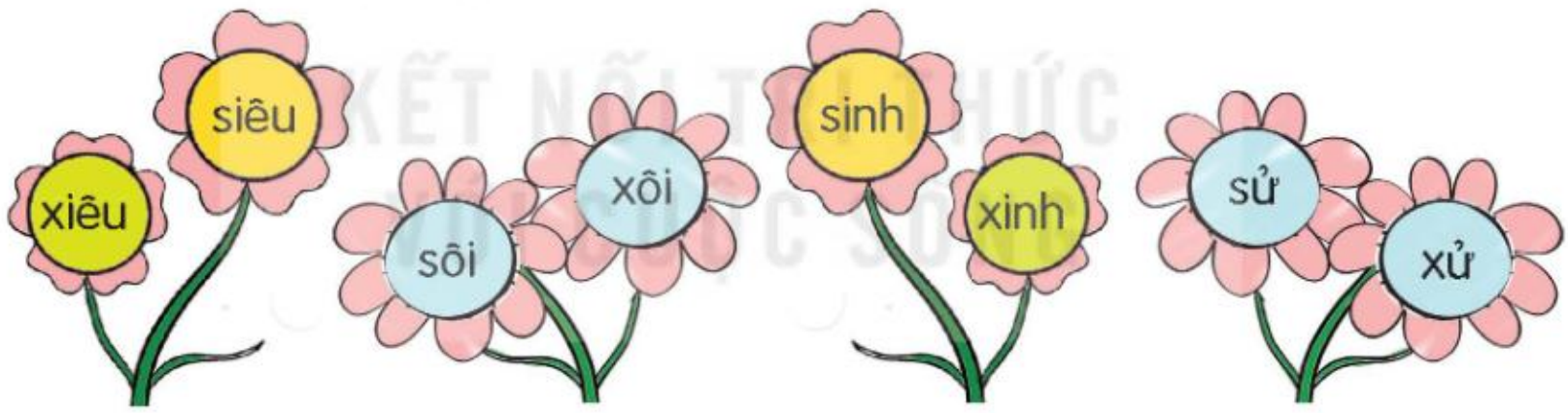
(Hoàng Hà)

2. Làm bài tập a hoặc b.

a. Tìm từ ngữ được tạo bởi mỗi tiếng dưới đây. Đặt câu với 2 từ ngữ tìm được.

M: sôi nổi

Các bạn giơ tay phát biểu rất sôi nổi.



b. Tìm tiếng chứa *uôn* hoặc *uông* thay cho ô vuông. Viết vào vở các từ ngữ có tiếng đó.

Cơn dông nổi lên. Trời sập tối, gió giật mạnh, ■ phăng những đám lá rụng và thổi tung chúng lên không trung. Bụi bay cuồn ■. Mẹ bỏ đám rau ■ đang hái dở, ■ quýt chạy đi lùa gà vịt vào ■.

(*Theo* Bảo Châu)

Làm một tấm thiệp nhỏ, trang trí thật đẹp. Viết những lời thể hiện tình cảm yêu thương hoặc lòng biết ơn của em đối với một người thân.

Bài 22

ĐỂ CHÁU NẮM TAY ÔNG

ĐỌC



Kể về một lần em cảm thấy xúc động trước cử chỉ hoặc việc làm của người thân.



ĐỂ CHÁU NẮM TAY ÔNG

Hè năm nay, Dương được đi du lịch ở Nha Trang cùng bố mẹ và ông ngoại.

Tháp Bà Pô-na-ga là địa điểm tham quan cuối cùng của đoàn. Ngôi đền vàng rực trong khuôn viên xanh rợp bóng cây. Ông ngoại cứ đứng trầm ngâm trước những bức vẽ chạm trổ tinh xảo. Bàn tay ông run run khi chạm vào các cột đá nhuốm màu thời gian. Dương nhìn ông, lòng trào lên cảm xúc yêu thương khó tả.

Tiếng hướng dẫn viên du lịch giục đoàn rời điểm tham quan. Ông ngoại chần chừ chưa muốn đi nên rớt lại phía sau. Dương rời đoàn, chạy đến nắm tay ông dắt đi. Nó chợt thấy ông chậm chạp, ngơ ngác quá. Thường ngày, Dương luôn nghĩ ông rất nhanh nhẹn. Ông đưa đón nó đi học mỗi khi bố mẹ bận rộn. Ông hào hứng chơi trò cá ngựa cùng nó.



Từ trước đến nay, ông luôn là người dắt tay dẫn nó đi, là người bảo vệ nó. Đây là lần đầu tiên Dương nhận ra ông không còn khoẻ như trước. Mỗi một ngày trôi qua, ông đang già đi, còn nó sẽ mạnh mẽ hơn. Dương choàng tay ôm ông, thủ thỉ:

– Ông ngoại ơi, cháu yêu ông nhiều lắm!

Dương nghĩ, từ bây giờ nó mới là người đưa tay cho ông nắm.

(Dương Thuỵ)

Từ ngữ

- *Tháp Bà Pô-na-ga*: công trình kiến trúc tiêu biểu của văn hoá Chăm Pa thuộc tỉnh Khánh Hoà.
- *Chạm trổ*: khắc, đục lên bề mặt gỗ, đá để trang trí.
- *Tinh xảo*: tinh vi, tỉ mỉ, khéo léo.
- *Chần chừ*: đắn đo, do dự, chưa quyết tâm ngay để làm một việc gì đó.

1. Điểm tham quan cuối cùng của gia đình Dương là ở đâu?

2. Tìm những chi tiết cho thấy ông ngoại ngắm ngôi đền rất kĩ và đầy xúc động.

3. Dương đã thay đổi những suy nghĩ về ông như thế nào?

Trước khi đi du lịch, Dương nghĩ (…)	Trong khi đi du lịch, Dương nhận ra (…)

4. Theo em, vì sao Dương nghĩ từ bây giờ mình mới là người đưa tay cho ông nắm?

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: I, K

1. Viết tên riêng: Khánh Hoà

2. Viết câu: Khánh Hoà là xứ trầm hương
Non xanh nước biếc người thương đi về.

(*Ca dao*)

LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây vào nhóm thích hợp.

a. Từ chỉ hoạt động

b. Từ chỉ đặc điểm

Ông **vác** cây tre **dài**
Lưng của ông vẫn **thẳng**
Ông **đẩy** chiếc cối xay
Cối **quay** như chong chóng

Đường **dài** và sông **rộng**
Ông vẫn luôn **đi về**
Tay của ông **khoẻ** ghê
Làm được bao nhiêu việc.

(Hữu Thỉnh)

2. Tìm câu kể trong những câu dưới đây:

a. Tháp Bà Pô-na-ga ở đâu?

b. Tháp Bà Pô-na-ga là một địa điểm du lịch thuộc tỉnh Khánh Hoà.

c. Ông ngoại đưa đón Dương đi học mỗi khi bố mẹ bận rộn.

d. Mỗi một ngày trôi qua, ông đang già đi, còn nó mạnh mẽ hơn.

e. Ông ngoại ơi, cháu yêu ông nhiều lắm!

3. Xếp các câu kể ở bài tập 2 vào nhóm thích hợp.

Câu giới thiệu sự vật

Câu nêu hoạt động

Câu nêu đặc điểm

1. Những câu văn nào dưới đây thể hiện cảm xúc với người thân?

a. Dương nhìn ông, lòng trào lên cảm xúc yêu thương khó tả.

b. Thường ngày, Dương luôn nghĩ ông rất nhanh nhẹn.

c. Ông đưa đón nó đi học mỗi khi bố mẹ bận rộn.

d. Ông ngoại ơi, cháu yêu ông nhiều lắm!

2. Nói 2 – 3 câu thể hiện cảm xúc của em khi nghĩ về một cử chỉ, việc làm của người thân.

G: – Cử chỉ, việc làm nào của người thân gợi cảm xúc cho em?

– Em hãy diễn tả cụ thể cảm xúc đó.

3. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em đối với người thân.

4. Đọc lại đoạn văn em viết, phát hiện lỗi và sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, sắp xếp ý,...).

Tìm đọc những câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về tình cảm giữa những người thân trong gia đình, hoặc tình cảm với mọi vật trong nhà.

Ví dụ:

Ông ngoại

Thành phố sắp vào thu. Những cơn gió nóng mùa hè đã nhường chỗ cho luồng khí mát dịu mỗi sáng. Trời xanh ngắt trên cao, xanh như dòng sông trong, trôi lặng lẽ giữa những ngọn cây hè phố.

Năm nay, tôi sẽ đi học. Ông ngoại dẫn tôi đi mua vở, chọn bút, hướng dẫn tôi cách bọc vở, dán nhãn, pha mực và dạy tôi những chữ cái đầu tiên.

Một sáng, ông bảo:

– Ông cháu mình đến xem trường thế nào.

Ông chậm rãi nhấn từng nhịp chân trên chiếc xe đạp cũ, đèo tôi tới trường. Trong cái vắng lặng của ngôi trường cuối hè, ông dẫn tôi lang thang khắp các căn lớp trống, ông còn nhấc bổng tôi trên tay, cho gõ thử vào mặt da loang lổ của chiếc trống trường. Tiếng trống buổi sáng trong trẻo ấy là tiếng trống trường đầu tiên, âm vang mãi trong đời đi học của tôi sau này.

Trước ngưỡng cửa của trường tiểu học, tôi đã may mắn có ông ngoại – "thầy giáo" đầu tiên của tôi.

(*Theo* Nguyễn Việt Bắc)

Từ ngữ

Loang lổ: có những vệt màu khác nhau xen lẫn một cách lộn xộn.

Bài 23 TÔI YÊU EM TÔI

ĐỌC



Em yêu nhất điều gì ở anh, chị hoặc em của mình?



TÔI YÊU EM TÔI

(Trích)

Tôi yêu em tôi
Nó cười rúc rích
Mỗi khi tôi đùa
Nó vui, nó thích.

Mắt nó đen ngời
Trong veo như nước
Miệng nó tươi hồng
Nói như khướu hót.

Hoa lan, hoa lí
Nó nhặt cài đầu
Hương thơm theo nó
Sân trước vườn sau.

Tôi đi đâu lâu
Nó mong, nó nhắc
Nó nấp sau cây
Oà ra ôm chặt.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nó thích vẽ lắm
Vẽ thỏ có đôi
Nó sợ thỏ một
Không có bạn chơi.

Kìa, tiếng nó đấy!
Đang ở trường về
Cùng bạn bắt bướm
Cười dưới hàng tre...

(Phạm Hổ)

1. Khổ thơ đầu cho biết bạn nhỏ yêu em gái về điều gì?
2. Trong khổ thơ 2 và 3, bạn nhỏ tả em gái mình đáng yêu như thế nào?

Mắt em | Miệng em | Cách làm điệu của em

3. Khổ thơ nào cho thấy bạn nhỏ được em gái rất yêu quý?
4. Chi tiết nào cho thấy bạn nhỏ rất hiểu sở thích, tính tình của em mình?
5. Bài thơ giúp em hiểu điều gì về tình cảm anh chị em trong gia đình?

* Học thuộc lòng những khổ thơ em thích.

NÓI VÀ NGHE

Tình cảm anh chị em

1. Cùng bạn trao đổi để hiểu nghĩa của các câu tục ngữ, ca dao dưới đây:
   - Chị ngã em nâng.
   - Anh em như thể chân tay
     Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần.

Em nhớ:
- *Nói rõ ràng ý kiến của em.*
- *Lắng nghe bạn nói.*
- *Hỏi bạn những điều mình chưa hiểu.*

2. Chọn yêu cầu a hoặc b.

a. Kể về những việc em thường làm cùng với anh, chị hoặc em của mình. Nêu cảm nghĩ của em khi có anh, chị hoặc em làm việc cùng.

b. Em mong muốn có người anh, người chị hoặc người em như thế nào? Vì sao?





VIẾT

1. Nghe – viết: *Tôi yêu em tôi* (4 khổ thơ đầu).

2. Quan sát tranh, tìm và viết tên sự vật theo yêu cầu a hoặc b.

a. Chứa tiếng bắt đầu bằng *r, d* hoặc *gi*. M: hàng rào

b. Chứa tiếng có *ươn* hoặc *ương*. M: mướp hương



3. Tìm thêm các từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *r, d, gi* (hoặc có vần *ươn, ương*).



Viết 2 – 3 câu về một việc em đã làm khiến người thân vui.

Bài 24

BẠN NHỎ TRONG NHÀ

ĐỌC



Cùng bạn hỏi – đáp về những vật nuôi trong nhà.



BẠN NHỎ TRONG NHÀ



Tôi vẫn nhớ ngày đầu tiên nhà tôi có một chú chó nhỏ. Buổi sáng hôm đó, tôi nghe tiếng cào khẽ vào cửa phòng. Mở cửa ra, tôi nhìn thấy một chú chó con. Nó tuyệt xinh: lông trắng, khoang đen, đôi mắt tròn xoe và loáng ướt. Nó rúc vào chân tôi, nức lên những tiếng khe khẽ trong cổ, cái đuôi bé xíu ngoáy tít, hệt như một đứa trẻ làm nũng mẹ.

Tôi đặt tên nó là Cúp. Tôi chưa dạy Cúp những chuyện tài giỏi như làm xiếc. Nhưng so với những con chó bình thường khác, Cúp không thua kém gì. Cúp biết chui vào gầm giường lấy trái banh, đem cho tôi chiếc khăn lau nhà, đưa hai chân trước lên mỗi khi tôi chìa tay cho nó bắt. Cúp còn rất thích nghe tôi đọc truyện. Mỗi khi tôi đọc cho Cúp nghe, nó nằm khoanh tròn trên lòng tôi. Lúc tôi đọc xong, gấp sách lại, đã thấy cu cậu ngủ khò từ lúc nào.

Tôi và Cún ngày ngày quấn quýt bên nhau. Mỗi khi tôi đi học về, Cún chạy vọt ra, chồm hai chân trước lên mừng rỡ. Tôi cúi xuống vỗ về Cún. Nó âu yếm dụi cái mõm ươn ướt, mềm mềm vào chân tôi.

(*Theo* Trần Đức Tiến)

Từ ngữ

– *Loáng ướt*: ướt và có ánh sáng chiếu vào.

– *Nức lên*: bật mạnh hơi từ trong cổ ra thành tiếng cách quãng.

1. Chú chó trông như thế nào trong ngày đầu tiên về nhà bạn nhỏ?
2. Chú chó được đặt tên là gì và biết làm những gì?
3. Em hãy nói về sở thích của chú chó.
4. Tìm những chi tiết thể hiện tình cảm giữa bạn nhỏ và chú chó. Em nghĩ gì về tình cảm đó?

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về tình cảm giữa những người thân trong gia đình, hoặc tình cảm với mọi vật trong nhà (vật nuôi, đồ đạc,...) và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc: (...) – Tên bài: (...) – Tác giả: (...)	
Nhân vật, sự việc được nói đến: (...)	Chi tiết làm em thấy thú vị hoặc cảm động: (...)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Trao đổi với bạn về những chi tiết làm em thấy thú vị và cảm động.

LUYỆN TẬP

1. Tìm từ ngữ về bạn trong nhà theo từng nhóm sau:

Vật nuôi	Đồ đạc
M: mèo	M: quạt điện

2. Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

Nhà Thuỷ ở ngay dưới thuyền. Con sông thân yêu, nơi có "nhà" của Thuỷ ấy, là sông Hồng. Lòng sông mở mênh mông, quãng chảy qua Hà Nội càng mênh mông hơn. Mỗi cánh buồm nổi trên dòng sông, nom cứ như là một con bướm nhỏ. Lúc nắng ửng mây hồng, nước sông nhấp nháy như sao bay.

(*Theo* Phong Thu)

– Cánh buồm trên sông được so sánh với sự vật nào?

– Nước sông nhấp nháy được ví với sự vật nào?

3. Tìm hình ảnh so sánh trong các đoạn thơ dưới đây và nêu tác dụng của nó.

① Cau cao cao mãi
Tàu vươn giữa trời
Như tay xoè rộng
Hứng làn mưa rơi.

(Ngô Viết Dinh)

② Sân nhà em sáng quá
Nhờ ánh trăng sáng ngời
Trăng tròn như cái đĩa
Lơ lửng mà không rơi.

(Nhược Thuỷ – Phương Hoa)

③ Sương trắng viền quanh núi
Như một chiếc khăn bông
– Ồ, núi ngủ lười không!
Giờ mới đang rửa mặt.

(Thanh Hào)

④ Một hôm mặt đất
Mọc lên cái cây
Cái cây bé nhỏ
Lá mềm như mây.

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Đọc bài *Cái đồng hồ* dưới đây và thực hiện yêu cầu.

Cái đồng hồ



Vào năm học mới, bố thưởng cho hai anh em tôi một cái đồng hồ báo thức, vỏ bằng nhựa màu trắng. Bố vặn dây cót, xoay xoay cái kim, lập tức đồng hồ reo lên vang nhà. Đồng hồ nhà tôi có tiếng chuông reo "ác" thật, vang và trong như dế cộ gáy sau đêm mưa. Đặc biệt là tối không có đèn, hai cái kim của nó cứ sáng loé lên như đom đóm. Suốt tháng ngày, đồng hồ tí ta tí tách, chăm chỉ chạy rất đều, rất đúng. Nó nhắc nhở anh em tôi giờ ngủ, giờ chơi, giờ ăn, giờ học.

(*Theo* Vũ Tú Nam)

a. Tìm từ ngữ hoặc câu văn:

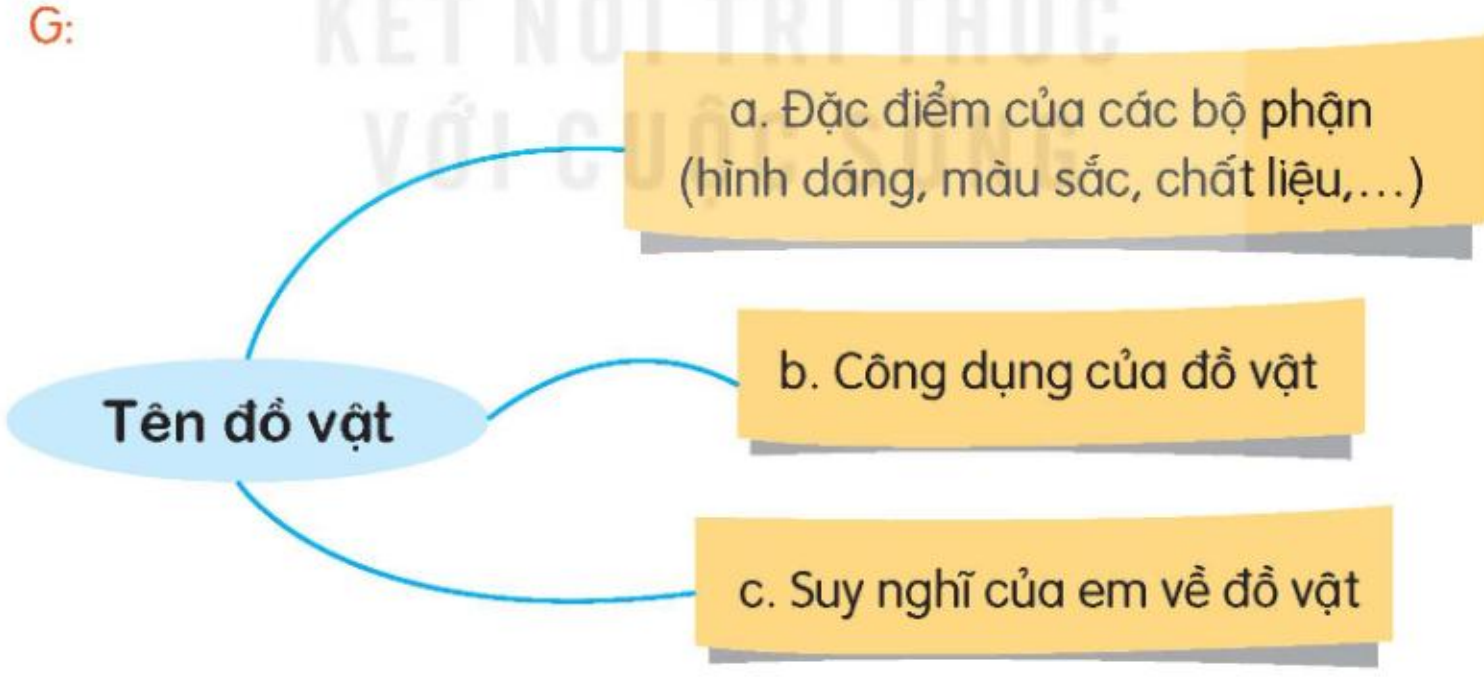
– Tả các bộ phận của đồng hồ (vỏ đồng hồ, kim đồng hồ,...).

– Tả âm thanh của đồng hồ (tiếng kim của đồng hồ, tiếng chuông của đồng hồ,...).

b. Câu văn nào có hình ảnh so sánh?

2. Viết đoạn văn tả một đồ vật em yêu thích.

G:



3. Chia sẻ đoạn văn của em trong nhóm, bình chọn các đoạn văn hay.

Đọc đoạn văn tả đồ vật của em cho người thân nghe và xin ý kiến nhận xét, góp ý.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CỘNG ĐỒNG GẮN BÓ

Tuần 14

Bài 25

NHỮNG BẬC ĐÁ CHẠM MÂY

ĐỌC



Kể về một người mà em cảm phục.



NHỮNG BẬC ĐÁ CHẠM MÂY

Ngày xưa, dưới chân núi Hồng Lĩnh có một xóm nhỏ, người dân sống bằng nghề đánh cá. Cuộc sống đang yên lành, bỗng một trận bão khủng khiếp cuốn đi tất cả thuyền bè. Dân xóm chài hết đường sinh sống, đành lên núi kiếm củi đem ra chợ bán. Nhưng sườn núi phía họ ở dựng đứng, bà con phải đi đường vòng rất xa.

Bấy giờ trong xóm có một ông lão nghèo. Người ta gọi ông là cố Đương vì hễ gặp việc gì khó, ông đều đảm đương gánh vác. Thấy lên núi phải đi đường vòng, ông bàn với mọi người ghép đá thành bậc thang vượt dốc để có được con đường ngắn như mong muốn. Ai nấy đều lắc đầu bảo việc ấy khó lắm, không làm được.



Nhưng cố Đương vẫn tìm cách làm đường. Công việc nặng nhọc không khiến ông sờn lòng. Thấy ông đói, những con vượn ở gần đó mang hoa quả đến cho ông. Chim chóc thay nhau ca hát để ông quên mệt. Về sau, nhiều người trong xóm tình nguyện đến làm cùng.

Sau năm lần sim ra quả, con đường lên núi đã hoàn thành. Nhờ đó, mọi người có thể lên xuống núi dễ dàng. Cả xóm biết ơn cố Đương, tặng thêm cho ông một tên mới là cố Ghép. Ngày nay, con đường vượt núi gọi là Truông Ghép vẫn còn ở phía nam dãy núi Hồng Lĩnh.

(*Theo* Nguyễn Đổng Chi)

Từ ngữ

- *Cố*: tiếng địa phương, dùng để gọi người già với ý kính trọng.
- *Truông*: đường đi qua rừng núi, vùng đất hoang, nhiều cây cỏ.

1. Vì sao ngày xưa người dân dưới chân núi Hồng Lĩnh phải bỏ nghề đánh cá, lên núi kiếm củi?

   a. Vì lên núi kiếm củi đỡ vất vả hơn đánh cá.

   b. Vì vùng biển gần đó thường xuyên có bão lớn.

   c. Vì tất cả thuyền bè của họ bị bão cuốn mất.

2. Vì sao cố Đương có ý định ghép đá thành bậc thang lên núi?

3. Công việc làm đường của cố Đương diễn ra như thế nào?

4. Hình ảnh "những bậc đá chạm mây" nói lên điều gì về việc làm của cố Đương?

5. Đóng vai một người dân trong xóm, giới thiệu về cố Đương.

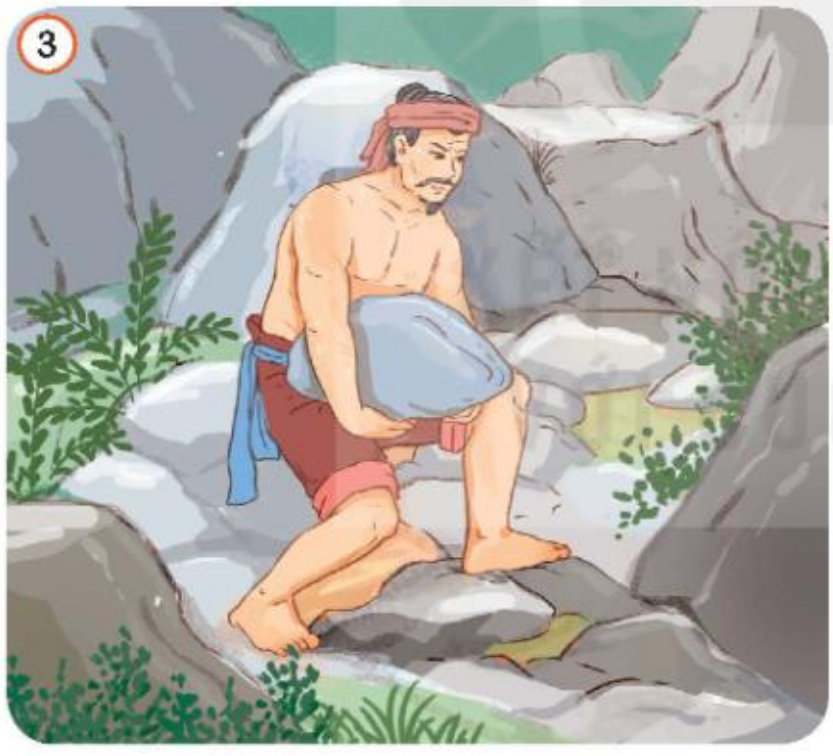
NÓI VÀ NGHE

Những bậc đá chạm mây

1. Quan sát tranh minh hoạ, nói về sự việc trong từng tranh.









2. Kể lại từng đoạn câu chuyện theo tranh.

VIẾT

1. Nghe – viết: *Những bậc đá chạm mây* (từ *Sau năm lần sim ra quả* đến hết).

2. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *ch* hoặc *tr* thay cho ô vuông.

Buổi sáng ó o	Buổi ■ưa ■ên cao	Buổi ■iều hiền hoà
Gà ■ống gọi đấy	Mặt ■ời tung nắng	Dung dăng dung dẻ
Mặt ■ời mau dậy	Đùa cùng mây ■ắng	Mặt ■ời thỏ thẻ
Đỏ xinh câu ■ào.	Ú oà ú oà.	■ẳng về nhà đâu.

(*Theo* My Linh)

b. Quan sát tranh, tìm từ ngữ có tiếng chứa *ăn* hoặc *ăng*.

M: rặng tre



3. Tìm thêm các từ ngữ có tiếng bắt đầu bằng *ch, tr* (hoặc chứa *ăn, ăng*).

Kể lại một vài chi tiết em yêu thích trong câu chuyện *Những bậc đá chạm mây* cho người thân nghe.

Bài 26

ĐI TÌM MẶT TRỜI

ĐỌC



Hãy tưởng tượng: Nếu không có mặt trời, điều gì sẽ xảy ra?



ĐI TÌM MẶT TRỜI

Ngày xưa, muôn loài sống trong rừng già tối tăm, ẩm ướt. Gõ kiến được giao nhiệm vụ đến các nhà hỏi xem ai có thể đi tìm mặt trời.

Gõ kiến gõ cửa nhà công, công mải múa. Gõ cửa nhà liếu điếu, liếu điếu bận cãi nhau. Gõ cửa nhà chích choè, chích choè mải hót,... Chỉ có gà trống nhận lời đi tìm mặt trời.

Gà trống bay từ bụi mây lên rừng nứa. Từ rừng nứa lên rừng lim. Từ rừng lim lên rừng chò. Gà trống bay đến cây chò cao nhất, nhìn lên thấy mây bồng bềnh và sao nhấp nháy. Nó đậu ở đấy chờ mặt trời.

Gió lạnh rít ù ù. Mấy lần gà trống suýt ngã. Nó quắp những ngón chân thật chặt vào thân cây. Chờ mãi, đợi mãi... Nghĩ thương các bạn sống trong tối tăm, ẩm ướt, gà trống đấm ngực kêu to:

– Trời đất ơi... ơi...!

Kì lạ thay, gà trống vừa dứt tiếng kêu đầu thì sương tan. Dứt tiếng kêu thứ hai, sao lặn. Dứt tiếng kêu thứ ba, đằng đông ửng sáng, mặt trời hiện ra. Mặt trời vươn những cánh tay ánh sáng đính lên đầu gà trống một cụm lửa hồng.

Gà trống vui sướng bay về. Bay tới đâu, ánh sáng theo đến đấy. Đất rừng sáng tươi như tranh vẽ.

Từ đó, khi gà trống cất tiếng gáy là mặt trời hiện ra, chiếu ánh sáng cho mọi người, mọi vật.

(*Theo* Vũ Tú Nam)

Từ ngữ

– *Liếu điếu*: loài chim nhỏ, lông màu xám, tiếng hót nghe như tên gọi của nó.

– *Chò*: cây rừng to, thân tròn và thẳng, tán lá gọn.

1. Vì sao gõ kiến phải đi các nhà hỏi xem ai có thể đi tìm mặt trời?
2. Gõ kiến đã gặp những ai để nhờ đi tìm mặt trời? Kết quả ra sao?
3. Kể lại hành trình đi tìm mặt trời đầy gian nan của gà trống.
4. Theo em, vì sao gà trống được mặt trời tặng một cụm lửa hồng?
5. Câu chuyện muốn nói điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.

   a. Giải thích lí do gà trống có chiếc mào đỏ trên đầu.

   b. Mặt trời thức dậy chiếu sáng là nhờ tiếng gáy của gà trống.

   c. Ca ngợi những việc làm cao đẹp vì cộng đồng.

VIẾT

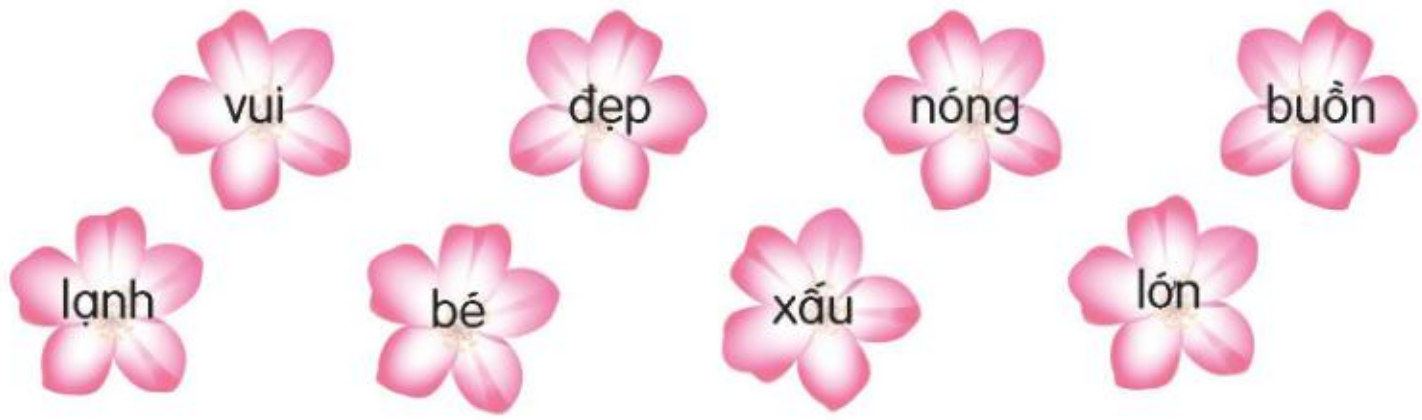
Ôn chữ viết hoa: L

1. Viết tên riêng: Lam Sơn
2. Viết câu: Cao nhất là núi Lam Sơn
   Có ông Lê Lợi chặn đường giặc Minh.

(*Ca dao*)

LUYỆN TẬP

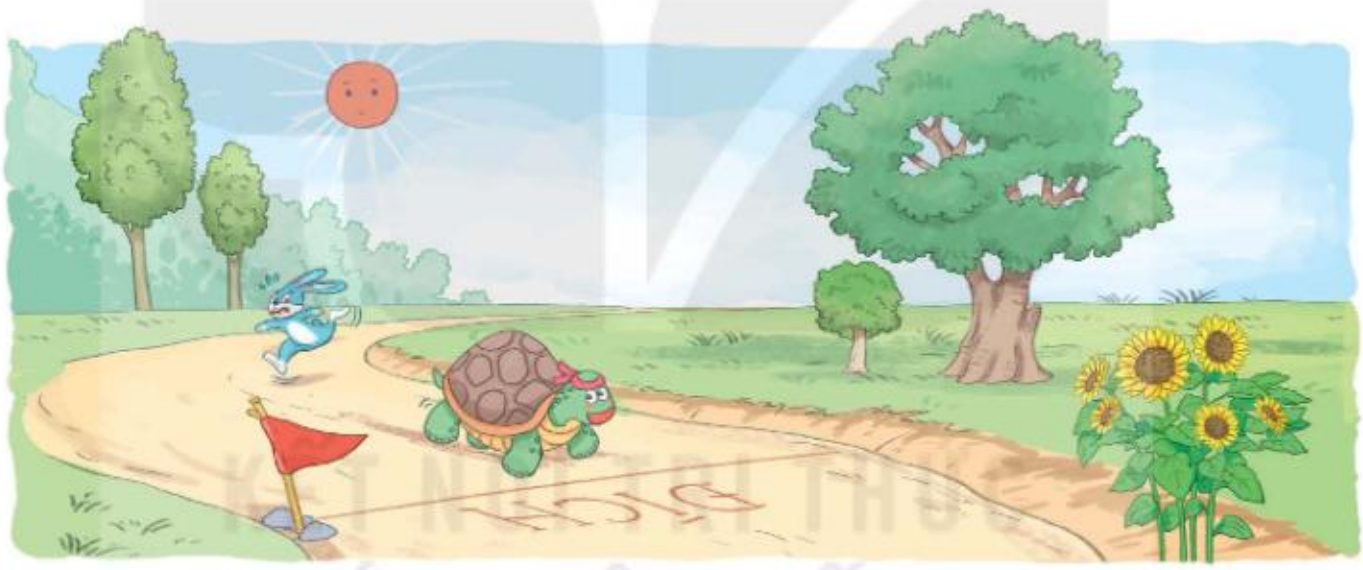
1. Tìm trong những từ dưới đây các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau.



M: vui – buồn

2. Tìm thêm 3 – 5 cặp từ chỉ đặc điểm có nghĩa trái ngược nhau.

M: nhanh – chậm



3. Đọc lại câu chuyện *Đi tìm mặt trời*, đặt câu khiến trong mỗi tình huống sau:

a. Đóng vai gõ kiến đến nhờ công, liếu điếu hoặc chích choè đi tìm mặt trời.

b. Đóng vai gà trống, nói lời đề nghị mặt trời chiếu ánh sáng cho khu rừng tối tăm, ẩm ướt.

1. Kể tên một số câu chuyện em yêu thích.

2. Hỏi – đáp về nhân vật em thích hoặc không thích trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

G:

– Em muốn nói về nhân vật nào, trong câu chuyện nào?

– Em thích hoặc không thích nhân vật đó ở điểm nào? (ngoại hình, tính nết, hành động, suy nghĩ, tình cảm, lời nói,...)
– Nêu rõ lí do vì sao em thích hoặc không thích điều đó ở nhân vật.



3. Viết 2 – 3 câu nêu lí do em thích hoặc không thích nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về một nghề nghiệp hoặc công việc nào đó.

Ví dụ:

Bài hát trồng cây

Ai trồng cây
Người đó có tiếng hát
Trên vòm cây
Chim hót lời mê say

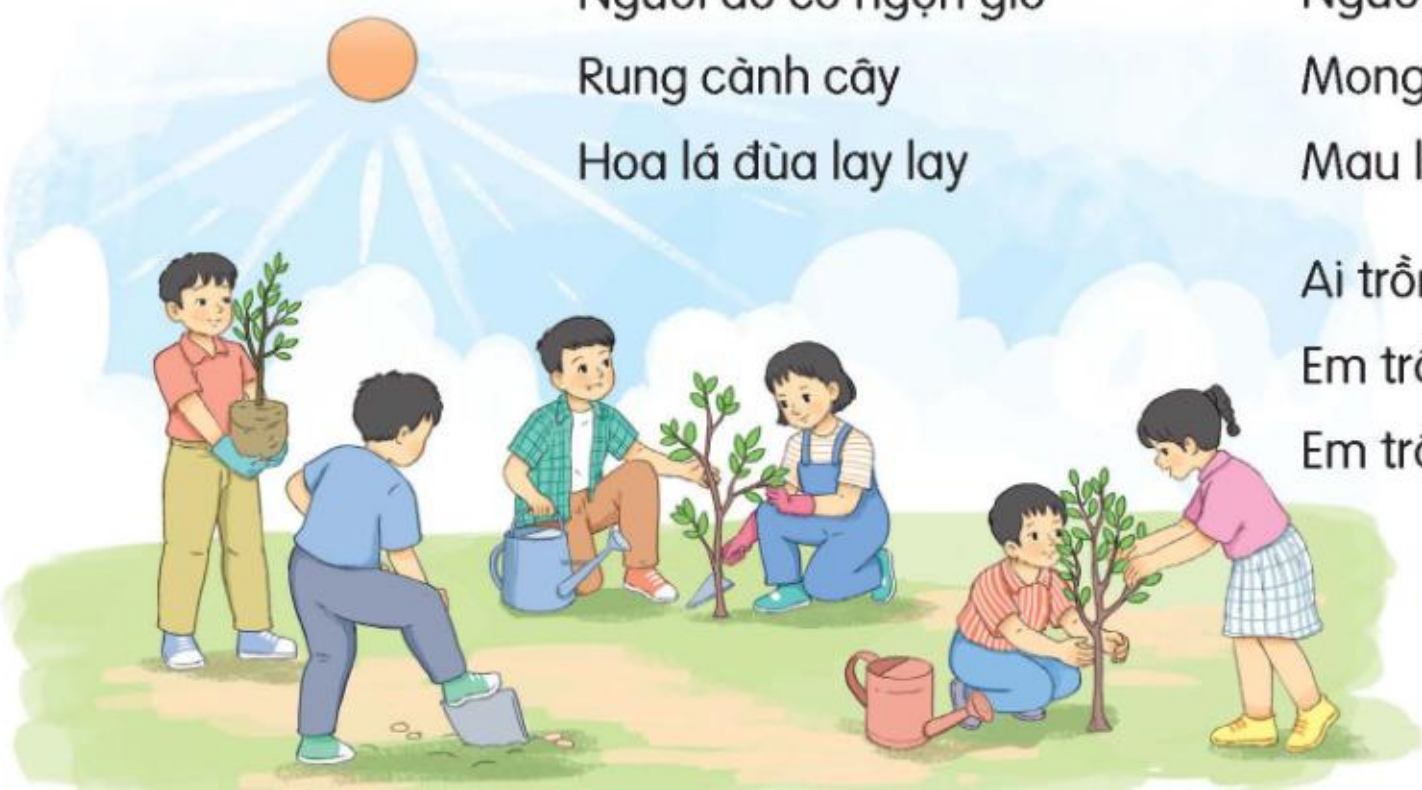
Ai trồng cây
Người đó có bóng mát
Trong vòm cây
Quên nắng xa đường dài

Ai trồng cây
Người đó có ngọn gió
Rung cành cây
Hoa lá đùa lay lay

Ai trồng cây
Người đó có hạnh phúc
Mong chờ cây
Mau lớn theo từng ngày

Ai trồng cây...
Em trồng cây...
Em trồng cây...

(Bế Kiến Quốc)



Tuần 15

Bài 27

NHỮNG CHIẾC ÁO ẤM

ĐỌC

Quan sát tranh minh hoạ, nói tên các con vật và đoán xem chúng đang làm gì.



NHỮNG CHIẾC ÁO ẤM

Mùa đông, thỏ quấn tấm vải lên người cho đỡ rét thì gió thổi tấm vải bay xuống ao. Nhím giúp thỏ khều tấm vải vào bờ và nói:

– Phải may thành áo mới được.

Nhím xù lông, rút một chiếc kim định khâu áo cho thỏ, nhưng không có chỉ. Hai bạn đi tìm chị tằm, xin một ít tơ làm chỉ. Chị tằm đồng ý ngay. Có chỉ, có kim, nhưng phải tìm người cắt vải. Thấy bọ ngựa vung kiếm cắt cỏ, nhím nói:

– Anh giúp chúng tôi cắt vải may áo. Mọi người cần áo ấm.

Bọ ngựa đồng ý, vung kiếm cắt vải, nhím ngăn:

– Phải cắt đúng theo kích thước.

Tất cả lại đi tìm người biết kẻ đường vạch trên vải. Lúc qua vườn chuối, Nhím trông thấy ốc sên bò trên lá, cứ mỗi quãng, ốc sên lại để lại phía sau một đường vạch. Nhím nói:

– Chúng tôi cần anh kẻ đường vạch để may áo ấm cho mọi người.

Ốc sên nhận lời, bò lên tấm vải, vạch những đường rất rõ. Bây giờ chỉ còn thiếu người luồn kim giỏi. Tất cả lại đi tìm chim ổ dộc có biệt tài khâu vá.



Xưởng may áo ấm được dựng lên. Thỏ trải vải. Ốc sên kẻ đường vạch. Bọ ngựa cắt vải theo vạch. Tằm xe chỉ. Nhím chắp vải, dùi lỗ. Đôi chim ổ dộc luồn kim, may áo…

Mùa đông năm ấy, trong rừng ai cũng có áo ấm để mặc.

(*Theo* Võ Quảng)

Từ ngữ

- *Chim ổ dộc* (còn gọi là chim *dồng dộc, dòng dọc,…*): loài chim trông giống chim sẻ, làm tổ rất chắc và đẹp.
- *Xe* (chỉ): làm cho các sợi nhỏ xoắn chặt với nhau thành sợi lớn.

1. Mùa đông đến, thỏ chống rét bằng cách nào?
2. Vì sao nhím nảy ra sáng kiến may áo ấm?
3. Mỗi nhân vật trong câu chuyện đã đóng góp gì vào việc làm ra những chiếc áo ấm?

   M: Nhím rút chiếc lông nhọn trên lưng để làm kim may áo.
4. Em thích nhân vật nào trong câu chuyện? Vì sao?
5. Em học được điều gì qua câu chuyện trên?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NÓI VÀ NGHE

Thêm sức thêm tài

1. Em thích học cá nhân, học theo cặp hay học nhóm? Vì sao?



Em nhớ:
- *Đóng góp ý kiến đúng với yêu cầu.*
- *Mạnh dạn đặt câu hỏi với bạn để hiểu đúng ý của bạn.*

2. Kể về một hoạt động tập thể mà em đã tham gia.

G: – Hoạt động tập thể em tham gia là gì?
– Em cùng làm việc với những ai? Công việc em được giao là gì?
– Kết quả của hoạt động tập thể đó ra sao?
– Em có cảm nghĩ gì sau khi tham gia hoạt động đó?



VIẾT

1. Nghe – viết:

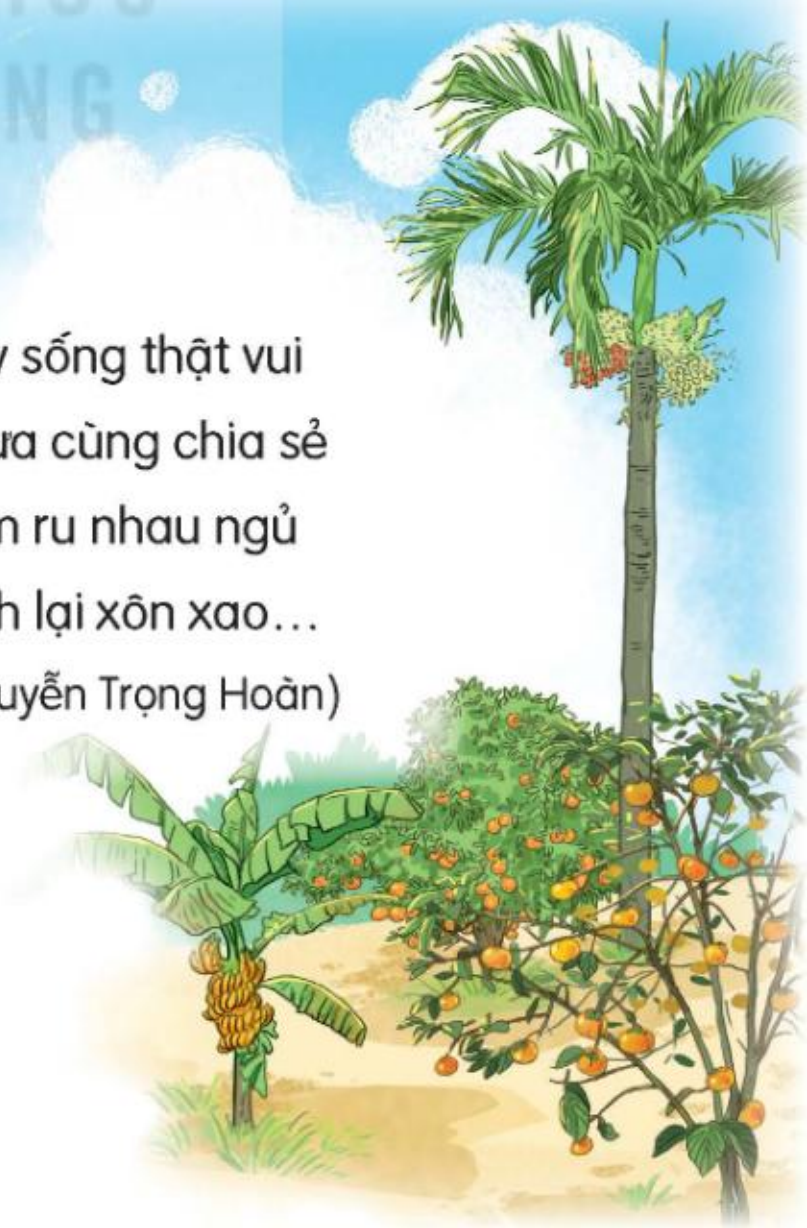
Trong vườn

Bác xà cừ vươn cao
Cam la đà mặt đất
Chuối, hồng, cau,... họp mặt
Cùng chung sống chan hoà.

Gió đi qua gật gù
Chim tới khen rối rít
Mây qua che vòm mát
Đất màu dành tốt tươi.

Vườn cây sống thật vui
Nắng mưa cùng chia sẻ
Đêm đêm ru nhau ngủ
Bình minh lại xôn xao...

(Nguyễn Trọng Hoàn)



KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *lặng* hoặc *nặng* thay cho ô vuông.

① Trường của em be bé
Nằm ■ giữa rừng cây.
(*Theo* Minh Chính)

② Công cha cũng ■,
nghĩa thầy cũng sâu.

③ Cuội nằm ■ lẽ
Mơ về trần gian.
(*Theo* Nguyễn Thái Dương)

④ ■ rồi cả tiếng con ve
Con ve cũng mệt vì hè nắng oi.
(*Theo* Trần Quốc Minh)

b. Chọn từ trong bông hoa thay cho ô vuông.



– Hoa sen ■ đẹp trong đầm
Mùi hương tinh khiết âm thầm toả bay.

– Kim vàng ai ■ uốn câu
Người khôn ai ■ nói nhau nặng lời.



– Đất màu trồng ■, trồng ngô
Đất lầy cấy lúa, đất khô làm vườn.

– Mồ hôi mà ■ xuống đồng
Lúa mọc trùng trùng sáng cả đồi nương.



Kể với người thân về một hoạt động tập thể của lớp mà em thấy vui.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 28

CON ĐƯỜNG CỦA BÉ

ĐỌC



Cùng nhau giải đố:

Ai mặc áo màu trắng
Có chữ thập xinh xinh
Tiêm thuốc cho chúng mình
Đuổi thật xa bệnh tật?
(*Theo* Lê Thu Hương)

Ai thường hay đến lớp
Chăm chỉ soạn, chấm bài
Say sưa những ngày dài
Bên mỗi trang giáo án?
(Kim Ngân)



CON ĐƯỜNG CỦA BÉ

Đường của chú phi công
Lẫn trong mây cao tít
Khắp những vùng trời xanh
Những vì sao chi chít.



Đường của chú hải quân
Mênh mông trên biển cả
Tới những vùng đảo xa
Và những bờ bến lạ.



Con đường làm bằng sắt
Là của bác lái tàu
Chạy dài theo đất nước
Đi song hành bên nhau.



Còn con đường của bố
Đi trên giàn giáo cao
Những khung sắt nối nhau
Dựng nên bao nhà mới.



Và con đường của mẹ
Là ở trên cánh đồng
Cỏ ruộng dâu xanh tốt
Thảm lúa vàng ngát hương.



Bà bảo đường của bé
Chỉ đi đến trường thôi
Bé tìm mỗi sớm mai
Con đường trên trang sách.

(Thanh Thảo)



Từ ngữ

- *Giàn giáo*: giàn (bằng sắt hoặc bằng gỗ) cho thợ xây dựng thi công các công trình.
- *Song hành*: đi song song với nhau.

1. Ba khổ thơ đầu nhắc đến những ai? Công việc của họ là gì?
2. Bạn nhỏ kể những gì về công việc của bố mẹ mình?
3. Qua hình ảnh những con đường, tác giả muốn nói về điều gì?
   a. Nói về nghề nghiệp
   b. Nói về cảnh đẹp thiên nhiên
   c. Nói về các loại phương tiện giao thông
4. Em hiểu "con đường trên trang sách" có nghĩa là gì?
   a. Con đường được vẽ trong sách
   b. Con đường khám phá kiến thức
   c. Con đường ta đi lại hằng ngày
5. Nói 2 – 3 câu về một con đường được tả trong bài thơ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về một nghề nghiệp hoặc công việc nào đó và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc: (...) – Tên bài: (...) – Tác giả: (...)	
Nghề nghiệp hoặc công việc được nói đến: (...)	Cảm nghĩ của em về nghề nghiệp hoặc công việc đó: (...)
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Trao đổi thêm với bạn về lợi ích mà nghề nghiệp hoặc công việc đó mang lại cho cuộc sống.

LUYỆN TẬP

1. Tìm các từ ngữ phù hợp với các cột trong bảng.

NGHỀ NGHIỆP		
Tên nghề nghiệp	Người làm nghề	Công việc
Nghề y	Điều dưỡng	Chăm sóc bệnh nhân
		Chữa bệnh
Nghề dược		
Nghề nông		

2. Tìm từ được dùng để hỏi trong mỗi câu dưới đây:

M: Câu a: Từ để hỏi là từ "gì".

b. Vì sao cậu thích nghề bác sĩ?

c. Mẹ cậu là y tá à?

a. Bố cậu làm nghề gì?



d. Cậu thường thức dậy lúc mấy giờ?

3. Chuyển những câu kể dưới đây thành câu hỏi.

a. Nam đi học.

b. Cô giáo vào lớp.

c. Cậu ấy thích nghề xây dựng.

d. Trời mưa.

M:

Nam đi học.



(1) Nam đi học chưa?

(2) Nam đi học à?

(3) Nam có đi học không?

(4) Bao giờ Nam đi học?

1. Trao đổi với bạn suy nghĩ của mình về các nhân vật trong câu chuyện đã đọc.

G: Đọc những gợi ý dưới đây để nhớ lại các chi tiết về những nhân vật đã đọc.

Huy-gô
(*Lời giải toán đặc biệt*)

- Giải toán bằng thơ
- Làm thầy lo lắng vì gần hết giờ kiểm tra mà vẫn chưa viết bài

Pu-skin (*Mặt trời mọc ở đằng… tây!*)	– Giỏi làm thơ – Có thể sáng tác thơ theo yêu cầu rất khó – Đã sáng tác tiếp ba câu thơ về mặt trời
Cô-li-a (*Bài tập làm văn*)	– Cảm thấy khó khăn khi viết văn – Vui vẻ nhận lời giặt áo sơ mi và quần áo lót vì đó là việc mà bạn ấy đã nói trong bài tập làm văn
Na (*Tia nắng bé nhỏ*)	– Nhận ra phòng của bà không có nắng – Mang nắng đến cho bà

2. Viết đoạn văn ngắn nêu lí do em thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc.





3. Trao đổi bài làm của em với bạn, chỉnh sửa và bổ sung ý hay.

Đọc lại những câu chuyện mà em yêu thích.

Tuần 16

Bài 29

NGÔI NHÀ TRONG CỎ

ĐỌC

Quan sát tranh minh hoạ, đoán xem các con vật đang làm gì.



NGÔI NHÀ TRONG CỎ

Sáng sớm, cào cào và nhái bén đang tập nhảy xa thì chợt một tràng "re re re" vang lên. Hai bạn nghểnh đầu nghe:

– Hay quá, ai hát đó?

Chuồn chuồn vừa bay đến, đậu trên nhánh cỏ may, đôi cánh mỏng rung nhè nhẹ khi điệu nhạc vút cao:

– Có phải cào cào hát không? Hay nhái bén?

Cào cào lắc đầu, nhái bén cũng xua tay:

– Tớ à? Tớ hát thì ai nghe?

Thế là cào cào, nhái bén, chuồn chuồn rủ nhau đi tìm tiếng hát.

Dưới lớp cỏ xanh rì, mặt đất đen ẩm ướt, dế than đang xây nhà. Chốc chốc cậu dừng lại, cất tiếng hát say sưa. Khi dứt bài hát, dế than giật mình nghe thấy một tràng pháo tay lộp bộp. Cào cào từ trên nhánh cỏ nhảy xuống:

– Tớ là cào cào. Tiếng hát của bạn hay quá!

Chuồn chuồn khẽ đập đôi cánh:

– Tớ là chuồn chuồn. Bạn thật là một tài năng âm nhạc.

Dế than ngượng ngùng:

– Ôi, tớ chỉ là thợ đào đất thôi. Tớ là dế than.

Nhái bén mừng rỡ:

– A, từ nay tớ có thêm một láng giềng hát hay, làm giỏi là dế than. Để chúng tớ giúp bạn dựng nhà.

Cào cào, nhái bén, chuồn chuồn cùng xúm vào giúp dế than. Chỉ chốc lát, ngôi nhà xinh xắn bằng đất đã được xây xong dưới ô nấm giữa vùng cỏ xanh tươi.

(*Theo* Lý Lan)

Từ ngữ

- *Tràng*: chuỗi âm thanh phát ra liên tục.
- *Nghểnh đầu*: vươn cao đầu lên.
- *Láng giềng* (như *hàng xóm*): người ở nhà bên cạnh.

1. Vào sáng sớm, chuyện gì xảy ra khiến cào cào, nhái bén, chuồn chuồn chú ý?

2. Các bạn đã phát hiện ra điều gì?

3. Chi tiết nào cho thấy cuộc gặp gỡ của các bạn với dế than rất thân mật?

4. Các bạn đã giúp dế than việc gì?

5. Em nghĩ gì về việc các bạn giúp đỡ dế than?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NÓI VÀ NGHE

1. Dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý, đoán nội dung câu chuyện *Hàng xóm của tắc kè*.

Hàng xóm của tắc kè

(*Theo* Trần Đức Tiến)



Ở xóm Bờ Giậu có những ai?



Thằn lằn đã nghe thấy gì?



Cụ cóc đã giải thích những gì về tắc kè?



Hàng xóm của tắc kè quyết định làm gì sau khi hiểu về tắc kè?

2. Nghe và kể lại câu chuyện.

3. Em học được điều gì sau khi nghe câu chuyện?

VIẾT

1. Nghe – viết:

Gió

Gió có nhiều bạn
Có bạn trúc xanh
Tốt bụng hiền lành
Tặng gió chiếc sáo
Ve đi hát dạo
Tặng chiếc phong cầm
Các bạn lá mầm
Tặng nhiều bài hát
Và nhiều bạn khác
Tặng nhiều loại đàn
Họ rất sẵn sàng
Dạy cho gió học
Vượt qua khó nhọc
Gió học thành công
Thổi vào cây thông
Thông reo vi vút.

(Võ Quảng)

2. Làm bài tập a hoặc b.

a. Chọn *s* hoặc *x* thay cho ô vuông.

Mưa rơi tí tách
Hạt trước hạt ■au
Không ■ô đẩy nhau
■ếp hàng lần lượt
Mưa vẽ trên ■ân
Mưa dàn trên lá
Mưa rơi trắng ■oá
Bong bóng phập phồng.

(*Theo* Nguyễn Diệu)

b. Chọn tiếng chứa *ao* hoặc *au* thay cho ô vuông.

Cây dừa xanh toả nhiều ■ (*tào/tàu*)
Dang tay đón gió, gật đầu gọi trăng
Thân dừa bạc phếch tháng năm
Quả dừa – đàn lợn con nằm trên ■ (*cao/cau*)
Đêm hè hoa nở cùng ■ (*sao/sau*)
■ dừa – chiếc lược chải ■ mây xanh. (*tào/tàu*) (*vào/vàu*)

(*Theo* Trần Đăng Khoa)

3. Tìm từ ngữ được tạo bởi mỗi tiếng dưới đây:

sao / xao	sào / xào

Kể lại cho người thân nghe câu chuyện *Hàng xóm của tắc kè* và nêu cảm nghĩ của em về câu chuyện.

Bài 30

NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG

ĐỌC



Nói về những người làm công việc canh giữ biển đảo của Tổ quốc.



NHỮNG NGỌN HẢI ĐĂNG

Hải đăng hay đèn biển, là ngọn tháp được thiết kế để chiếu sáng bằng hệ thống đèn, giúp tàu thuyền định hướng đi lại giữa đại dương. Chỉ cần nhìn thấy ánh sáng hải đăng, người đi biển sẽ cảm thấy yên tâm, không lo lạc đường.

Những ngọn hải đăng được thắp sáng bằng điện năng lượng mặt trời, nhưng khi năng lượng yếu thì phải lập tức thay thế bằng máy phát điện. Để những ngọn đèn chiếu sáng đêm đêm, những người canh giữ hải đăng phải thay phiên nhau kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên. Có những đêm mưa gió, họ phải buộc dây bảo hiểm quanh người, trèo lên đỉnh cột đèn xem xét. Bất kể ngày đêm, mưa nắng, trời yên biển lặng hay dông tố bão bùng, họ luôn sẵn sàng khắc phục mọi sự cố.

Ngọn đèn biển không bao giờ tắt trong đêm là nhờ công sức của những người canh giữ hải đăng. Với lòng yêu nghề, yêu biển đảo quê hương,

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

họ đã vượt qua bao khó khăn, gian khổ nơi biển khơi xa vắng, góp sức mình bảo vệ vùng biển, vùng trời của Tổ quốc.

(Sơn Tùng)

Từ ngữ

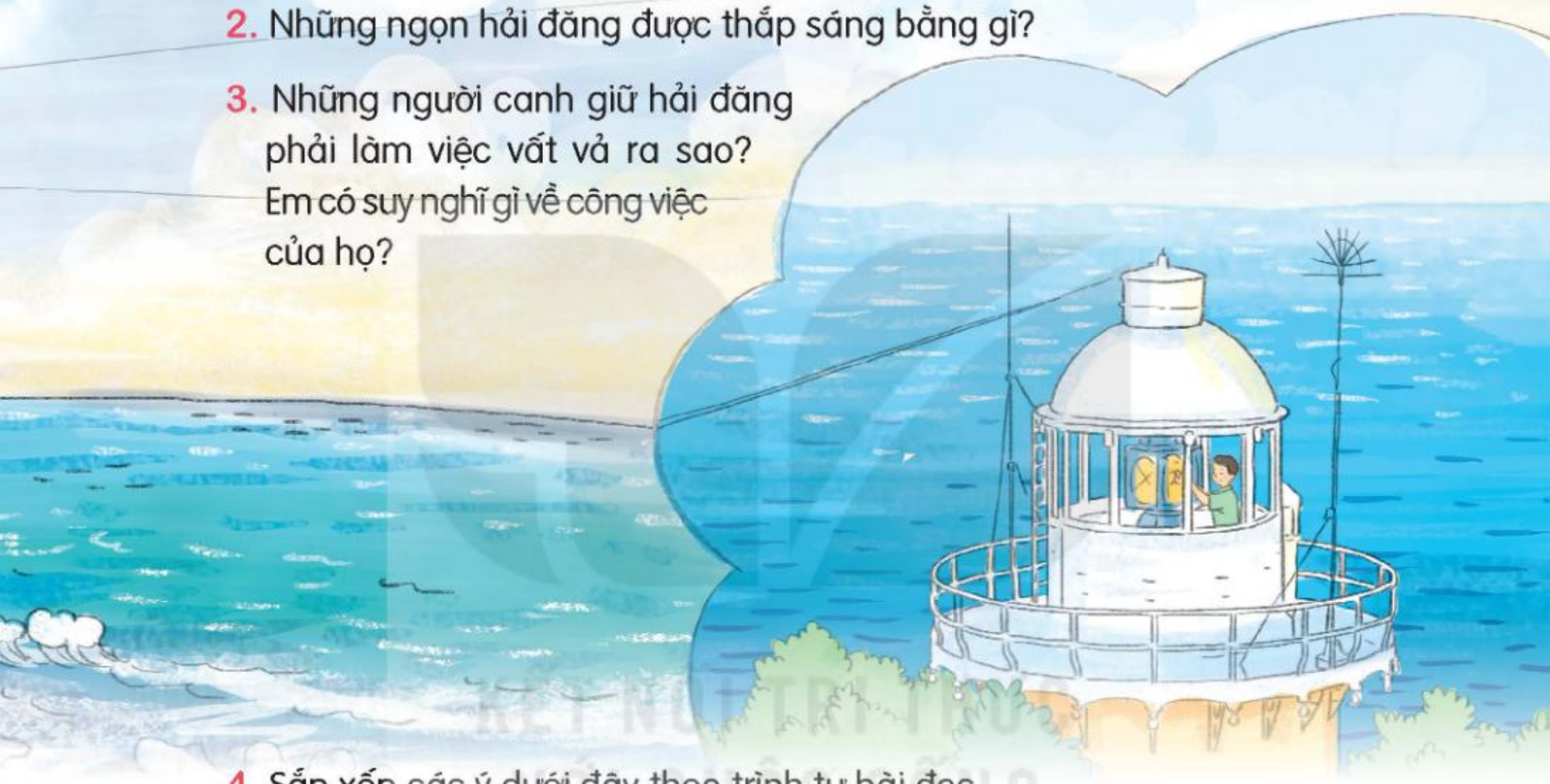
– *Định hướng*: xác định phương hướng.

– *Điện năng lượng mặt trời*: là nguồn điện được tạo ra từ ánh sáng mặt trời.

1. Nêu ích lợi của những ngọn hải đăng.

2. Những ngọn hải đăng được thắp sáng bằng gì?

3. Những người canh giữ hải đăng phải làm việc vất vả ra sao? Em có suy nghĩ gì về công việc của họ?



4. Sắp xếp các ý dưới đây theo trình tự bài đọc.

Ca ngợi những người canh giữ hải đăng

Vai trò của những ngọn hải đăng

Công việc của những người canh giữ hải đăng

VIẾT

Ôn chữ viết hoa: M, N

1. Viết tên riêng: Mũi Né

2. Viết câu: Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh
Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm.

(*Ca dao*)

LUYỆN TẬP

1. Xếp các từ ngữ in đậm trong đoạn thơ dưới đây vào nhóm thích hợp.

Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ hoạt động
Sáng ra **biển** hoá trẻ con	**Đèn biển** đêm qua nhấp nháy
Sóng lắc ông trời **thức dậy**	Bây giờ **đứng** quấn khăn **sương**
Dã tràng **cõng** nắng lon xon	**Đoàn tàu** thung thăng qua đấy
Mắt thụt mắt thò hấp háy.	Thả một chuỗi còi thân thương.

(Hoài Khánh)

2. Tìm thêm những từ ngữ chỉ sự vật có trong đoạn thơ trên.

3. Hỏi – đáp về sự vật, hoạt động được nói đến trong đoạn thơ ở bài tập 1.

M:

– Cái gì lắc ông trời thức dậy?
– Sóng lắc ông trời thức dậy.

– Dã tràng làm gì?
– Dã tràng cõng nắng.

1. Đọc bức thư dưới đây và trả lời câu hỏi.

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2018

Chú Thành yêu quý!

Đã lâu chú không về thăm nhà. Sắp đến Tết rồi, ông bà nội, bố mẹ cháu và cả cháu đều rất nhớ chú. Dạo này chú có khoẻ không ạ? Ở Trường Sa mùa này có mưa bão nhiều không chú?

Bố mẹ cháu bảo cuộc sống ngoài đảo rất thiếu thốn, khó khăn, nhưng các chú vẫn sẵn sàng bảo vệ biển trời Tổ quốc. Cháu rất tự hào về chú!

Chú Thành ơi, cả nhà mình đều khoẻ. Bố mẹ cháu vẫn đi làm từ sáng sớm đến chiều tối mới về. Buổi sáng, ông đưa cháu đi học, còn bà thì đi chợ. Ngày nào ông bà cũng nhắc đến chú đấy.

Ước gì cháu được ra đảo thăm chú. Cháu chúc chú và tất cả các chú bộ đội ở đảo Trường Sa luôn mạnh khoẻ.

Cháu của chú

Nguyễn Phương Nga

a. Bạn Nga viết thư cho ai?

b. Dòng đầu bức thư ghi những gì?

c. Đoạn nào trong thư là lời hỏi thăm?

d. Đoạn nào trong thư là lời Nga kể về mình và gia đình?

e. Nga mong ước điều gì? Nga chúc chú thế nào?

2. Trao đổi với bạn: Em muốn viết thư cho ai? Trong thư, em sẽ viết những gì?

3. Dựa vào những điều đã trao đổi với bạn, em hãy viết 3 – 4 câu hỏi thăm tình hình của người nhận thư.



Tìm đọc câu chuyện, bài văn, bài thơ,... về một nhân vật được mọi người quý mến, cảm phục.

Ví dụ:

Bác lái xe bệnh viện

(Trích)

Chiếc xe cấp cứu chở mẹ của Từ đi bệnh viện. Bác lái xe ngồi trước tay lái, nét mặt bình tĩnh. Bác nhìn qua người bệnh rồi cho xe chuyển bánh.

Chiếc xe lao đi khá nhanh mà rất êm. Thỉnh thoảng, xe chạy chậm lại vì vướng những xe phía trước, rồi xe lại lướt lên như mũi tên.

Bác lái xe rất vững tay lái. Hình như bốn bánh xe chưa hề cán lên một viên sỏi nhỏ hay một mẩu cây khô. Khi sắp sửa gặp ổ gà là bác lái tránh được ngay. Qua mỗi chỗ rẽ, tiếng còi xe lại nổi lên, như muốn nói: "Xe cấp cứu đây! Các bạn nhường đường giùm nhé!".

Xe đến bệnh viện. Các cô y tá đẩy băng ca đưa mẹ của Từ vào phòng cấp cứu. Bác lái xe xách theo đôi guốc, đưa cho cô y tá:

– Của bệnh nhân đấy chị ạ!

Rồi bác lên xe. Từ chưa kịp cảm ơn bác lái xe bệnh viện.

(*Theo* Trần Thanh Địch)

Từ ngữ

Ổ gà: chỗ lõm xuống trên mặt đường, gây khó khăn cho xe cộ đi lại.

Bài 31 NGƯỜI LÀM ĐỒ CHƠI

ĐỌC



Kể với các bạn về món đồ chơi em thích nhất.



NGƯỜI LÀM ĐỒ CHƠI



Bác Nhân, hàng xóm nhà tôi, là một người làm đồ chơi bằng bột màu. Ở ngoài phố, cái sào nứa cắm đồ chơi của bác dựng chỗ nào là chỗ ấy các bạn nhỏ xúm lại. Từ những ngón tay đen sạm và thô nháp của bác Nhân hiện ra những con rồng đang múa, những con vịt ngây thơ, chậm chạp, những con gà tinh nhanh, chăm chỉ,... Bác Nhân rất vui với công việc của mình.

Mấy năm gần đây, những đồ chơi của bác không được đắt hàng như trước. Ở cổng công viên, có thêm mấy hàng đồ chơi bằng nhựa.

Một hôm, bác Nhân bảo:

– Bác sắp về quê đây, về quê làm ruộng.

Tôi suýt khóc:

– Đừng, bác đừng về. Bác ở đây làm đồ chơi bán cho chúng cháu.

– Nhưng độ này chả mấy ai mua đồ chơi của bác nữa. Còn một ít bột và màu, bác sẽ nặn và bán nốt trong ngày mai.

Đêm ấy, tôi đập con lợn đất, được một ít tiền. Sáng hôm sau, tôi chia nhỏ món tiền, nhờ mấy bạn trong lớp mua giúp đồ chơi của bác.

Chiều ấy, tôi thấy bác rất vui. Bác kể: "Hôm nay, bác bán hết hàng. Thì ra, vẫn còn nhiều bạn nhỏ thích đồ chơi của bác. Về quê, bác cũng sẽ nặn đồ chơi để bán. Nghe nói trẻ ở nông thôn còn thích thứ này hơn trẻ thành phố.".

(Rút gọn từ truyện ngắn cùng tên của Xuân Quỳnh)

1. Bác Nhân làm nghề gì?

2. Chi tiết nào cho thấy trẻ con rất thích đồ chơi của bác Nhân?

3. Vì sao bác Nhân muốn chuyển về quê?

   a. Vì bác phải về quê làm ruộng.

   b. Vì trẻ con ít mua đồ chơi của bác.

   c. Vì bác không muốn làm đồ chơi nữa.

4. Bạn nhỏ đã bí mật làm điều gì trước buổi bán hàng cuối cùng của bác Nhân?

5. Theo em, bạn nhỏ là người thế nào?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NÓI VÀ NGHE

Dựa vào những gợi ý dưới đây, kể lại từng đoạn trong câu chuyện.

Người làm đồ chơi

1. *Giới thiệu nghề nghiệp của bác Nhân*
   - Bác Nhân làm nghề gì?
   - Bác có yêu công việc của mình không?

2. *Tâm sự của bác Nhân với bạn nhỏ*
   - Dạo này, hàng hoá của bác Nhân thế nào? Vì sao có tình trạng như vậy?
   - Bác Nhân muốn làm gì?

3. *Quyết định của bạn nhỏ*
   - Bạn nhỏ có cảm nghĩ gì khi nghe bác Nhân kể chuyện?
   - Bạn nhỏ đã làm gì cho bác Nhân vui?

4. *Buổi bán hàng cuối cùng của bác Nhân*
   - Buổi bán hàng đó của bác Nhân diễn ra như thế nào?
   - Tâm trạng của bác Nhân ra sao?

VIẾT

1. Nghe – viết: *Người làm đồ chơi* (từ đầu đến *tinh nhanh, chăm chỉ*).

2. Em muốn mượn sách ở thư viện của khu phố. Hãy viết thông tin vào phiếu mượn sách theo mẫu.

PHIẾU MƯỢN SÁCH

Họ tên người mượn sách: (...)

Địa chỉ: (...)

Tên sách: (...)

Tác giả: (...)



Làm một đồ chơi mà em thích (gấp, cắt, dán, nặn,...) và giới thiệu đồ chơi đó với người thân.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 32

CÂY BÚT THẦN

ĐỌC



Nếu được ban một phép lạ, em muốn mình có phép lạ gì?



CÂY BÚT THẦN



Ngày xưa, có một em bé rất thông minh, tên là Mã Lương. Mã Lương rất thích vẽ. Khi kiếm củi trên núi hay lúc cắt cỏ ven sông, em đều tập vẽ trên đất, trên đá. Em vẽ chim, tưởng như sắp được nghe chim hót; vẽ cá, tưởng được trông thấy cá bơi. Em ao ước có một cây bút vẽ.

Một đêm, Mã Lương mơ thấy một cụ già tóc bạc phơ đưa cho em cây bút sáng lấp lánh. Em reo lên: "Cây bút đẹp quá! Cháu cảm ơn ông!". Tỉnh dậy, Mã Lương thấy cây bút vẫn trong tay mình.

Mã Lương vẽ một con chim, chim tung cánh bay; vẽ một con cá, cá vẫy đuôi trườn xuống sông,... Mã Lương liền dùng bút thần vẽ cho người nghèo trong làng. Nhà nào không có cày, em vẽ cho cày. Nhà nào không có cuốc, em vẽ cho cuốc,...

Biết chuyện, một phú ông trong làng sai đầy tớ: "Mau bắt Mã Lương về cho ta!". Hắn bắt Mã Lương vẽ theo ý muốn của hắn. Mã Lương không chịu. Hắn nhốt em vào chuồng ngựa bỏ đói, bỏ rét. Nhưng Mã Lương vẽ bánh để ăn, vẽ lò sưởi để sưởi.

Phú ông sai đầy tớ xông vào cướp bút thần. Nhưng Mã Lương đã vượt ra ngoài bằng chiếc thang vẽ trên tường. Rồi Mã Lương vẽ một con ngựa, đi khắp đó đây giúp đỡ những người nghèo khổ.

(Theo *Truyện cổ tích Trung Quốc*)

Từ ngữ

– *Phú ông*: người đàn ông giàu có ở nông thôn thời xưa.

– *Đầy tớ*: người ở cho nhà giàu (thời xưa), phải làm tất cả các việc nhà.

1. Tìm những chi tiết cho thấy Mã Lương rất thích vẽ và vẽ rất giỏi.

2. Mã Lương được ai tặng cho cây bút thần? Cây bút đó có gì lạ?

3. Đóng vai người dân trong làng, nói về những điều Mã Lương đã làm cho họ từ khi có bút thần.

4. Theo em, vì sao Mã Lương không chịu làm theo ý muốn của phú ông? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến khác của em.

a. Vì phú ông đã nhốt Mã Lương vào chuồng ngựa.

b. Vì phú ông bắt Mã Lương chịu đói, chịu rét.

c. Vì phú ông đã giàu có lại còn tham lam.

5. Em đoán xem những sự việc gì sẽ xảy ra tiếp theo.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Tìm đọc bài về một nhân vật được mọi người quý mến, cảm phục và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
– Ngày đọc: (…) – Tên bài: (…)	– Tác giả: (…) – Nhân vật chính: (…)
Những việc tốt nhân vật đã làm: (…)	Điều em muốn học từ nhân vật: (…)
Cảm nghĩ của em về bài đọc: (…)	
Mức độ yêu thích: ☆ ☆ ☆ ☆ ☆	

2. Chia sẻ với bạn về điều em muốn học từ nhân vật.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LUYỆN TẬP

1. Tìm từ ngữ chỉ sự vật và từ ngữ chỉ đặc điểm của sự vật thường thấy ở thành thị hoặc nông thôn.

M:

	Từ ngữ chỉ sự vật	Từ ngữ chỉ đặc điểm
Ở thành thị	đường phố,...	tấp nập,...
Ở nông thôn	cánh đồng,...	rộng mênh mông,...





2. Tìm những âm thanh được so sánh với nhau trong các câu dưới đây. Điền thông tin vào bảng theo mẫu.

a. Tiếng đàn t'rưng khi trầm hùng như tiếng thác đổ, khi thánh thót, róc rách như suối reo.

(*Theo* Ay Dun và Lê Tấn)

b. Tiếng chim sáo về ríu ran như một cái chợ vừa mở, như lớp học vừa tan, như buổi đàn ca liên hoan sắp bắt đầu...

(*Theo* Băng Sơn)

M:

Âm thanh được so sánh	Đặc điểm so sánh	Từ so sánh	Âm thanh dùng để so sánh
Tiếng đàn t'rưng			
Tiếng chim sáo			

3. Đặt một câu tả âm thanh có sử dụng biện pháp so sánh.

1. Viết thư cho bạn (hoặc cho người thân) ở xa.

G:

Địa điểm, thời gian viết thư

- Lời thưa gửi/ lời chào
- Mục đích, lí do viết thư
- Hỏi thăm tình hình của người nhận thư
- Kể về mình hoặc những điều mình muốn chia sẻ, muốn hỏi ý kiến,...
- Lời chúc, lời chào tạm biệt

Chữ kí

Họ tên người viết thư

2. Tập viết phong bì thư.

M:

Người gửi: Nguyễn Hoàng Hà

Số nhà 25, phố Vương Thừa Vũ,
phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội

Người nhận: Bùi Ngọc Bích

Số nhà 68, phố Cao Thắng,
phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai

3. Chia sẻ bức thư của em trong nhóm và nghe góp ý của các bạn để chỉnh sửa.

Tự làm phong bì thư để gửi cho một người bạn. Viết các thông tin trên phong bì.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Tuần 18

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1

PHẦN 1 – ÔN TẬP

TIẾT 1 – 2

1. Nhìn tranh, nói tên bài đọc.





2. Đọc một trong những bài trên và nêu cảm nghĩ về nhân vật em thích.

3. Đọc các câu ca dao, tục ngữ dưới đây và tìm từ ngữ thuộc một trong hai nhóm:

a. Từ ngữ chỉ sự vật b. Từ ngữ chỉ đặc điểm

Chuồn chuồn bay thấp, mưa ngập bờ ao
Chuồn chuồn bay cao, mưa rào lại tạnh.

Lên non mới biết non cao
Xuống biển cầm sào cho biết cạn, sâu.

Dòng sông bên lở, bên bồi
Bên lở thì đục, bên bồi thì trong.

Trăng mờ còn tỏ hơn sao
Dẫu rằng núi lở còn cao hơn đồi.

4. Tìm các cặp từ có nghĩa trái ngược nhau trong mỗi câu ca dao, tục ngữ trên.

5. Chọn từ ngữ chỉ đặc điểm thay cho ô vuông.

im ắng **róc rách** **cao vút** **tự tin** **vàng rực**

a. Ngọn tháp ■.
b. Ánh nắng ■ trên sân trường.
c. Rừng ■, chỉ có tiếng suối ■.
d. Lên lớp 3, bạn nào cũng ■ hơn.

6. Đặt 1 – 2 câu về cảnh vật nơi em ở, có từ ngữ chỉ đặc điểm.

TIẾT 3 – 4

1. Đọc các khổ thơ dưới đây và nêu tên bài thơ chứa khổ thơ đó.

a
Nghỉ hè em thích nhất
Được theo mẹ về quê
Bà em cũng mừng ghê
Khi thấy em vào ngõ.

b
Một tờ giấy trắng
Cô gấp cong cong
Thoắt cái đã xong
Chiếc thuyền xinh quá!

c
Màu khăn tuổi thiếu niên
Suốt đời tươi thắm mãi
Như lời ru vời vợi
Chẳng bao giờ cách xa.

d

Tôi yêu em tôi
Nó cười rúc rích
Mỗi khi tôi đùa
Nó vui, nó thích.

e

Giờ ra chơi cùng bạn
Em náo nức nô đùa
Khi mệt lại túm tụm
Cùng vẽ tranh say sưa.

g

Nơi ấy ngôi sao khuya
Soi vào trong giấc ngủ
Ngọn đèn khuya bóng mẹ
Sáng một vầng trên sân.

h

Khi bố còn bé tí
Có thích lái ô tô
Có say mê sửa đồ
Có hay xem bóng đá?

i

Bà bảo đường của bé
Chỉ đi đến trường thôi
Bé tìm mỗi sớm mai
Con đường trên trang sách.

2. Tìm từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc trong các khổ thơ trên.

3. Đọc đoạn thơ em thuộc trong một bài đã học.

4. Mỗi câu trong truyện vui dưới đây thuộc kiểu câu nào?

Chuẩn bị bài

Mẹ: – (1) Trời ơi! (2) Sao con đi ngủ sớm thế? (3) Dậy chuẩn bị bài ngày mai đi!

Con: – (4) Con đang chuẩn bị bài. (5) Xin mẹ nói nhỏ một chút! (6) Thầy giáo ra đề bài cho chúng con là "Kể lại một giấc mơ của em.". (7) Con ngủ sớm xem mơ thấy gì để ngày mai còn kể.

Mẹ: – (8) Ôi trời đất ơi!

(Phỏng theo *Phư-đi-cô Phư-đi-ô*)

5. Dựa vào các tranh dưới đây để đặt câu.

a. Một câu hỏi | b. Một câu cảm | c. Một câu kể | d. Một câu khiến

1



2







6. Nói tiếp để hoàn thành các câu dưới đây rồi chép vào vở.

a. Phòng của bạn nhỏ vương vãi đủ thứ: ■, ■, ■,...

b. Bạn đến trường muộn vì phải đi tìm ■, ■, ■,...

TIẾT 5

1. Quan sát tranh và nêu nội dung từng tranh.









2. Kể câu chuyện được thể hiện trong các tranh ở trên và đặt tên cho câu chuyện.

3. Viết lại lời em kể thành đoạn văn.

PHẦN 2 – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ 1

(Đề tham khảo)

TIẾT 6 – 7

1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

BUỔI SÁNG QUÊ NỘI

Khi mặt trời chưa dậy
Hoa còn thiếp trong sương
Khói bếp bay đầy vườn
Nội nấu cơm, nấu cám.

Đàn trâu ra đồng sớm
Đội cả sương mà đi
Cuối xóm ai thầm thì
Gánh rau ra chợ bán.

Gà con kêu trong ổ
Đánh thức ông mặt trời
Chú mực ra sân phơi
Chạy mấy vòng khởi động.

Một mùi hương mong mỏng
Thơm đẫm vào ban mai
Gió chạm khóm hoa nhài
Mang hương đi khắp lối.

Buổi sáng ở quê nội
Núi đồi ngủ trong mây
Mặt trời như trái chín
Treo lủng lẳng vòm cây.

(Nguyễn Lãm Thắng)



a. Tìm những từ ngữ trong bài thơ tả:

hoa	gió	núi đồi	mặt trời

b. Những con vật đã làm gì trong buổi sáng ở quê nội của bạn nhỏ?

c. Bài thơ nói đến những ai? Những người đó làm gì?

2. Đọc – hiểu

CHÚNG TỚ LÀM THỦ THƯ



Tôi và Si-skin được làm thủ thư của thư viện lớp. Thật là oách! Si-skin hào hứng đến nỗi chốc chốc lại chạy ra ngắm nghía sách. Thấy gáy của một số cuốn sách lỏng lẻo, trang sách tuột ra, nó lấy xuống để hai đứa dán lại. Nó ca cẩm:

– Trang thì rách, bìa thì rời ra, lại còn ai vẽ vào đây nữa chứ.

Chúng tôi quyết định treo một khẩu hiệu: "Sách là bạn của chúng ta. Hãy bảo vệ sách!". Giao sách cho bạn nào, Si-skin cũng dặn:

– Cậu giữ sách cẩn thận, đừng để giun dế xuất hiện trong sách nhé!

– Thế là sao?

– Thì đừng vẽ loằng ngoằng vào sách ấy.

Ai mượn lâu, nó giục:

– Người khác cũng muốn đọc, sao cậu giữ lâu thế?

Ai trả quá nhanh, nó cũng không thích:

– Này, cậu đọc lúc nào vậy? Hôm qua mượn, hôm nay đã trả rồi.

Có lúc nhìn giá sách, nó bảo:

– Mọi người mượn nhiều quá, giá thưa hẳn đi này! Tớ thích nhìn nó đầy ăm ắp cơ.

Tôi bảo:

– Ô! Sách là để mượn mà. Tớ cũng đang mượn một cuốn.

– Sao lại mượn sách? Cậu là thủ thư cơ mà.

Tôi phì cười, bảo nó là thủ thư thì cũng được mượn sách chứ. Thế là nó mượn sách theo tôi. Chúng tôi đọc nhiều hẳn lên, và nó không kêu ca về việc giá ít sách nữa.

(*Theo* Ni-cô-lai Nô-xốp, Thuỵ Anh *dịch*)

Trả lời câu hỏi và thực hiện yêu cầu.

a. Si-skin cảm thấy thế nào khi được làm thủ thư của lớp?

- Lo lắng, ngại ngần
- Hãnh diện, hào hứng
- Bồn chồn, hồi hộp

b. Si-skin và bạn của mình đã làm những gì để bảo vệ sách?

- ngắm nghía sách, mượn sách
- dán lại sách, dặn các bạn giữ sách
- không cho các bạn mượn sách, giữ giá sách đầy ăm ắp

c. Vì sao Si-skin ngạc nhiên khi thấy bạn thủ thư khác mượn sách?

- Vì bạn ấy nghĩ rằng thủ thư chỉ quản lí sách.
- Vì bạn ấy không thích đọc sách.
- Vì bạn ấy muốn dành sách cho bạn khác.

d. Vì sao Si-skin không kêu ca về việc giá ít sách nữa?

e. Viết 2 – 3 câu nêu cảm nhận của em về những việc Si-skin đã làm dưới đây:

– Nhắc nhở các bạn trả sách sớm

– Không vui khi các bạn trả sách quá nhanh

– Không muốn sách được mượn nhiều vì thích nhìn giá sách đầy ăm ắp

g. Từ ngữ nào dưới đây chỉ đặc điểm?

đầy ăm ắp　　gáy sách　　kêu ca

h. Tìm trong bài đọc các câu kết thúc bằng *dấu chấm than* và xếp vào 2 nhóm dưới đây:

Câu cảm	Câu khiến

3. Lựa chọn một trong hai đề sau:

a. Viết một đoạn văn tả một đồ dùng học tập.

b. Viết một đoạn văn nêu lí do em thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

MỘT SỐ THUẬT NGỮ DÙNG TRONG SÁCH

Thuật ngữ	Trang
B	
bài thơ	16
bài văn	16
C	
ca dao	14
câu	14
câu chuyện	16
câu cảm	88
câu hỏi	34
câu kể	64
câu khiến	88
câu thơ	14
câu văn	56
chữ viết hoa	14
D	
dấu câu	63
dấu chấm	40
dấu chấm than	64
dấu hai chấm	40
dấu hỏi	45
dấu ngã	45
Đ	
đoạn văn	32
K	
khổ thơ	14
N	
nhân vật	57
S	
so sánh	109
T	
tác giả	23
tiếng	12
truyện	56
tục ngữ	105
từ	24
từ ngữ	12

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

	Trang
Cô-li-a (Kolia)	55
Liu-xi-a (Lusya)	54
Ni-cô-lai Nô-xốp (Nikolay Nosov)	149
Phư-di-cô Phư-di-ô (Fujiko Fujio)	146
Pi-vô-va-rô-va (Pivovarova)	55
Pu-skin (Puskin)	68
Si-skin (Shishkin)	149
Tốt-tô-chan (Totto-chan)	67
Vích-to Huy-gô (Victor Hugo)	50

KẾT NỐI TRI THỨC

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN
Biên tập tái bản: NGUYỄN HƯƠNG GIANG
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: THÁI THANH VÂN
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: BÙI VIỆT DUY – NGUYỄN THÀNH TUYÊN
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG
Chế bản: CTCP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 3 – TẬP MỘT
Mã số: G1HH3V001h26
In ..... bản, (QĐ.....) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/26-09/GD
Số QĐXB: .../..... ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-30708-8
Tập hai: 978-604-0-30709-5



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 3 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 3, tập một
2. Tiếng Việt 3, tập hai
3. Toán 3, tập một
4. Toán 3, tập hai
5. Tự nhiên và Xã hội 3
6. Đạo đức 3
7. Âm nhạc 3
8. Mĩ thuật 3
9. Công nghệ 3
10. Tin học 3
11. Hoạt động trải nghiệm 3
12. Giáo dục thể chất 3
13. Tiếng Anh 3 – Global Success – SHS, tập một
14. Tiếng Anh 3 – Global Success – SHS, tập hai

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-30708-8

9 786040 307088

Giá: 19.400 đ